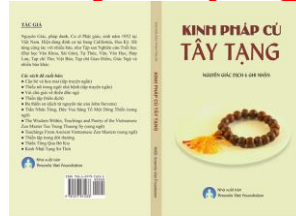


Kinh Pháp Cú Tây Tạng



Cs Nguyễn Giác

---o0o---

Nguồn

<https://hoavouu.com>

Chuyển sang ebook 28-07-2019

Người thực hiện:

Nguyễn Ngọc Thảo - thao.ksd.hng@gmail.com

Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

LỜI GIỚI THIỆU

LỜI TỰA CỦA ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA ĐỜI 14

CHƯƠNG MỘT

PHẨM 01 - VÔ THƯỜNG

PHẨM 02 - THAM

PHẨM 03 - ÁI DỤC

PHẨM 04 - THANH TỊNH

PHẨM 05 - KHẢ ÁI

PHẨM 06 - GIỚI

PHẨM 07 - THIỆN HẠNH

PHẨM 08 - LỜI NÓI

PHẨM 09 - VIỆC LÀM

PHẨM 10 - LÒNG TIN

PHẨM 11 - NGƯỜI XUẤT GIA
PHẨM 12 - THÁNH ĐẠO
CHƯƠNG HAI
PHẨM 13 - DANH VỌNG
PHẨM 14 - GHÉT
PHẨM 15 - NIỆM
PHẨM 16 - TẬP
PHẨM 17 - NƯỚC
PHẨM 18 - HOA
PHẨM 19 - NGỰA
PHẨM 20 - SÂN
PHẨM 21 - NHƯ LAI
PHẨM 22 - LẮNG NGHE
PHẨM 23 - TỰ NGÃ
PHẨM 24 - SỐ LƯỢNG
CHƯƠNG BA
PHẨM 25 - BẠN
PHẨM 26 - NIẾT BÀN
PHẨM 27 - CÁI THẤY
PHẨM 28 - ÁC
PHẨM 29 - NGÀY VÀ ĐÊM
PHẨM 30 - AN LẠC
CHƯƠNG BỐN
PHẨM 31 - TÂM
PHẨM 32 - TỶ KHUU
PHẨM 33 - BÀ LA MÔN
VỀ TÁC GIẢ

---o0o---

LỜI GIỚI THIỆU

Sách này là bản dịch Kinh Pháp Cú Tây Tạng.

Trong các bản Kinh Pháp Cú, phổ biến nhất hiện nay là Kinh Pháp Cú Nam Truyền, tức là Kinh Pháp Cú dịch theo Tạng Pali. Phổ biến nhiều thứ nhì là Kinh Pháp Cú Hán Tạng. Duy ít nghe tới là Kinh Pháp Cú Tây Tạng (Tibetan Dharmapada), còn tên khác là Udanavarga; hiện chưa có bản Việt dịch nào.

Kinh Pháp Cú Nam Truyền, từ Tạng Pali, gồm 26 phẩm, 423 bài kệ - đã nhiều bản Việt dịch, trong đó bản phổ biến nhất là của Hòa Thượng Thích Minh Châu.

Kinh Pháp Cú Bắc Truyền, còn gọi là Kinh Pháp Cú Hán Tạng, gồm 39 phẩm, 759 bài kệ. Bản do Thiền sư Nhất Hạnh dịch còn lấy tên là “Kết một tràng hoa.” Bản Việt dịch gần nhất được xuất bản năm 2019, của hai dịch giả Thích Nguyên Hùng và Thích Đồng Ngộ.

Kinh Pháp Cú Tây Tạng, thường gọi là Kinh Udanavarga, gồm 33 phẩm, 1,100 bài kệ. Bản gốc từ tiếng Sanskrit, được dịch sang tiếng Tây Tạng, và hiện nay có ba bản Anh dịch. Chưa có bản Việt dịch nào trước đây. Bản Việt dịch nơi đây sẽ dựa vào ba bản Anh dịch sau.

-- *Udanavarga: A Collection of Verses from the Buddhist Canon* (ấn bản 1883). Dịch giả là William Woodville Rockhill (1854-1914). Bản này có thể đọc ở mạng: <https://suttacentral.net/uv-kg>. Rockhill là một nhà ngoại giao Hoa Kỳ, cũng là người Mỹ đầu tiên học tiếng Tây Tạng.

-- *The Tibetan Dhammapada* (ấn bản 1983). Dịch giả là Gareth Sparham, có Lời Giới Thiệu của Đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14. Sparham sinh tại Anh quốc, xuất gia và tu học khoảng 20 năm theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng tại Dharamsala, Ấn Độ. Sparham đã được vào học tại Phật học viện nổi tiếng trong cộng đồng người Tây Tạng lưu vong là Institute of Buddhist Dialectics từ 1974 tới 1982. Sparham tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1989 từ đại học University of British Columbia ở Canada. Ông về hưu với cương vị giảng viên tại đại học University of Michigan năm 2009.

-- *The Dhammapada with the Udanavarga* (ấn bản 1986). Dịch giả là Raghavan Iyer (1930-1995). Iyer sinh tại Ấn Độ, tốt nghiệp Tiến sĩ năm 1962, dạy tại University of California, Santa Barbara từ 1965 cho tới khi về hưu năm 1986. Iyer từ trần ở Santa Barbara năm 1995.

Theo ngài Long Thọ (<https://en.wikipedia.org/wiki/Udanavarga>) sách Udanavarga (tức là Pháp Cú Tây Tạng) do các tu sĩ kết tập ngay khi Đức Phật nhập Niết Bàn.

Như thế, các Kinh Pháp Cú thuộc các nhóm kinh kết tập xưa cổ nhất, tính kể từ khi Đức Phật nhập diệt, và khi các nhóm tu sĩ đi phân tán ra các hướng khác nhau, dần dà mới có dị biệt. Học giả Geoffrey Parrinder trong tác phẩm *The Wisdom of the Early Buddhists*, và GS Arthur C. Dechene của Austin Community College cũng ghi nhận tương tự về việc kết tập đó.

Theo truyền thuyết, Kinh Pháp Cú Tây Tạng do Tôn giả Pháp Cứu (Dharmatrāta) tuyển soạn, kết tập; nhiều học giả ngờ vực rằng có thể có nhiều vị kết tập qua nhiều thời kỳ.

Bản Việt dịch này được thực hiện với nhiều đối chiếu. Khi thấy các bản Anh dịch có một số câu dị biệt, tất cả các dị biệt đó đều được dịch ra đầy đủ, không dám bỏ sót ý nào.

Thí dụ: Hai bài kệ 13 và 14 trong bản Anh dịch của Sparham (hình ảnh thoi dệt, và hình ảnh tử tội) khác với bài kệ 13, 14 trong bản Anh dịch của Iyer và Rockhill (hình ảnh lưới nhện), nhưng đều nói ý nghĩa vô thường. Cả hai dị bản đều sẽ dịch đầy đủ nơi bản Việt dịch.

Các bài kệ trong Udanavarga tương đồng với bản Pháp Cú Pali sẽ được ghi thêm ký số bài kệ Pali trong ngoặc đơn (Pali) để độc giả có thể đối chiếu.

Một số bài kệ tương đương sẽ ghi theo bản của Hòa Thượng Thích Minh Châu vì độc giả Việt Nam đã quen thuộc.

Nhìn chung, Pháp Cú Tây Tạng khuyến tấn nhận ra Tứ Diệu Đế, sống ly tham, trì giới, quán vô thường, biết đủ, giữ hạnh cô tịch, phòng hộ sáu căn, hành thiền, dạy tránh danh vọng, khuyên chớ coi thường những người học kém, vì vẫn có nhiều người học kém nhưng kiên tâm trì giới, sống theo chánh pháp đã đắc được Tam Minh. Và rất nhiều lời dạy quan trọng khác.

Đặc biệt, tư tưởng Thiền Tông, hay Thiền Đốn Ngộ (tại Việt Nam là Thiền Trúc Lâm) lập đi lập lại ở nhiều bài kệ. Nơi đó, tâm sẽ tức khắc không thấy tham, sân, si là khi:

- Tâm vô sở trụ, không dính mắc, không chấp thủ, dù là dính vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.
- Tâm buông bỏ những gì ở quá khứ, chớ mơ tưởng gì nơi tương lai, và không to vương gì với hiện tại.
- Tâm để cái được thấy nghe hay biết chỉ là cái được thấy nghe hay biết, và sống với các pháp như thị.
- Tâm đón nhận vô thường trôi chảy, nơi đó là rỗng rang, không lời, không gì để thêm, không gì để bớt.
- Tâm xa lìa cả bờ này và bờ kia, xa lìa cả thiện và ác.
- Tâm lắng nghe cái tịch lặng, nơi ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt – nơi lời nói dứt bật, tâm bất động như núi.
- Tâm thấy tất cả các pháp đều là như huyễn, đều là rỗng rang không tự tánh.

Nơi các lời đó, khi tâm ly tham sân si, là tức khắc Niết bàn.

Tất cả những dòng chữ nơi đây được trân trọng viết để cúng dường Tam Bảo và phụng sự chúng sinh. Tất cả các bất toàn, người biên dịch xin chân thành sám hối.

---o0o---

LỜI TỰA CỦA ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA ĐỜI 14

VIẾT CHO SÁCH

THE TIBETAN DHAMMAPADA

TRONG BẢN ANH DỊCH CỦA GARETH SPARHAM.

Pháp tu để an tâm và tăng thượng tâm do Đức Phật dạy từ hơn 2500 năm qua là một trong những phương pháp thành công để đạt được nội tâm an bình. Đó là một kho báu vô giá của nhân loại. Hiện nay, nhiều người mới bắt đầu tìm thấy trong lời Đức Phật dạy một giải thích về hoàn cảnh con người phù hợp với nhận thức riêng của họ về thực tại. Từ đó họ bắt đầu nương tựa vào Phật pháp để có nội tâm bình an mà họ muốn. Đã thấy rõ với họ rằng các thành đạt bên ngoài không mang tới hạnh phúc lâu dài, và rằng chính tham,

sân và si trong tâm họ đang đứng ngăn cách giữa họ với hạnh phúc họ tìm kiếm – từ đó tăng thêm trong tâm họ sự tôn kính đối với sự thích nghi và chiều sâu của Phật pháp.

Tuyển tập *Udanavarga* mới dịch nơi đây nguyên nằm trong 108 nhóm Kinh Phật được dịch sang tiếng Tây Tạng, gọi là *Ched.du.brjod.pai.ts'oms*. Các bài kệ này được người Tây Tạng biết tới qua vẻ đẹp của chất thơ và tính phổ quát của lời dạy. Bất kỳ Phật tử nào cũng thấy lời dạy trong sách này gắn liền với họ. Vô thường, những khổ đau của luân hồi, nỗi nguy hại của bất thiện tâm, và pháp hành và pháp tăng thượng tâm với giới, định và huệ là lời dạy chung cho tất cả các tông phái Phật giáo.

Tôi hy vọng rằng trong tương lai, tất cả những ai ước muốn, đều có thể đọc được lời Đức Phật dạy trong ngôn ngữ riêng của họ, và tự họ sẽ nhận ra bình an và hạnh phúc mà họ tìm kiếm.

Ngày 15 tháng 5/1982

Đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 14

---o0o---

CHƯƠNG MỘT

PHẨM 01 - VÔ THƯỜNG

Xin ngợi ca Ngài, Đức Phật toàn trí!
Nguyện cho tất cả đều được hạnh phúc!

Ghi nhận: Trước mỗi bài kệ có một ký số, ghi thứ tự trong Phẩm. Thí dụ, Phẩm Vô Thường này có 43 bài kệ. Sang Phẩm kế tiếp, ký số lại khởi đầu từ số 1.

Các bài kệ tương đương với bản Pháp Cú Pali sẽ có ngoặc đơn (Pali) bên cạnh ký số đầu bài kệ, với dấu = trước ký số của bài kệ từ bản Pali.

Trong khi Pháp Cú Pali khởi đầu về tâm, rằng tâm dẫn đầu các pháp, Pháp Cú Tây Tạng khởi đầu về vô thường, rằng tất cả các pháp đang chảy xiết. Cả hai cách xếp đặt đều có chủ ý quan trọng.

Với Pháp Cú Pali, mở đầu là Phẩm Song Yếu, rằng tất cả pháp là do tâm tạo tác, rằng khắp thế giới chỉ là những cái được thấy, những cái được nghe, những cái được cảm thọ, được tư lường... Khổ Tập Diệt Đạo cũng thế, và do vậy sinh tử và Niết Bàn không lìa tâm mà có.

Với Pháp Cú Tây Tạng, mở đầu là Phẩm Vô Thường, chỉ ra rằng từng khoảnh khắc trôi đi, chảy xiết, rằng từng khoảnh khắc tức khắc sinh và tức khắc tử, và do vậy là vô ngã, và đời người y hệt như chữ viết do gậy vẽ trên mặt nước, không hề có gì gọi là “tôi và của tôi.”

Một trong những phương pháp cảm thọ vô thường là chú ý vào nghe: âm thanh không từ đâu tới, không đi về đâu, vừa trôi qua là tịch diệt ngay, không níu lại được – Kinh Lăng Nghiêm của Bắc Tông viết rằng khi lắng nghe là có thể cảm nhận tức khắc trên toàn thân tâm mình các pháp ấn vô thường, vô ngã, bất như ý, rỗng rang không tịch.

Quán niệm vô thường cũng là lời dạy cuối cùng của Đức Thế Tôn trước khi vào Niết Bàn. Trường A Hàm 2, Kinh Du Hành viết rằng: “Thế nên các Tỳ-kheo chớ có buông lung. Ta chính nhờ không buông lung mà được thành Chánh giác. Vô lượng điều lành toàn nhờ không buông lung mà có được. Hết thấy vạn vật đều vô thường, đó là lời dạy cuối cùng của Như Lai.”

Bản Anh dịch Phẩm Vô Thường của Rockhill có 41 bài kệ, trong khi bản của Iyer và Sparham có 43 bài kệ.

Phẩm Vô Thường như sau.

Tôi tụng lại nơi đây lời Đấng Chiến Thắng dạy. Hãy nhiệt tâm, tỉnh thức và chú tâm nghe với tâm hoan hỷ.

Đức Phật là Đấng toàn trí, Đấng bảo vệ, Đấng vô lượng quyền năng, Đấng vô lượng từ bi, là người đã hoàn tất thân cuối trong cõi luân hồi, Đức Bạt Già Phạm, đã nói lên những lời này.

Than ôi! Những gì hợp đều sẽ tan; những gì được tạo tác đều sẽ hư rã. Những gì sinh ra đều sẽ chết. Chỉ trong tịch lặng, mới có hạnh phúc.

(= Pháp Cú Pali, bài kệ 146) Với người đang bị lửa thiêu đốt, niềm vui làm gì có được? Người đang sống trong bóng tối, sao chưa bước đi tìm ánh sáng?

(149) Rải rác khắp hướng nơi đây là xương người màu xám tro; niềm vui nào mà người nhìn ngó chúng nữa.

Từ khoảnh khắc mà người vào bụng mẹ, chuyển đi từ sinh tới tử khởi đầu; một khi đã vào cõi này, là hết lụi nữa được.

Mới sáng sớm, còn thấy nhiều người nơi đây, đêm về là có vài người từ trần rồi; Mới hội tối, còn thấy nhiều người nơi đây, sáng ra đã thấy vài người lìa đời.

Nhiều người nam và nữ đã chết khi còn rất trẻ, hay khi đang tráng niên; làm sao người có thể tự nghĩ là còn trẻ và sẽ còn sống lâu dài?

Một số chết trong bụng mẹ, một số chết khi vừa ra đời, một số chết khi còn tập đi, và một số chết trong khi thành niên.

Một số chết già, và một số chết trẻ, một số chết khi thành người lớn; từ từ ròi tất cả đều biến mất, y hết trái chín trên cây ròi sẽ rơi rụng.

Tất cả trái chín đều sẽ phải rơi và hư vữa; tương tự, ai đã sinh ra cũng đều mang đầy nỗi sợ chết.

Đòi người y hết chiếc bình đất sét chói sáng từ người thợ gốm; tất cả cũng đều rồi bị tan vỡ.

13. (347) *Dịch theo bản của Iyer và Rockhill*: Y hết như mạng nhện, nơi nhện di động tới lui trong lưới không thoát nổi; tương tự, đòi người cũng trong bẫy của mong manh hư vỡ.

Theo bản Sparham: Y hết như trên khung vải dệt, chỉ tơ sợi chạy tới lui để dệt cuối cùng cũng hết; tương tự, đòi người.

14.

Bản Iyer và Rockhill: Cứ mỗi chuyển động đều mang con nhện tới gần cái chết; tương tự, mỗi bước đòi người đều tới gần cái chết thêm.

Bản Sparham: Y hết từng bước của tử tội dẫn tới gần dàn treo cổ, nơi y sẽ bị treo và chết; tương tự, mỗi bước đòi người.

Như một dòng sông chảy xiết mãi và không bao giờ trở lại; những ngày trong đời người cũng thế, trôi đi và không trở lại.

Niềm vui trôi nhanh và hòa lẫn với đôn đau; đòi người nhanh chóng biến mất, y hết chữ viết do gậy vẽ trên mặt nước.

(135) Như người mục đồng dùng gậy lừa bỏ vào chuồng, bệnh hoạn và tuổi già lừa đòi người vào cõi chết

Như nước từ dòng suối chảy ngày và đêm, giờ khắc đòi người cũng thế; nó đưa chúng ta càng lúc càng gần hơn tới kết thúc.

(60) Đêm sẽ dài với người không ngủ nổi, đường sẽ xa với người quá mệt mỏi, vòng sinh tử luân hồi sẽ rất dài với người không biết Chánh Pháp.

(62) “Các đứa trẻ này là con tôi, các tài sản này là của tôi...” Hễ nghĩ như thế là cứ khổ mãi. Bởi vì “cái tôi” không hề có, sao lại có cái gì là “của tôi.”

Định luật của cõi người là, bất kể ai có làm chủ hàng trăm ngàn tài sản trần gian, rồi cũng sẽ rơi vào sức mạnh của thân chết.

Tất cả tài sản cất giấu rồi cũng sẽ bị phân tán; tất cả những gì khởi lên rồi cũng sẽ bị rơi xuống; tất cả những gì gặp gỡ rồi cũng cách chia; đòi người cuối cùng rồi sẽ phải chết.

Cuối đời người là chết, tất cả chúng sinh rồi cũng sẽ lìa đời; trong khi đó, kết quả những việc thiện và ác họ đã làm trong đời sẽ vẫn theo sát họ.

(126) Người làm ác, sẽ rơi xuống địa ngục; người làm lành, sẽ sinh vào cõi hạnh phúc. Người sống với chánh pháp sẽ không phạm lỗi, sẽ thành tựu Niết bàn.

Các vị Phật, và các vị Độc giác Phật, và tất cả các đệ tử của các vị Phật đều đã rời bỏ thân của họ lại; thì nói gì tới đám đông vô minh? (*Trong ghi chú của Rockhill, dẫn theo Luận Thư, nói rằng không có hy vọng giải thoát gì cho người không tin vào chánh pháp, không rời bỏ nổi các say đắm trần gian.*)

26 (128). Bất cứ nơi nào người tới, cũng không thoát nổi cái chết, dù có lên trời cao, hay có xuống dưới biển sâu, hay có vào các hẻm núi. Thấy rằng tất cả những người nơi đây, và tất cả người tương lai, đều rời bỏ thân này và từ trần; hiểu rằng thân người sẽ hư rã, người trí tuệ sống đời thanh tịnh theo chánh pháp.

Thấy tuổi già, thấy nỗi đau vì bệnh hoạn, thấy cái chết của người không chánh niệm, người tinh tấn sẽ rời bỏ căn nhà tù giam này; nhưng người đời thường lại ưa thích tấm thân, và không bỏ được nỗi tham.

29 (151). Ngay cả cỗ xe rực rỡ của quốc vương cũng sẽ bị hư hoại, thân người rồi cũng sẽ già; nhưng các vị tối thắng trong cõi người, dạy cho chúng sinh chánh pháp tối thắng này, sẽ không biết tới già lão.

Người thực sự u tối và tội nghiệp, nếu không biết những gì là lỗi đi chân chánh; vì tấm thân mà người quý trọng vui hưởng này sẽ là nguyên có cho người tan nát.

Người ta có thể sống một trăm năm, rồi cũng phải chết; người ta có thể sống tới già, nhưng rồi bệnh cũng sẽ dẫn họ đi.

Người cứ mãi lãng xãng, không biết dừng lại, sẽ hư hoại từng ngày và đêm, đầy các sàu khổ sanh tử, y hết con cá bị ném vào nước sôi.

Bản Rockhill: Đời này trôi xiết đêm và ngày; bất ổn y hết dòng chảy của sông lớn; người trôi mãi, không quay lại được.

Bản Iyer và Sparham: Cho dù người ngồi hay đi, dòng sông đời không trở ngược lại được, y hết như sông chảy xiết, cuốn trôi cả ngày và đêm. Thân người như cá trong vũng nước cạn; từng ngày và đêm trôi đi; làm gì có vui trong đời ngắn ngủi này.

35 (148). Sự chết sẽ kết thúc mạng sống, thân này nặng gánh vì già và bệnh, nhanh chóng suy yếu; mớ máu thịt này sẽ hư hoại sớm.

(41) A ha! Thân này sẽ sớm nằm trên đất, không ai chú ý, trống rỗng, không còn ý thức gì, bị ném ra một nghĩa địa y hết khúc gỗ cháy đen. Thân này liên tục đau đớn vì bệnh, cứ tiết ra những thứ bất tịnh, đè nặng vì tuổi già và chết, đâu còn tích sự gì?

(286) *Bản Iyer và Sparham:* Kẻ không thấy hiểm nguy, bắt kẻ sinh mạng y hư hoại nhanh chóng, cứ nghĩ rằng mình sẽ ở nơi này cho mùa đông và rồi sẽ ở nơi này cho mùa hè.

Chi bằng hãy gom sức lực từ mớ xương thịt bất tịnh này, từ tấm thân thường bệnh hoạn và không ngừng tới gần sự chết, để tu cho thành tựu bình an tối thượng.

(288) *Bản Rockhill:* Vây quanh người là con cháu và thân thuộc, nhưng không ai có thể giúp người tỵ nạn, dù là cha, mẹ với bà con; người không có một nơi để quy hướng.

Bản Iyer và Sparham: Ta sẽ làm chuyện này vào mùa hè tới hay mùa xuân tới, hay khi mùa đông tới. Nghĩ như thế, họ không thấy được nguy hiểm.

Bản Rockhill: Những việc làm như thế là cội nguồn hạnh phúc, mà ta sẽ nỗ lực thực hiện. Người tự sửa soạn mình như thế sẽ vượt qua già, bệnh và chết.

Bản Iyer và Sparham: Như trận lụt quét qua một thị trấn, chết sẽ tới nhanh hơn, và cuốn trôi tất cả gia đình, vật dụng và tài sản của những người mà tâm họ còn say mê các thứ đó.

Bản Rockhill: Hãy buông bỏ mọi thứ, để đi tìm niềm vui bất tận của thiền định; hãy thấy cái kết thúc của sinh và già khi bắt đầu tinh tấn [tu học chánh pháp]; hãy vượt qua các bữa tiệc của Ma Vương, và tỳ khưu sẽ vượt qua sinh và tử.

(Bản Rockhill: tới đây hết Phẩm Vô Thường)

Bản Iyer và Sparham: Các con của người không bảo vệ được người khi cái chết tới với người; ba mẹ, bạn bè người cũng thế. Lúc đó, người sẽ không có nơi ẩn trú.

Bản Iyer và Sparham: “Khi tôi làm xong điều này rồi tôi sẽ làm điều kia, và sau đó tôi sẽ làm chuyện đó.” Già, bệnh và chết gặm mòn đời những người cứ bận như thế.

Bản Iyer và Sparham: Do vậy, hãy thường trực vui trong thiền định, tinh tấn tu học, nhìn thấy cái kết thúc sinh và tử, chinh phục hoàn toàn ma quân. Hỡi các tỳ khưu, hãy vượt qua sinh và tử.

(Bản Iyer và Sparham: hết Phẩm 1, về Vô Thường)

---o0o---

PHẨM 02 - THAM

Ghi nhận: Cả ba bản tiếng Anh đều dịch nhan đề phẩm này là Desire, tức là muốn có vật gì hay muốn chuyện gì xảy ra. Nhưng bản Rockhill viết rằng tham muốn khởi lên từ *indecision* (bất định, do dự để lựa chọn), trong khi bản Sparham dịch rằng tham muốn khởi lên từ *wrong conceptions* (vọng tưởng), bản Iyer dịch rằng tham muốn khởi từ *false, fickle conceptions* (vọng tưởng dao động). Do vậy, nơi đây sẽ dịch tham muốn khởi lên từ “vọng tưởng.” Trong Tạng Pali, các bản Kinh MN 18, Kinh Sn 4.11, Kinh DN 21 nói rằng nơi tưởng thì không gì sai, nhưng khi khởi niệm yêu/ghét để lựa chọn thì là vọng tưởng.

Tham cũng là cội nguồn chấp ngã, vì *tâm tham khởi dậy vì có “cái tôi” đang chạy tìm “cái của tôi”* – ly tham sẽ không thấy có cái nào là “cái của tôi” để nắm giữ.

Tưởng (perception) là chức năng của tâm, thấy xanh, đỏ, tím, vàng thì nhận ra xanh, đỏ, tím, vàng dị biệt nhau, nhưng người trí chỉ nên nhận ra như thể là như thể, chớ đừng khởi niệm ưa xanh, thích đỏ, hay ghét tím, bỏ vàng. Chính vọng tưởng là tâm phan duyên, dẫn tới tham muốn, từ đó cứ biện biệt để nắm giữ, và đó là luân hồi. Do vậy, khi nhận ra tưởng là vô thường, hãy kiên trì giữ cái nhìn vô thường, sẽ lià được tâm tham muốn, và đó là đoạn tận sâu khổ. Ly tham (greed) sẽ đắc Thánh quả thứ ba, tức quả Bất Lai; ly tham hữu (greed of being) sẽ đắc quả A La Hán. Ly tham phải trị từ gốc niệm. Tương Ưng Bộ - Tập IV - Thiên Sáu Xứ, bản Việt dịch HT Thích Minh Châu ghi lời Đức Phật dạy hãy **vô niệm**. Bản Việt dịch Kinh Tương Ưng 35.207 (207. XI. Kinh Bó Lúa) của HT Minh Châu có đoạn, trích:

Ai có tư tưởng (Mannamāna), người ấy bị Māra trói buộc. Ai không có tư tưởng, người ấy được giải thoát khỏi Ác ma... Có tư tưởng, này các Tỷ-kheo, là tham. Có tư tưởng là mụn nhọt. Có tư tưởng là mũi tên. Do vậy, này các Tỷ-kheo, các Ông cần phải học tập: "Tôi sẽ sống với tâm không có tư tưởng".

(<https://www.budsas.org/uni/u-kinh-tuongungbo/tu4-35g.htm>)

Hai bản tiếng Anh của Bikkhu Bodhi và Bikkhu Sujato ghi kinh trên là SN 35.248. Bản của ngài Bodhi viết:

In conceiving, one is bound by Mara; by not conceiving, one is freed from the Evil One... Conceiving is a disease, conceiving is a tumour, conceiving is a dart. Therefore, bhikkhus, you should train yourselves thus: 'We will dwell with a mind devoid of conceiving.' (Dịch: *Ai suy nghĩ tư lường, sẽ bị buộc vào Ác Ma; ai không suy nghĩ tư lường, sẽ giải thoát khỏi Ác Ma... Suy nghĩ tư lường là bệnh, suy nghĩ tư lường là ung bướu, suy nghĩ tư lường là mũi tên. Do vậy các thầy tỳ khưu phải tự rèn luyện thể này: "Tôi sẽ sống với tâm không có suy nghĩ tư lường."*)

(<https://suttacentral.net/sn35.248/en/bodhi>)

Tuy nhiên, suy nghĩ tư lường (dựa vào khái niệm trừu tượng) là một công cụ lớn để vào đạo – đó là chánh tư duy. Do vậy, vô niệm có nghĩa là nhận ra tánh rỗng rang trong niệm, từng niệm không dính vào sắc thanh hương vị xúc pháp nào. Nghĩa là, ngay khi thấy niệm sinh, tức thì thấy niệm diệt, cũng là thấy vô thường, cũng là thấy vô niệm.

Bài Kệ số 8 còn nói rằng *tâm tham là vô thường*, những gì được tham (trong tâm) cũng là vô thường. Do vậy, quán vô thường sẽ lià tâm tham. Do vậy, hãy liên tục cảm nhận dòng chảy vô thường đang chảy xiết qua thân tâm mình.

Phẩm Tham như sau.

1. Tham muốn khởi dậy từ vọng tưởng; do vậy, hãy nhận biết chúng là cội gốc tham muốn. Hãy rời bỏ tất cả các vọng tưởng, rồi tham muốn sẽ không khởi dậy.

(215) Tham muốn dẫn tới khổ, tham muốn dẫn tới sợ hãi. Người xa lìa tham muốn sẽ không khổ, không sợ hãi.

(214) Hỷ ái dẫn tới khổ, hỷ ái dẫn tới sợ hãi. Người xa lìa hỷ ái sẽ không khổ, không sợ hãi.

4. Tham muốn và hỷ ái sẽ dẫn tới sâu khổ; y hết trái ngọt rồi trở thành vị đắng; cũng như ngọn đuốc không buông bỏ sẽ cháy người cầm đuốc.

(345) Thế Tôn nói rằng sắt, gỗ, và dây không trói chúng sinh chặt bằng trang sức, châu báu, vợ con trói buộc.

(346) Sẽ khó cho người bị lòng tham muốn trói buộc tự giải thoát. Chỉ người kiên trì, cắt bỏ tất cả những tham muốn dục lạc, mới sớm giải thoát.

Thế giới đa dạng này không đáng gì để tham muốn. Nó trông như đáng tham muốn chỉ vì quyến rũ tâm người. Hãy kiên trì cắt bỏ tâm tham muốn, để mặc cho thế giới đa dạng như thế.

Hãy thấy rằng tâm tham muốn là vô thường, những gì được tham muốn cũng là vô thường. Hãy tự giải thoát lìa khỏi bất cứ những gì đang chảy xiết vô thường, để tìm bất tử.

Giữ tâm tỉnh thức và giới hạnh sẽ tránh được sâu khổ từ niệm tham muốn khởi lên; tham muốn không lay động được tâm người như thế; người có tâm như thế là giải thoát.

10 (239) Người trí y như thợ bạc, cẩn trọng trong từng khoảnh khắc, tự làm trong sạch tâm, lìa cả niệm bất tịnh vi tế.

Hết như thợ giày sửa soạn da kỹ càng trước khi đóng giày, người đã xa lìa tham muốn sẽ thấy an lạc lớn nhất.

Muốn an lạc, hãy xa lìa tất cả tham muốn; người đã xa lìa tất cả tham muốn sẽ thấy an lạc vi diệu nhất.

Hễ ai chạy theo tham muốn, sẽ không bao giờ thỏa mãn được. Người trí tuệ rời xa tham muốn, sống tự biết đủ.

Tham muốn không bao giờ biết đủ; trí tuệ dẫn tới biết đủ. Người trí tuệ, sống biết đủ, không thể rơi vào vòng dục lạc.

Người tìm hỷ ái, và người vui trong sai phạm giới hạnh, sẽ không nhận ra nguy hiểm bao trùm, kể cả khi họ sắp từ trần.

Người tâm bất thiện sẽ bị hỷ ái lôi ngã, và không muốn vượt qua; tâm họ trôi lăn với dục lạc, tự hại mình và người.

(186) Mưa vàng bạc cũng không đủ cho kẻ tham; người trí biết rõ là một chút tham cũng mang tới nhiều sâu khổ.

(187) Đệ tử Đức Phật không tìm vui ngay cả nơi cõi chư thiên, chỉ tìm vui trong việc đoạn tận tham ái.

Ngay cả núi vàng ngọc châu báu cũng không vừa cho một người tham; Hiểu như thế, hãy tự mình phòng hộ tâm mình.

Những ai đã biết tham là cội nguồn sầu khổ, chớ nên tìm vui trong hỷ ái nữa. Đã thấy cội nguồn sầu khổ trong thế giới này, hãy kiên trì tự bình lặng tâm mình.

Hết Phẩm 2, về Tham

---o0o---

PHẨM 03 - ÁI DỤC

Ghi nhận: Phẩm này nói rằng phải xa lìa các loại ưa thích say đắm nơi mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân chạm xúc, tài sản, sắc dục, tên tuổi quyền thế, ăn ngon, ngủ nhiều (tức là, các ưa thích nơi: sắc, thanh, hương, vị, xúc, tài, sắc, danh, thực, thù). Đặc biệt là cũng phải xa lìa kiến dục, các lập trường quan kiến (có/không; hữu/vô).

Phẩm Ái Dục như sau.

Chúng sinh bị vọng tưởng kéo trôi; người nào cho rằng say đắm bất thiện như là thanh tịnh sẽ chỉ làm tăng mạnh thêm say đắm, thêm sức mạnh cho dây tự trói buộc.

Người liên tục giữ tâm an tịnh, vắng bật vọng tưởng, quán sát các pháp bất tịnh, sẽ tự xả ly ái dục, gỡ được dây trói buộc.

Chúng sinh bị lưới tham vây phủ như người đi trong bóng tối, bị say đắm ái dục xé tan nát; phàm phu bị trói buộc mãi, hết như cá trong ao nước sôi.

(284) Ái dục mọc nhanh như dây leo, trói buộc những người buông lung; chúng sinh cứ chạy mãi theo tuổi già và chết, hết như bê chạy theo bò mẹ tìm sữa bú.

(334) Người có tâm bất tịnh, và người có tâm say đắm, và người chạy theo dục lạc, cứ mãi sinh tử luân hồi, hết như khí trong rừng tìm hái trái cây.

(342) Cứ mãi tìm dục lạc, và cứ mãi đi đường sinh tử, chúng sinh bị ái dục lôi kéo, và chạy mãi y hết nai trong lưới.

Những người bị ái dục trói buộc, và những người cứ lý luận quan kiến (về có/không, về hữu/vô) sẽ cứ mãi tìm vui dính mắc, sẽ thọ khổ hoại trôi. Người thiếu chính kiến, người thiếu an tịnh, và người dính mắc ái dục sẽ chạy theo già chết như bê theo mẹ tìm sữa.

Khi xả ly tham ái, xả ly cả ưa thích [quan kiến] có với không (lìa cả hữu/vô), bậc tỳ khuru vượt thắng tất cả sinh hữu, và sẽ thành tựu niết bàn tối thượng.

(335) Muốn giải thoát phải làm điều rất khó, là xả ly ái dục nam nữ, vì nó chỉ tăng sâu khổ, như cỏ mọc sau mưa.

(336) Ai đã làm điều rất khó, là xả ly ái dục nam nữ, sâu khổ sẽ tự lìa xa, hết như giọt sương rơi khỏi lá sen.

(337 Pali, phần đầu). Do vậy, với pháp hội nơi đây, hãy nghe lời ta dạy: phải nhổ gốc cỏ ái dục, cây mới lớn được.

(337 Pali, phần sau). Làm bạn với ái dục sẽ trôi lăn vô lượng kiếp; nhổ xong gốc ái dục, sâu khổ và sợ hãi sẽ biến mất.

(341) Chúng sinh cứ mãi sinh ra, cứ mãi vào bụng mẹ, cứ mãi tới và đi, cảnh giới này rồi cảnh giới kia.

Rất khó thoát khỏi ba cõi; người xả ly tham ái mới nhổ được hạt giống sinh hữu (seed of existence), sẽ rời vòng sinh tử.

Tuy còn tham dục trói buộc khi sinh vào cõi người hay cõi trời, hãy tận lực vượt qua tham dục. Vì kẻ rơi vào cõi địa ngục, sẽ hối tiếc cơ hội đã mất này.

(340) Tham dục là cội nguồn luân hồi. Tham dục là rễ dây leo, mọc lên buộc người vào lưới. Nếu không phá hủy tham dục, sẽ sâu khổ hoài, và sẽ mất cơ hội giải thoát hoàn toàn.

(338) Cây bị cắt, hễ còn gốc rễ, rồi sẽ mọc lại; do vậy, hễ còn mảy may vi trần tham dục, là sẽ khổ luân hồi mãi.

Vũ khí mình làm, sẽ giết chính mình, khi vũ khí vào tay kẻ cướp; do vậy, tham dục khởi từ tâm mình, sẽ giết chính mình.

Biết tham dục dẫn tới khổ, khi rời tham dục xong, không nắm giữ dính mắc gì, vị tỳ khuru tỉnh thức xa lìa thế giới này.

Hết Phẩm 3, về Ái Dục

---o0o---

PHẨM 04 - THANH TỊNH

Ghi nhận: Hai bản Anh dịch của Rockhill và Iyer dịch phẩm này là Purity (Thanh tịnh), trong khi bản Sparham dịch là Caution (Sống không phóng dật). Về ký số, bản Sparham có 34 bài kệ, hai bản kia có 35 bài kệ; thực sự không dị biệt nhiều, vì bài kệ 31 trong bản Sparham là gộp hai bài kệ lại. Nơi đây, sẽ dịch là Thanh Tịnh, và ký số theo Rockhill và Iyer.

Trong phẩm này, bài kệ số 4 có nói về “cõi chư thiên” (the abode of gods), là chỉ về cõi tịnh cư của các vị Bất Lai, tức là thánh quả thứ ba, chỉ sau A La Hán. Bài kệ số 7, theo luận thư, giới định huệ là nền tảng bậc Mâu Ni

(Muni), tức là A La Hán. Bài kệ 19 nói rằng cần hiểu bản chất của thân (nature of the body), là cách nói xưa cổ về Niệm Thân. Nhiều bài kệ trong phẩm này (Kệ 21-23) nhấn mạnh giữ giới là đủ hiểu pháp, cần hơn thuộc kinh, và thuộc vài câu nhưng hành trì, ly tham sân si mới thực là hạnh tu. Bài kệ 33 nói về giữ giới và niệm tâm (trong Tứ niệm xứ).

Phẩm **Thanh Tịnh** như sau.

(21) Người thanh tịnh sẽ bất tử; bất tịnh là bạn với chết. Người thanh tịnh sẽ không chết; bất tịnh, sẽ chết mãi.

(22) Hiểu như thế, người trí sống vui trong đơn sơ và thanh tịnh; họ vui niềm vui của bậc đại sĩ.

(23) Luôn luôn giữ tâm như thế, và quyết tâm vượt tới bờ bên kia, họ rồi sẽ vào Niết bàn, an lạc tối thượng.

(28) Khi người trí tinh tấn, vượt thắng phóng dật, nhờ trí tuệ sẽ vào nơi chư thiên tịnh cư, và rồi xa lìa sâu khổ, họ từ đỉnh núi nhìn xuống những người bất trí còn ở mặt đất.

(25) Người trí nhờ tinh tấn, giữ giới, và thanh tịnh sẽ tự biến thành hòn đảo, không trận lụt nào làm chìm được.

Người tinh tấn được ca ngợi vì cẩn trọng, tự xét mình, thanh tịnh, giữ giới, việc làm chính đáng, trọn đời đúng pháp.

Hãy tự tu học để đạt trí tuệ tối thượng và nền tảng của bậc Mâu Ni. Người giữ được tâm tịch lặng liên tục sẽ dứt được khổ.

Không dính vào lý thuyết sai lầm, cũng không hề phóng dật; người không dính mắc vọng thuyết sẽ lìa được cõi này.

Người suy nghĩ đúng đắn về thế giới này sẽ đạt được bậc cao đó, dù có qua thêm cả ngàn kiếp, cũng không rơi vào ác đạo.

Người phóng dật sẽ có tâm hư hỏng; người trí phải cẩn trọng, như người trưởng đoàn xe canh gác châu báu của mình.

Người không phóng dật, không tìm vui dục lạc, với tâm luôn luôn tỉnh thức chăm chú, sẽ chấm dứt sâu khổ.

Người đã dứt khổ, cũng không để phóng dật trong cõi này, không còn bị tổn thương nữa bởi phóng dật, như sư tử không thể bị hươu nai làm hại.

(309) Người vô tâm, muốn vợ người, sẽ gặp bốn nạn: bị tiếng xấu, ngu không yên, bị coi thường, vào địa ngục.

(310) Người bất thiện như thế, dù rơi vào ái dục khoảnh khắc, sẽ nhận quả nặng nề, đốt cháy trong địa ngục.

Người muốn tìm an lạc, hãy giữ giới cẩn trọng; người kiên tâm không để chút lơ đãng như kẻ bất trí lái xe ngựa.

Khi kẻ bất trí lái xe rời đường chính, và đã vào đường gập ghềnh, họ sẽ ân hận vô cùng vì lỗi lầm đó.

Tương tự, kẻ bất trí rời bỏ chánh pháp để theo phi pháp, sẽ rơi vào tay thần chết; cũng bị hủy diệt vì mất đường sáng.

Người không làm điều nên làm, và người làm điều không nên làm, người làm với phóng dật, sẽ chỉ tăng nạn dữ, tăng sầu khổ, và rất xa đường tịch diệt.

Người hiểu bản chất của thân, quán sát thân liên tục, sẽ không làm điều không nên làm, và sẽ làm điều nên làm.

Do vậy, người với kỷ ức và hiểu biết sẽ kết thúc sầu khổ, và khi hết sầu khổ sẽ tìm thấy an lạc.

Trước pháp hội này, ta nói rằng hễ ai giữ được giới luật là đã hiểu pháp, bất kể là mới nghe chẳng bao nhiêu về pháp. Người thuận theo pháp là thực sự hiểu được pháp.

(19) Dù tụng nhiều kinh, nếu không hành trì, ưa phóng dật, như đếm bò người khác, không phải sa môn hạnh.

(20) Dù thuộc chỉ vài câu, nhưng hành trì chánh pháp, từ bỏ tham sân si, mới dự phần sa môn hạnh.

Ai ca ngợi sự tinh tấn và chỉ trích sự phóng dật, sẽ ở vị trí cao trong cõi chư thiên, hơn là người có trăm lần cúng dường.

Khi ca ngợi sự tinh tấn, bậc trí biết biện biệt đúng và sai; bậc trí luôn tinh tấn vì 2 lý do: phước đức trong kiếp này và kiếp sau; người tinh tấn biết như thế mới là bậc trí tuệ.

(327) Tỳ khuru vui trong thanh tịnh, biết kinh sợ bất tịnh, sẽ tự thoát đường ác, như voi tự thoát vũng lầy.

Tỳ khuru vui trong thanh tịnh, biết kinh sợ bất tịnh, phải rút hết tội lỗi y hết trần gió tước sạch lá trên cây.

Tỳ khuru vui trong thanh tịnh, biết kinh sợ bất tịnh, xa lìa mọi dính mắc, và từ từ đạt tới niềm vui an lạc.

Tỳ khuru vui trong thanh tịnh, biết kinh sợ bất tịnh, sẽ đạt tới sự tròn đầy tịch lặng, hoàn toàn bình an và giải thoát.

Tỳ khuru vui trong thanh tịnh, biết kinh sợ bất tịnh, là đã tới gần Niết bàn, và chắc chắn sẽ thành tựu Niết bàn.

Người giữ giới và tinh tấn, sống y pháp hành, khi thuận theo pháp sẽ tìm thấy hạnh phúc trong cõi này và cõi sau.

Các người, với nhiệt tâm học và tìm bình an, hãy tinh tấn ra sức hành trì, hãy nhìn kỹ xem đời những kẻ phóng dật, không phòng hộ, không tự quán xét, và hãy xem đời những kẻ lười biếng đã rời đường học, và chớ có nghe kẻ phóng dật đó.

Thầy Tỳ khuru nào giới hạnh chân thực và vui trong tinh tấn sẽ kiểm soát được tất cả các niệm, và tâm sẽ thấy an toàn.

Hãy khởi dậy, bắt đầu đời sống mới, hướng theo Phật pháp, đập bẹp quân lính Ác Ma, như voi đập bẹp ngôi nhà bùn.

Bất kỳ ai sống thuận theo giới hạnh, dụn dàng, và thanh tịnh, sẽ rời được vòng sinh tử, sẽ lìa được hoàn toàn khổ.

Hết Phẩm 4, về Thanh Tịnh

---o0o---

PHẨM 05 - KHẢ ÁI

Ghi nhận: Khả ái là dễ thương, dễ được ưa thích. Bản Rockhill dịch là Những gì dễ thương (Agreeable things), trong khi hai bản kia cùng dịch là Vẻ đẹp, hay Nhan sắc (Beauty). Điểm chung nghĩa là, những gì làm say đắm chúng ta, như nơi mắt là nữ sắc, hoa, tranh, cảnh..., nơi tai là tiếng đàn, lời ca, giọng nói thủ thi... tương tự với những gì làm chúng ta say đắm nơi mũi (mùi hương), lưỡi (món ăn ngon), thân (cơ thể chạm xúc), ý nghĩ (tư tưởng, thơ văn)... Khi nơi đây dịch “khả ái” là nói chung tất cả các pháp lôi cuốn đó. Khi thấy có gì dễ thương, là thấy có “cái được tôi ưa thích,” và cả thế giới của “ngã, ngã sở” khởi dậy. Thí dụ, nghe một ca khúc hay, nhiều năm sau còn muôn nghe lại nữa; tức là bản nhạc đó đã trói buộc “thế giới tâm của tôi” qua thời gian rất dài. Để lìa các thứ khả ái, nói ngắn gọn là phải ly tham, không trụ vào bất cứ gì hết.

(212) Các thứ khả ái sẽ mang tới sầu khổ và sợ hãi; người rời bỏ các thứ khả ái, sẽ thoát sầu khổ, lìa sợ hãi.

Các thứ dễ thương sẽ mang tới sầu khổ và sợ hãi; khi tất cả những gì xinh đẹp đó biến đổi, thất vọng sẽ khởi lên.

Thế giới đầy phiền não –buồn, lo, tiếc nhớ... –khởi lên vì nắm giữ các thứ khả ái. Rời các thứ khả ái, phiền não biến mất.

Người hạnh phúc, lìa sầu khổ, khi không thấy gì là say đắm; không bận tâm với các thứ khả ái, sẽ ly tham và giải thoát.

(210) Sầu khổ khởi dậy khi xa những gì mình ưa thích, khi gặp những gì mình hờn ghét; do vậy, đừng bao giờ tìm những gì dễ thương, cũng chớ bận tâm với những gì dễ ghét.

Khi buộc phải xa những gì mình ưa, khi cứ gặp những gì mình ghét, sầu khổ sẽ không chịu nổi đối với người già.

Khi người mình ưa thích lìa đời, như bà con hay bạn thân, nỗi buồn sẽ lớn và lâu dài; xa lìa người thương dẫn tới sầu đau.

Không thấy ưa với ghét sẽ không bị trói buộc; do vậy, ai thấy dễ thương là phiền não sẽ sẵn sàng từ bỏ những gì dễ ưa.

Ngung so đo những gì ưa [với ghét], sẽ không bị buộc vào niềm vui thế tục; tìm niềm vui vượt trên tự ngã là tìm Niết bàn.

Chúng sinh cõi trời và người bị trói vào niềm vui thân xác (bodily), làm điều bất thiện, chịu khổ, rơi vào già và chết.

Ai tinh tấn ngày đêm, lìa niềm vui thân xác, điều rất khó làm, sẽ nhỏ được gốc rễ tội lỗi, thực phẩm của Ác Ma.

Kẻ bất trí xem bất thiện là thiện, xem khó ưa là dễ ưa, xem khổ là vui, chắc chắn sẽ bị hủy diệt.

Người tìm vui trong bất thiện pháp, sẽ không bao giờ biết đủ. Chớ nên làm bất thiện pháp.

Người tìm vui trong thiện pháp, sẽ tự sống biết đủ. Chớ nên làm bất thiện pháp.

Như thành quách biên trấn, có tường xây kiên cố bảo vệ; Người tự phòng hộ kiên cố sẽ sống trong niềm vui của pháp.

(157) Người trí sẽ vui sống khi tỉnh thức suốt cả ba thời; tỉnh thức liên tục chính là phòng hộ an toàn.

(315) Gác kỹ trong và ngoài, thành biên trấn sẽ bình an; tương tự, hãy tự canh gác mình liên tục, chớ để lỗ cơ hội sinh làm người, vì khi đã sinh vào địa ngục, là sẽ ân hận.

Nhìn khắp nơi, sẽ thấy mình thương mình nhất; do vậy, chớ làm cho người khác những gì mình thấy đau đớn cho mình.

Với mọi người, mạng người là quý, ai cũng sợ bị trừng phạt; do vậy, mình cũng thế, chớ đánh đập ai, chớ giết hại ai.

(219) Như người vừa đi thật xa và trở về bình an, người thân và bạn hữu đón với những tiếng reo mừng “Alala!”

(220) Tương tự với người giới đức, khi rời đời này và sang đời khác, phước nghiệp hân hoan đón như người thân.

Do vậy, hãy làm việc lành cũng để cho đời sau; vì thiện nghiệp sẽ đón nhận các chúng sinh trong thế giới khác.

Người sống giới đức được chư thiên ca ngợi; người không có lỗi nào sẽ có niềm vui tuyệt hảo trên cõi trời.

Người thuận theo pháp, giữ giới hạnh, biết đủ, không nói dối, làm những gì nên làm, sẽ sống vui phần đời còn lại.

Người làm những gì nên làm, và người sống vui với chánh pháp, cho người khác niềm vui, sẽ an vui nơi thế giới sau.

Khuyên người khác giữ giới, và tự xa lìa tất cả sai trái – người công chính vui như thế, và không vui với điều bất chính.

Do vậy, những gì thiện và bất thiện sẽ ly biệt nơi cái chết; người ác hạnh rơi địa ngục, người thiện hạnh lên cõi trời.

Hết Phẩm 5, về Khả Ái

PHẨM 06 - GIỚI

Ghi nhận: Giới hạnh là Śīla, tức là một trong ba chi đề giải thoát – Giới, Định, Huệ. Giới cũng là chi thứ nhì trong Sáu Ba La Mật. Có bài kệ trong phẩm này sẽ giữ theo văn phong của Hòa Thượng Thích Minh Châu. Tuy phẩm này nói về giới, nhưng bài kệ số 4 cũng nhấn mạnh về bố thí phước thiện, một phương diện của tâm từ ái.

Trong phẩm này, bài kệ số 13 (ký số theo Rockhill và Iyer, nhưng là số 11 trong bản Sparham) nói về “kiêu hãnh, bất tịnh trong và ngoài” có ý muốn nói ngã chấp, vương cái thấy “có tôi” và “có tham ái” trong 6 nội xứ (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) và 6 ngoại xứ (cái được thấy, cái được nghe, cái được ngửi, cái được nếm, cái được chạm xúc, cái được nghĩ ngợi tư lường). Như thế, giới còn có nghĩa là phòng hộ các căn.

Trong một số kinh, Đức Phật nói rằng khi giữ giới cả trong và ngoài (12 xứ) như thế là giải thoát. Như trong Trung Bộ, Kinh MN 138, bản tiếng Việt của Hòa Thượng Thích Minh Châu ghi lời Đức Phật dạy: *“Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào để thức của vị ấy đối với ngoại trần không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối. Này các Tỷ-kheo, nếu thức đối với ngoại trần không tán loạn, không tản rộng, tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối, sẽ không có tập khởi, sanh khởi của khổ về sanh, già, chết trong tương lai.”*

Giữ giới như thế, sẽ không cần tu gì nữa. Kinh AN 10.2 và Kinh AN 11.2 ghi lời Đức Phật dạy rằng đối với người giới đức thanh tịnh, không cần phải khởi tâm làm gì nữa, vì sẽ tự động không hối tiếc, sẽ tự động có hỷ lạc, sẽ tự động có khinh an, sẽ tự động đắc định, sẽ tự động thấy và biết như thật, sẽ tự động ly tham, sẽ tự động có giải thoát tri kiến, và là đắc quả A La Hán.

Muốn tìm được ba loại hạnh phúc – được ngưỡng mộ, sở hữu bảo vật, và sinh lên cõi an lạc – phải giữ giới.

Người trí giữ giới phải nghiêm túc để có phẩm hạnh bậc thánh, mất tuệ toàn hảo và tịch lặng trong đời.

Giới hạnh đưa tới hạnh phúc; thân xa lìa đau đớn; đêm ngủ sẽ bình yên, và khi thức sẽ vẫn an lạc.

Người từ ái bố thí và giữ giới sẽ hưởng hạnh phúc vô tận nhờ quả phước bố thí trong cõi này và cõi sau.

Hạnh phúc cho người giữ giới ngay cả trong tuổi già, và người giữ tín tâm: trí tuệ là kho tàng lớn nhất của con người; không tên trộm nào trộm được phước hạnh.

6-7 Người xuất gia giữ giới bền, phòng hộ các căn, ăn chừng mực, không ngủ nhiều – tinh tấn như thế ngày và đêm, tất nhiên sẽ tới gần Niết bàn.

Giữ giới bền, với tâm và tuệ nhiệt tâm trong thiền định, người xuất gia như thế sẽ phá hủy sâu khổ.

Từ đó, người cẩn trọng giữ giới hạnh và thiền định sẽ đạt mắt nhìn siêu thế và biện biệt với trí tuệ.

Xa lìa mọi dính mắc, tâm không vương gì, cách biệt tất cả với trí tuệ, người đó vượt vô lượng sâu khổ.

Người toàn tâm vào ba pháp học – giới, định và huệ -- rồi sẽ tới thanh tịnh toàn hảo, dứt khổ, hết tái sinh.

Người dứt mọi tham đắm, rời thân này với trí tuệ, sẽ vượt qua cõi Ma vương, và sẽ rực sáng như mặt trời.

Người xuất gia nào kiêu hãnh, bất tịnh trong và ngoài, sẽ không toàn hảo được giới, định và huệ.

Mưa rơi từ bầu trời có mây, không rơi từ bầu trời sáng; do vậy hãy bạt mây che tâm, và mưa sẽ không rơi.

Người luôn luôn tỉnh thức và giữ giới bền trên đường tới Niết bàn sẽ mau chóng tới thanh tịnh toàn hảo.

(54) Hương các loại hoa thơm không bay ngược chiều gió; nhưng hương bậc thánh không bị gió thổi bạt, và hương này bay đi khắp phương trời.

(55) Hoa chiên đàn, già la, hoa sen, hoa vũ quý -- Giữa các hương hoa ấy, Giới hương là vô thượng.

(56) Ít giá trị hương này: hương già la, chiên đàn; chỉ hương người đức hạnh, ngát thơm tận cõi trời.

(57) Người giới hạnh, an trú không phóng dật, chánh trí, chơn giải thoát, sẽ không gặp đường ma.

Đây là con đường an lạc chân thực; người đã vào con đường thanh tịnh toàn hảo này sẽ lìa mọi lưới ma.

Hết Phẩm 6, về Giới

---o0o---

PHẨM 07 - THIỆN HẠNH

Ghi nhận: Đức Phật dạy là phải lìa các pháp bất thiện nơi thân, khẩu và ý. Đồng thời hãy giữ thiện hạnh nơi thân, lời nói và tâm ý sẽ đạt được bốn

pháp vô lượng (bài kệ 5); bản ghi chú của Sparham viết rằng đó là từ vô lượng, bi vô lượng, hỷ vô lượng, xả vô lượng. Người luôn luôn giữ thiện hạnh nơi thân, lời nói và tâm ý rồi sẽ giải thoát, xa lìa sầu khổ; nghĩa là, theo các bài kệ 7-11, khi liên tục phòng hộ thân, khẩu và ý (còn hiểu là phòng hộ 12 xứ) là đủ để giải thoát, không cần tu gì thêm.

Người lìa pháp bất thiện nơi thân, giữ thiện hạnh nơi thân, giữ giới nơi thân, sẽ không phạm tội về thân.

Người lìa pháp bất thiện nơi lời nói, giữ thiện hạnh nơi lời, giữ giới nơi lời, sẽ không phạm tội về lời nói.

Người lìa pháp bất thiện nơi tâm ý, giữ thiện hạnh nơi ý, giữ giới nơi ý, sẽ không phạm tội về tâm ý.

Người lìa pháp bất thiện nơi thân, nơi lời nói, nơi tâm ý – là đã xa lìa tất cả các pháp bất thiện.

Người giữ thiện hạnh nơi thân, lời nói và tâm ý sẽ đạt được bốn pháp vô lượng.

Người giữ thiện hạnh nơi thân, lời nói và tâm ý sẽ đạt được hạnh phúc vô lượng nơi cõi này và cõi sau.

Người trí khéo phòng hộ thân sẽ không bị gì làm nguy hại; người này tới nơi bất tử, nơi không sầu khổ.

Người trí khéo phòng hộ lời nói sẽ không bị gì làm nguy hại; người này tới nơi bất tử, nơi không sầu khổ.

Người trí khéo phòng hộ tâm ý sẽ không bị gì làm nguy hại; người này tới nơi bất tử, nơi không sầu khổ.

Người kiên tâm liên tục phòng hộ thân, lời nói, tâm ý; khi người kiên tâm khéo phòng hộ tất cả pháp, người này tới nơi bất tử, nơi không sầu khổ..

Sẽ tốt lành khi phòng hộ thân, phòng hộ lời nói, phòng hộ tâm ý; Tỷ kheo phòng hộ tất cả sẽ xa lìa khổ.

Lời nói cẩn trọng, tâm ý khéo phòng hộ, thân không làm ác – Đức Phật dạy hãy giữ ba pháp như thế.

Hết Phẩm 7, về Thiện Hạnh

---o0o---

PHẨM 08 - LỜI NÓI

Ghi nhận: Bài kệ số 5 nói rằng kẻ la mắng một vị thánh sẽ rơi rất nhiều kiếp (bản Iyer dịch là ngày, bản Sparham dịch là năm, bản Rockhill dịch là kiếp) vào hai loại địa ngục – Nirabbudas là nơi băng lạnh kinh khủng, Abbudas là ngục lửa cháy liên tục.

Phòng hộ lời nói không chỉ là giữ giới, không chỉ là sợ gây nhân quả xấu, vì nếu chỉ vì sợ là còn vin vào “ngã, ngã sở” -- mà tận gốc phải là **khởi**

xuất từ lòng từ bi với chúng sinh. Trong Kinh MN 58, bản dịch của Hòa Thượng Thích Minh Châu, ghi lời Đức Phật dạy:

“...này Vương tử, lời nói nào Như Lai biết không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, thì Như Lai không nói lời nói ấy. Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, thì Như Lai không nói lời nói ấy. Và lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác không ưa, không thích, Như Lai ở đây biết thời giải thích lời nói ấy. Lời nói nào Như Lai biết là không như thật, không như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa thích, Như Lai không nói lời nói ấy. Lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, không tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, Như Lai không nói lời nói ấy. Và lời nói nào Như Lai biết là như thật, như chân, tương ứng với mục đích, và lời nói ấy khiến những người khác ưa và thích, ở đây, Như Lai biết thời giải thích lời nói ấy. Vì sao vậy? Nay Vương tử, Như Lai có lòng thương tưởng đối với các loài hữu tình.”

(306) Nói láo rơi địa ngục, Có làm nói không làm, Cả hai chết đồng đẳng, Làm người, nghiệp hạ liệt.

Lời thô ác nói lên từ miệng chúng sinh rồi sẽ trở thành binh khí miệng lưỡi tấn công vào chính họ.

Ai khen người đáng trách, và ai trách người đáng khen – đều là tội nơi miệng, rồi sẽ không thấy hạnh phúc.

Mất tài sản trong cõi này vì cờ bạc chỉ là tội nhỏ; nhưng kẻ khởi ác tâm với Như Lai là tội cực trọng.

Kẻ dùng lời và ý mắng một vị thánh sẽ rơi 10 triệu kiếp địa ngục hàn băng, 1.041 kiếp địa ngục lửa cháy.

Người với ác tâm đố lỗi người vô tội sẽ bị tăng hình phạt trong địa ngục. Người có trí tuệ sẽ không nói lời sai trái; cũng không hề khởi chút tâm nào hiềm khích.

(164) Kẻ ngu si miệt thị, Giáo pháp bậc La Hán, Bậc Thánh, bậc chánh mạng. Chính do ác kiến này, Như quả loại cây lau, Mang quả tự hoại diệt.

Khi nói, chỉ nói lời lành, không nói lời ác; từ lời ác, điều hung ác sẽ tới, do vậy hãy dùng lời chính đáng.

Người ngu nói ác, sẽ bị lời ác trói buộc; Hễ ai dùng lời ác, không dùng lời từ ái, ta gọi đó là kẻ bất trí.

Tỳ kheo giữ gìn lời nói, dè dặt lời nói, không kiêu hãnh, sống chánh pháp, dạy chánh pháp, lời từ ái êm tai.

Bậc thánh dạy cần chính yếu là lời khéo nói. Thứ nhì, nói từ ái, không nói thô ác; thứ ba, nói thực, không nói dối; thứ tư, nói khi cần thiết, không nói vô ích.

Hễ nói lời không tự mang sầu khổ tới, và lời không hại người khác là người khéo nói.

Chỉ nói lời dịu dàng, lời mang vui cho người khác, mang vui cho mình, chớ dùng lời kích động ai gây tội.

Lời thật y hết mật ngọt cõi trời; tối thắng là lời thật. Bậc thánh nói, sự thật là từ thiện pháp, từ lẽ phải.

Lời Đức Phật nói và lời gỡ bỏ tất cả sầu khổ là lời của sự thật; Lời dẫn tới Niết bàn như thế là lời tối thắng.

Hết Phẩm 8, về Lời nói

---o0o---

PHẨM 09 - VIỆC LÀM

Ghi nhận: Bài kệ số 9 ở hai bản Rockhill và Iyer là bài kệ số 8 ở bản Sparham. Luận Thư giải thích cho bài kệ vừa nói, viết rằng sau khi vua Prasenajit đánh thắng và bắt sống vua Adjatasatru, vua Prasenajit hỏi Đức Phật rằng có nên giam và xử tử vua Adjatasatru hay không, Đức Phật nói là đừng làm như thế vì hãy nghĩ ngược lại, nếu mình thất trận.

Phẩm này nói rằng việc ác làm xong sẽ đưa tới ác quả, sầu khổ, đau đớn theo kẻ ác tận kiếp sau.

(176) Kẻ rời bỏ chánh pháp - độc đạo tới giải thoát - ai nói lời vọng ngữ, không ác nào không làm.

(308) Thà là nuốt hòn sắt cháy bỏng, hơn là nhận phẩm vật cúng dường mà sống vô hạnh, phạm giới.

Nếu biết sợ khổ, nếu không muốn thọ khổ, thì chớ làm điều ác, dù công khai hay bí mật.

Nếu ai đã làm ác, hay nếu sẽ làm ác, cho dù có chạy tới bất cứ nơi nào, rồi cũng sẽ thọ nhận khổ.

(127) Không nơi nào - dù dưới đất, trên trời, giữa biển, hay động núi - để trốn được quả ác nghiệp.

Khi thấy người quanh mình làm ác, chớ làm theo như họ; chớ đi vào đường lỗi.

Kẻ làm ác, kẻ xài cân gian lận, kẻ hại người, kẻ làm bất kỳ các sai trái tương tự, là kẻ đi lối rơi vào vực thẳm.

Cho dù thiện hay ác, hễ việc đã làm xong, cho dù là việc nhỏ, cũng sẽ có nghiệp quả.

Khi nghiệp lành nhóm lại, người là kẻ thắng trận; hãy nghĩ tới trường hợp, nếu người là kẻ thua trận.

Không thấy pháp, người ngu đi theo đường dữ; kẻ làm ác, sẽ nhận ra sai lầm nơi cõi tái sinh.

(136) Kẻ ngu không thấy là việc ác khi quả tới sẽ đốt y cháy; do nghiệp, kẻ ngu bị nung nấu như lửa.

(66) Kẻ ngu, thiếu trí, tự xem là kẻ thù; kẻ đó làm việc ác, sẽ mang tới ác quả cháy bỏng.

(67) Việc làm gây hại, sẽ dẫn tới quả đầy nước mắt, phải cúi đầu, ân hận rằng việc làm đó là sai.

(68) Việc làm không gây hại, mang tới niềm vui và hạnh phúc, rằng việc làm đó đã thực hiện tốt đẹp.

(69) Đi tìm dục lạc, kẻ ngu làm ác, cứ mãi cười vui; khi ác nghiệp chín mùi, lúc đó y sẽ sầu khổ.

(71) Việc ác đã làm sẽ không như sữa đóng váng ngay; chỉ như lửa ẩn dưới tro, sẽ thiêu cháy kẻ ngu.

Việc ác đã làm sẽ không như grom đâm chết người ngay; nhưng ác quả sẽ theo kẻ ác sang kiếp sau.

Việc ác sẽ đau đớn cháy bỏng cỡ nào khi ác quả tới, kẻ ác sẽ thấy trong kiếp sau.

Y hệt gỏi sét bám vào ăn mòn sắt, việc ác sẽ đưa ác quả bám theo kẻ phóng dật.

Hết Phẩm 9, về Việc làm

---o0o---

PHẨM 10 - LÒNG TIN

Ghi nhận: Phước sẽ tới nhờ tín, giới, thí. Nếu không có lòng tin, sẽ không tinh tấn; nếu không tinh tấn, sẽ không đắc huệ giải thoát. Do vậy, lòng tin là tài sản lớn.

Bài kệ số 16 trong phẩm này được Luận Thư kể rằng hai ngài Cariputra và Maudgalya-yana từ rừng vào một ngôi làng để khát thực. Một số dân làng Tirthikas nổi sân, la mắng, lấy đất bỏ vào bình bát hai vị; tuy nhiên một số người Bà La Môn tử tế đã tới xua đuổi kẻ dữ, và cúng dường thích nghi. Bài kệ nói hai vị sư vẫn giữ bất động tâm giữa người lành, kẻ dữ; nhưng rời xa kẻ bất tín, và thân cận người thiện tín.

Lòng tin, khiêm tốn, giới hạnh, bố thí – bậc thánh ca ngợi các đức tính này; người có các đức tính đó sẽ vào cõi chư thiên; ta nói, con đường đó sẽ dẫn vào cõi thiên.

(177) Keo kiệt không sanh thiên, Kẻ ngu ghét bố thí, Người trí thích bố thí, Đời sau, được hưởng vui.

Lòng tin là bảo vật lớn nhất của cõi này, ai sống theo pháp này sẽ tìm thấy an lạc: sự thật là ngọt ngào nhất trong các vị, sống với trí tuệ là tối thắng trong đời.

Người trí tin lời bậc A La Hán dạy sẽ dẫn tới Niết bàn, và khi nghe pháp với tôn kính, sẽ đạt được trí tuệ.

Nhờ tinh tấn, ra khỏi biển, nhờ lòng tin, hết nạn sông; nhờ tinh tấn, dứt sâu khổ; nhờ trí tuệ, sẽ thanh tịnh.

Tu sĩ có bạn là lòng tin, với đầy đủ trí tuệ sẽ cắt đứt mọi trói buộc để đạt tới Niết bàn.

Người trí có tín, giới, tuệ chân thật, khi tâm ai giữ các đức này sẽ sạch tội; ta gọi người đó đi đường thiện.

Người giới và tín toàn hảo, người bố thí rộng rãi, người rời tâm tham keo kiệt, tới đâu cũng được ca ngợi.

Người trí cõi này giữ chặt lòng tin và trí tuệ; đó là bảo vật quý nhất; người đó xa lìa mọi tài sản khác.

Người ưa nghe lời bậc thánh, ưa nghe thuyết pháp, xa lìa mọi tâm tham, người đó gọi là “thiện tín.”

Hãy luôn bày tỏ lòng tin, vì đó là phước không ai trộm được; hạnh phúc là bậc tu sĩ có lòng tin như thế, hạnh phúc là người trí khi gặp bậc tu sĩ như thế.

(249) Bố thí là vì ưa thích, vì lòng tin. Mất vui vì kẻ khác ăn hay uống, sẽ tự ngày đêm mất định.

(250) Ai dứt tâm ghen tỵ đó, cũng như cắt bỏ ngọn cây tala, sẽ được ngày đêm vào định.

Chớ thân cận kẻ thiếu lòng tin, vì kẻ đó y hệt giếng khô; hễ đào lên, sẽ chỉ thấy nước bẩn, đầy bùn.

Người trí thân cận người có lòng tin, vì người này như sông lớn và trong, như hồ êm sóng và mát.

Bậc tịch lặng vẫn giữ tâm lặng lẽ giữa cả người lạnh, kẻ dữ; Hãy xa người bất tín, và gần người tín tâm.

Hết Phẩm 10, về Lòng Tin

---o0o---

PHẨM 11 - NGƯỜI XUẤT GIA

Ghi nhận: Trong khi hai bản Rockhill và Iyer ghi nhan đề phẩm này là “The Shramana” – tức là bậc Phạm hạnh, bậc ần tu, người hành giả, tu sĩ, sa môn, Tỳ khưu (dù nghĩa từ nguyên thời cổ xưa có bao gồm những vị ần tu từ

truyền thống tôn giáo khác) – trong khi bản Sparham ghi là “The Ordained Person” chỉ hàm nghĩa người xuất gia bên nhà Phật.

Lời Đức Phật có khi dùng văn phong nhấn mạnh, như ở bài kệ 16, với cách nhiều lời một ý -- “xa rời tội, tịch lặng tội, xa rời tất cả bất tịnh” – để chỉ hạnh tu sĩ.

Một số bài kệ nơi đây sẽ giữ văn phong của Hòa Thượng Thích Minh Châu.

(383) Tu sĩ, hãy ly tham ái, hãy tinh tấn chận dòng sinh tử; không rời tham ái, sẽ không đạt toàn thiện.

(313) Phóng dật và thờ ơ chỉ gom thêm tội; người dè dặt và tinh tấn biết cách làm những gì cần làm.

(312) Hành vi buông thả, không biết hối lỗi, sống đời bất chính, sẽ chẳng có lợi ích gì.

(311) Như mũi tên vụng nắm, sẽ bị họa đứt tay; tu sĩ làm sai trái, sẽ rơi vào địa ngục.

Như mũi tên khéo nắm, sẽ không cắt vào tay; tu sĩ làm đúng phận sự, sẽ đi tới Niết bàn.

Tu sĩ kém học, thấy khó qua sông, thấy khó kham nhẫn, tâm đầy sầu khổ vì thiếu quyết tâm.

Tu sĩ sống mãi như thế, sẽ khổ hoài thôi, không thể tự giải thoát, khi tâm đầy những bất định.

Ưu làm tội lỗi, dù là tu sĩ hay cư sĩ, say mê sai trái, là tự vào đường sầu khổ tái sinh.

Nhiều thầy mặc y vàng áo vá, nhưng sống buông thả, vui làm ác, rồi sẽ vào ngục vô gián.

(162) Phá giới quá trầm trọng, Như dây leo bám cây, Gieo hại cho tự thân, Như kẻ thù mong ước.

(260) Không phải là trưởng lão, Dầu cho có bạc đầu. Người chỉ tuổi tác cao, Được gọi là: "Lão ngu."

(261) Bạc giới hạnh, không lỗi, tu thanh tịnh đạo, xa lìa mọi bất tịnh, mới xứng danh Trưởng Lão.

(264) Làm sai, nói dối, dù cạo đầu, cũng không là tu sĩ. Sống vô minh và tham ái, sao gọi là tu sĩ.

(265) Làm sai, nói dối, dù cạo đầu, cũng không là tu sĩ. Tịch lặng hết các tội, mới được người trí gọi là tu sĩ.

Làm sai, nói dối, dù cạo đầu, cũng không là tu sĩ. Phân biệt tất cả tội, cả tội nhỏ và lớn, xa lìa tội, tịch lặng tội, mới được gọi là tu sĩ.

Người xa rời tội, là bậc Phạm hạnh; tịch lặng tội, là bậc sa môn; xa rời tất cả bất tịnh, là bậc tu sĩ.

Hết Phẩm 11, về Người Xuất Gia

PHẨM 12 - THÁNH ĐẠO

Ghi nhận: Nhan đề phẩm này trong bản Rockhill là “The Way” – trong hai bản Iyer và Sparham cùng dịch là “The Path.” Đều có nghĩa là con đường, lối đi, phương pháp tu để giải thoát. Nơi đây, xin dịch là Thánh Đạo. Tri kiến giải thoát là cần nhìn ra Tứ Diệu Đế (Khô, Tập, Diệt, Đạo), còn gọi là Tứ Thánh Đế, gọi tắt là Tứ Đế, tức Bốn Sự Thật Vi Diệu do Đức Phật chỉ ra.

Con đường giải thoát là Bát Chánh Đạo (chánh kiến, chánh tư duy, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định), còn gọi là Bát Thánh Đạo, hay Đường Đạo Tám Nhánh, gọi tắt là Bát Chánh, là con đường duy nhất để giải thoát - nằm trong Đạo Đế.

Trí tuệ sẽ giúp người tu thấy Tứ Thánh Đế, hiểu rõ đường tu này sẽ phá hủy tất cả tham muốn về sinh hữu.

Bụi do gió thổi lên, và sẽ nhờ mưa lắng xuống; tương tự, người có mắt tuệ, toàn bộ tâm ý sẽ tịch lặng.

Tri kiến đó giúp người tu kết thúc sinh và tử, giải thoát người tu ra khỏi thế gian, đó là đệ nhất tri kiến.

(273) Tứ Đế là sự thật tối thắng; Bát Chánh là đường đạo tối thắng; Ly tham là pháp tối thắng; người Thấy Pháp là tối thắng giữa loài hai chân.

(277) Tất cả pháp hữu vi đều vô thường; thấy tri kiến đó, sẽ hết khổ: đây là đường thanh tịnh toàn hảo.

(278) Tất cả pháp hữu vi đều khổ; thấy tri kiến đó, sẽ hết khổ: đây là đường thanh tịnh toàn hảo.

(279) Tất cả pháp hữu vi đều là không; thấy tri kiến đó, sẽ hết khổ: đây là đường thanh tịnh toàn hảo.

Tất cả pháp hữu vi đều là huyễn ảo; thấy tri kiến đó, sẽ hết khổ: đây là đường thanh tịnh toàn hảo.

(276) Ta đã dạy con đường dứt khổ sinh hữu. Như Lai là thầy, tự các người phải ra sức đi tới Niết bàn.

Ta đã dạy con đường dứt khổ tham ái. Như Lai là thầy, tự các người phải ra sức đi tới Niết bàn.

(274) Duy đường này, không đường khác, tới tri kiến thanh tịnh; chú tâm đường này, sẽ xa lưới Ma.

Đường này thẳng, tới thế giới khác; đường này độc đạo, tới biển thanh tịnh. Ngài Thích Ca Mâu Ni, với định và huệ, dạy về đường đạo này cho nhiều chúng sinh.

Thấy đường dứt bỏ sanh tử, ta với tâm từ bi dạy đường duy nhất này. Sau khi vượt qua dòng sông tội lỗi, ta dạy người khác vượt sông như ta đã qua bờ.

Đường này tới tịch diệt hoàn toàn, bình an, thanh tịnh; đường này dứt bỏ luân hồi sinh tử; phương tiện phân biệt tất cả pháp giới: đường này do người mất tuệ dạy.

Như nước Sông Hằng chảy xiết, rồi tan vào biển, người đi lối tri kiến toàn hảo này rồi sẽ tịch diệt cái chết.

Đức Phật, tâm từ với chúng sinh, đã chuyển bánh xe Pháp, trước giờ chưa từng có, là Đấng Bảo Vệ, thầy của trời người, vượt bờ sinh hữu -- con xin kính lễ.

Người giữ 3 thiện hạnh (xả ly, yêu thương, từ bi), và rời 3 ác hạnh (tham ái, sân hận, hiềm khích) sẽ tới bình an; như bụi do mưa lắng xuống, khi tâm và thân an định, người đó hỷ lạc vô cùng với trí tuệ tối thắng.

Tâm người đó vào 3 pháp định (không, vô tướng, vô nguyện), thiền trong vắng lặng với 4 tâm vô lượng (từ, bi, hỷ, xả); quán chiếu như thế, người trí gỡ hết trói buộc, tự giải thoát khỏi 3 miền (tham, sân, si) bằng 3 phương tiện (giới, định, huệ).

Lấy trí tuệ làm binh khí, lấy tinh tấn làm sức mạnh, người đó tự quán chiếu, giữ tâm định, vui trong thiền, hiểu rõ sinh và diệt của các pháp thế gian, sẽ hoàn toàn giải thoát: ai hiểu rõ pháp tịch diệt của thế gian, ta nói đó là người đã đạt pháp vô sinh và đã tới bờ kia.

Người chú tâm vào Bát Thánh Đạo, con đường thẳng, sẽ tới bất tử; theo đường này, người đó sẽ thấy an lạc như ý, và xứng đáng được ca ngợi.

Hết Phẩm 12, về Thánh Đạo

---o0o---

CHƯƠNG HAI

PHẨM 13 - DANH VỌNG

Ghi nhận: Nhan đề phẩm này các bản Iyer và Rockhill dịch là “Honours” (bản Sparham viết theo tiếng Anh ở Hoa Kỳ: “Honors”) – nghĩa là, danh dự, vinh dự, danh vọng, được ngợi ca, kiêu hãnh... Ngắn gọn, thấy có một “cái tôi” được xã hội ngợi ca nhờ có tài năng, tài sản, quyền lực, hảo tướng... Kể cả trong giới tu sĩ (bài kệ số 3-7), cũng có vị muốn ghé cao, quyền lực, danh tiếng, được cúng dường nhiều. Đức Phật dạy rằng nên sống cô tịch, ẩn tu (bài kệ 5, 9-10). Bài kệ 15 ca ngợi hạnh du tăng.

Đặc biệt, chớ nên coi thường những người học kém (bài kệ 11-12), vì có nhiều người học kém nhưng trì giới và sống theo chánh pháp đã đắc được Tam Minh (the three uncontaminated knowledges).

Như con la cái chết khi đẻ con, như cỏ tranh và cây chuối hư hoại khi ra trái, kẻ ngu bị hủy diệt vì danh tiếng.

(72) Kẻ ngu cứ mãi háo danh, bất kể bao lâu hy sinh; vận may kẻ ngu tổn hại, sâu khổ sẽ chụp lên đầu.

(73) Kẻ ngu ưa tài sản, ưa quyền cao hơn tỳ khuru, ưa chỉ huy nơi tịnh xá, để được người khác kính lễ.

(74) “Cả tu sĩ, cư sĩ phải hình dung rằng chính ta đã làm thế; bất kể việc xong hay không, họ phải phục tùng ta” – kẻ ngu nghĩ thế, lòng tham tăng hoài.

(75) Đây là đường tới giàu sang, đường kia là tới Niết bàn; nếu tu sĩ, học trò Thế Tôn, hiểu thế, thì chớ tìm vui trong danh tiếng, hãy tìm nơi cô tịch tuyệt hảo.

Chớ say đắm bất cứ gì; chớ gạt bất kỳ ai; hãy bỏ tất cả mọi nghề; theo đường đạo, chớ dính tới thương mại.

Hãy dùng những gì được cúng dường, chớ ganh tỵ kẻ khác; tu sĩ ganh tỵ kẻ khác sẽ không tìm thấy an định.

Nếu người muốn sống hạnh phúc, hãy mặc áo tu sĩ, thọ nhận cúng dường thức ăn và thức uống.

Nếu người muốn sống hạnh phúc, hãy cư trú nơi tự viện, như loài bò sát ẩn trong hang chuột.

Nếu người muốn sống hạnh phúc, hãy biết đủ với cảnh an bản, và chỉ nghĩ tới pháp tối thắng.

Dù học ít, nếu khéo trì giới, sống đạo theo hiểu biết, sẽ được khen, “người này không phóng dật.”

Kẻ ngu nghĩ là người kia chẳng biết gì, coi thường, có thể sẽ không ngờ người kia đã đắc tam minh (Túc mệnh minh, Thiên nhãn minh, Lộ tận minh).

Kẻ ngu sẽ ca ngợi những người sống trong sâu khổ và tội lỗi, nếu họ có thực phẩm và tài sản.

Kẻ ngu thấy kẻ thù lớn nhất là: người cạo đầu, mặc áo cà sa, chỉ tìm thức ăn, thức uống, y phục, nơi ngủ.

Do vậy, khi biết những gì là tội, biết nguy hiểm của danh tiếng, với chỉ vài vật dụng nhu yếu, và rời bỏ tất cả dao động của tâm, tỳ khuru tự quán chiếu, đi lang thang nơi này và nơi kia.

Vì cần ăn để giữ mạng sống, người thiếu ăn có thể tâm sẽ khó an tĩnh; do vậy, biết rằng cần ăn để giữ thân này, tu sĩ sẽ đi khát thực.

Đây là điều người trí tôn kính và ca ngợi: gỡ bỏ tất cả sâu khổ, đó là việc khó, và người ta ca ngợi vị tu sĩ biết kiên nhẫn và chịu đựng; do vậy, hãy học để nhận thấy vững lầy (và để xa lìa nó).

Hết Phẩm 13, về Danh Vọng

---o0o---

PHẨM 14 - GHÉT

Ghi nhận: Nhan đề phẩm này được Rockhill và Iyer dịch là “Hatred” (Ghét, khó chịu, ganh tỵ, không ưa... đối với ai) trong khi Sparham dịch là “Animosity” (rất mực căm ghét). Nơi đây dịch là “Ghét” – một chữ quen thuộc trong tiếng Việt mang nhiều mức độ “bực dọc, khó chịu, căm giận...” Bài kệ số 6 nói về xung đột giữa Vua Brahmadata của xứ Kaci và Dirgila của xứ Kosala, bị người kém trí xui giục chiến tranh, tàn sát, cướp bóc, rồi lại hòa nhau.

Nhiều bài kệ nơi đây dạy về chọn bạn: hãy chọn bạn lành, hiền trí; nếu không gặp, hãy sống cô tịch, như voi trong rừng.

Khi ghét người không làm sai và ghét người không hề ghét là tự gây tội cho mình kiếp này và kiếp sau.

Ghét, tự khổ cho mình; sau, làm khổ người khác. Như chim mồi của thợ săn, tự giam và rồi bẫy chim khác.

Ai đánh, rồi sẽ bị đánh; ai giận ghét, rồi sẽ bị giận ghét; ai mắng, rồi sẽ bị mắng; ai sân hận, sẽ gặp sân hận.

Kẻ tu sĩ kém trí không biết chánh pháp, dù đời này quá ngắn, vì khờ dại nên cứ vào tranh cãi vô ích.

Họ gây dị kiến trong tăng đoàn: Đây mới là người tốt nhất, sao lại chọn kẻ kia, vừa yếu, vừa kém trí?

Khi một xương bị gãy, họ xui giục chém giết, cướp ngựa, gia súc, bảo vật, chiếm đất, rồi lại hòa làm bạn.

7-8 Nhưng người trí, biết lẽ phải, nói: “Tại sao bạn không học pháp này, để học sống chân thực?” Bạn chưa có giới hạnh bậc thánh, hãy tự cẩn trọng lời nói, hãy canh gác cả cho hàng xóm về hiểm nguy lời họ có thể dẫn tới, người biết chánh pháp luôn nói từ ái dịu dàng.

(3) Nó mắng tôi, đánh tôi, Nó thắng tôi, cướp tôi. Ai ôm hiểm hận ấy, Hận thù không thể nguôi.

(4) Nó mắng tôi, đánh tôi, Nó thắng tôi, cướp tôi. Không ôm hiểm hận ấy, Hận thù được tự nguôi.

(5) Với hận diệt hận thù, Đời này không có được. Không hận diệt hận thù, Là định luật ngàn thu.

Ai sân hận đối với kẻ sân hận sẽ không bao giờ thanh tịnh; người không sân hận sẽ làm lắng dịu kẻ sân hận: sân hận mang sầu khổ tới, người trí không sân hận.

(328) Nếu được bạn hiền trí, Đáng sống chung, hạnh lành, Nhiếp phục mọi hiểm nguy, Hoan hỷ sống chánh niệm.

(329) Nếu không gặp bạn hiền trí, trung thành, thiện hạnh, y như vua rời bỏ vương quốc lớn, hãy về sống riêng cô độc, và chớ phạm lỗi nào.

(61) Nếu không gặp bạn lành, có đời sống như mình, hãy sống đời cô tịch, chớ làm bạn với kẻ ngu.

(330) Thà sống đời cô tịch, hơn làm bạn kẻ ngu; rời bỏ mọi vương bận trong tâm, người sống một mình, y hệt như voi trong rừng già.

Hết Phẩm 14, về Ghét

---o0o---

PHẨM 15 - NIỆM

Ghi nhận: Tựa đề phẩm này được Rockhill dịch là “Reflection” (Quán chiếu), hai bản kia dịch là “Mindfulness” (Chánh niệm, Tỉnh thức). Bài kệ số 9 và 12 nói về niệm Phật – nghĩa là nghĩ nhớ ơn đức, công hạnh của Đức Phật. Kinh SN 11.3 nói rằng, khi vào rừng niệm nhớ Đức Phật sẽ lìa sợ hãi: “Này các Tỷ-kheo, khi các Ông niệm nhớ đến Ta, thời sợ hãi, hoảng hốt hay lông tóc dựng ngược có khởi lên, sẽ được tiêu diệt.”

Bài kệ 16, hai bản Iyer và Rockhill ghi lời Đức Phật ca ngợi hạnh xuất ly (renunciation) nhưng bản Sparham ghi là hạnh bố thí (generosity). Nơi đây, dịch với nghĩa đầu. Một số dị biệt tương tự, nơi đây sẽ dịch theo đa số. Bài kệ 23, nói rằng tỳ khuru vui trong Tánh không (Sparham dịch là emptiness; Iyer dịch là voidness; Rockhill dịch là unconditioned, tức là lìa nhân duyên, và ghi chú tiếng Phạn là Sunyata, tức là Không).

Đây là lời dạy của Đức Phật, rằng bất kỳ ai quan sát hơi thở, trải qua các tầng thiền khác nhau, tâm khéo an tĩnh, sẽ thành tựu toàn hảo, như mặt trời và mặt trăng, khi mây tan, sẽ chiếu sáng khắp cả thế giới.

Đứng, ngồi và ngủ, luôn phòng hộ thân và tâm, tỉnh thức và an tĩnh như thế, vị tỳ khuru sẽ đạt các bước như trên và các phước huệ khác; và nếu vị này đạt được các bước như trên và các phước huệ khác, vị này sẽ không tới nơi thần chết.

Người liên tục niệm thân, và khéo phòng hộ 6 căn, và người luôn luôn giữ tĩnh lặng, biết đoạn tận sầu khổ.

Người liên tục niệm thân trong mọi chuyển biến khác nhau, thấy không gì là tự ngã, không dính mắc vào “của tôi” và sẽ không bận tâm về “cái tôi”

nào; người này không dính mắc vào “cái của tôi” và như thế, tỳ khuru này nhanh chóng vượt khỏi vùng tham ái.

Người trí, tỉnh giác, an định, hạnh phúc, thanh tịnh, và mọi thời thuận pháp, ta nói, họ sẽ vượt qua già & chết.

Như thế, học để luôn luôn phòng hộ, tỳ khuru trí tuệ, tỉnh giác, và tinh tấn, sau khi rời muôn duyên ràng buộc sẽ thấy nhờ đó kết thúc mọi sầu khổ.

Ta nói, người đang thức có thể quan sát tốt hơn người ngủ; do vậy, quan sát tốt hơn là ngủ, vì người quan sát không có sợ hãi nào.

Người tỉnh giác và tinh tấn sẽ an toàn ngày và đêm, và sẽ đoạn tận sầu khổ, vào tịch diệt Niết Bàn.

Ai đêm ngày nghĩ nhớ về Đức Phật, và ai hướng về Đức Phật để quy y, đều có lợi ích trong cõi người.

Ai đêm ngày nghĩ nhớ về Pháp, và ai hướng về Pháp để quy y, đều có lợi ích trong cõi người.

Ai đêm ngày nghĩ nhớ về Tăng Già, và ai hướng về Tăng Già để quy y, đều có lợi ích trong cõi người.

(296) Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, Tưởng Phật Đà thường niệm.

(297) Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, Tưởng Chánh Pháp thường niệm.

(298) Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, Tưởng Tăng Già thường niệm.

Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, Tưởng Giới luật thường niệm.

Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, thường niệm hạnh xuất ly.

Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, thường niệm Con Đường Giải Thoát.

(299) Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, thường niệm nơi thân.

Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, thường niệm đại định (samādhi).

Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, ý vui trong tịch diệt cái chết.

(300) Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, ý vui trong tâm từ.

(301) Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, ý vui trong thiền định.

Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, ý vui trong rỗng rang tánh không.

Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, ý vui trong vô tướng.

Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, ý vui trong cô tịch.

Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, ý vui trong giải thoát.

Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, ý vui trong xả ly không nắm giữ.

Đệ tử Gotama, Luôn luôn tự tỉnh giác, Vô luận ngày hay đêm, ý vui trong Niết bàn.

Hết Phẩm 15, về Niệm

---o0o---

PHẨM 16 - TẠP

Ghi nhận: Bản ghi chú Rockhill viết rằng các bài kệ 11-13 là lời Đức Phật dạy, sau khi nghe tin dòng họ Thích Ca bị thăm sát, rằng chúng sinh hãy tinh tấn tu hành, ra sức đạt Thánh quả, sẽ lìa khổ cho dù đang sống giữa biển khổ.

Bài kệ 18 trong hai bản Rockhill và Iyer dịch là “selfishness” (ích kỷ, tự lo cho mình), bản Sparham dịch là “pride” (vui vì thấy mình hơn người). Nơi đây dùng chữ “ngã mạn”, phần nào mang cả hai nghĩa đó.

Nhiều bài kệ trong phẩm này nói về tham (kệ 6, 8, 10, 13, 20...), ở nhiều mức độ khác nhau. Bài kệ 19 là lời khuyên tấn bố thí cho người ly dục, chữ “dục” (lust) là nói niềm vui thân xác. Chữ tham (muốn cái mình chưa có) sẽ là bình thường, nếu chỉ để tự vệ, trong tiếng Việt là muốn, thí dụ, khát nước sẽ cần uống nước; nhưng nếu khởi tâm tham muốn nước cam, thì lúc đó là có tham ái, tham luyến. Trong ba bản tiếng Anh cũng mơ hồ, với các chữ “passion, desire, craving” cũng có nghĩa gần nhau, nhưng cả ba đều mang nghĩa dính mắc, ưa thích, ái luyến.

Bài kệ 21 được Sparham ghi chú là 6 thức (qua mắt, tai...) là chủ của tâm, khi gió (tham) rung lá, thì tất cả cành cây sẽ rung chuyển.

Muốn làm điều gì, hãy xét kỹ đã: “Ước gì mình chỉ đã làm điều này rồi” vì chớ để quá trễ mới làm.

“Tôi nên thấy thực tánh của tham [trong việc muốn làm] và nó chuyển thành phiền não,” hãy xét kỹ điều mình làm, trong khi tinh tấn hoàn thiện.

(238) Hãy tự làm hòn đảo, Tinh cần gấp sáng suốt. Trừ cấu uế, thanh tịnh, Chẳng trở lại sanh già.

(316, 317). Không đáng hổ, lại hổ. Việc đáng hổ, lại không. Do chấp nhận tà kiến, Chúng sanh đi ác thú.

Không đáng sợ, lại sợ, Đáng sợ, lại thấy không, Do chấp nhận tà kiến. Chúng sanh đi ác thú.

(172) Ai trước đó đã sống buông lung, rồi sau mới sống cẩn trọng, như trăng rời mây, chói sáng rực thế giới.

Ai trước đó đã sống buông lung, rồi sau mới sống cẩn trọng, sẽ nhờ quán niệm, xả bỏ tham thế giới này.

(382) Tỷ kheo tuy tuổi nhỏ, siêng tu giáo pháp Phật, soi sáng thế gian này, như trăng thoát khỏi mây.

Tỷ kheo tuy tuổi nhỏ, siêng tu giáo pháp Phật, sẽ nhờ quán niệm, bỏ tham luyến thế giới này.

(173) Ai dùng các hạnh lành, làm xóa mờ nghiệp ác, chói sáng rực đời này, như trăng thoát mây che.

Ai dùng các hạnh lành, làm xóa mờ nghiệp ác, sẽ nhờ quán niệm, xả bỏ tham thế giới này.

Không thích vui với đời, sẽ không khổ khi từ trần; tinh tấn được thánh quả, sẽ không khổ dù nơi biển khổ.

Không thích vui với đời, sẽ không khổ khi từ trần; tinh tấn được thánh quả, chói sáng cả dòng họ.

Tỳ khưu thiên quán về giới, lìa tội, rời nhà, sống vô gia cư, là việc thực phải làm, sẽ được vui lớn, ly tham.

Người giữ tâm ý luôn luôn trong sạch, biết thú tội, tất cả việc đều giữ đạo thanh tịnh, sẽ tới toàn thiện.

(356) Cỏ làm hại ruộng vườn, tham làm hại người đời.

Bồ thí người ly tham, do vậy được quả lớn.

(357) Cỏ làm hại ruộng vườn, sân làm hại người đời.

Bồ thí người ly sân, do vậy được quả lớn.

(358) Cỏ làm hại ruộng vườn, si làm hại người đời. Bồ thí người ly si, do vậy được quả lớn.

Cỏ làm hại ruộng vườn, ngã mạn làm hại người đời.

Bồ thí người không ngã mạn, do vậy được quả lớn.

(359) Cỏ làm hại ruộng vườn, dục làm hại người đời.

Bồ thí người ly dục, do vậy được quả lớn.

Cỏ làm hại ruộng vườn, tham ái làm hại người đời. Bồ thí người ly tham ái, do vậy được quả lớn.

Nhóm 6 tâm này là chủ, là vua. Nếu [thức] dính mắc tham, sẽ dính mắc toàn bộ tham; nếu [thức] ly tham, sẽ không còn tham. Người tham ái bị gọi là kẻ ngu.

(150) Thành [thân] này làm bằng xương, quét tô bằng thịt, máu, tham, sân, si, mạn gom chung vào.

Sẽ bị trôi buộc nếu không thấy cội nguồn từ đó sinh khởi toàn bộ sầu khổ; người nhận ra sẽ rời các dòng sông (tội lỗi) và bước qua bờ kia, nơi xa lìa tham ái.

Hết Phẩm 16, về Tạp

---o0o---

PHẨM 17 - NƯỚC

Ghi nhận: Phẩm này có tên là Nước, trong nhiều bài kệ chỉ cho ao hồ sông suối cần phải vượt qua, nhưng hồ nước sâu, trong trẻo và tịch lặng lại tượng trưng cho tâm người giác ngộ. Theo chú giải trong bản Sparham kể rằng có một lần Đức Phật dùng thân thông băng qua sông Ganga, rồi chur tăng cùng bước qua tương tự bằng thân thông, sau đó Đức Phật nói bài kệ 7 và 8 trong phẩm này, ý rằng tu theo lời dạy của Đức Phật sẽ vượt qua dòng sông sinh tử. Phật pháp còn được ví với thuyền qua sông.

Hình ảnh “rửa sạch nơi bờ kia” ý là rửa bụi tham sân si.

(91) Người tận lực giữ chánh niệm, không vui tại gia, như thiên nga rời hồ bần, xuất gia và sẽ qua sông.

(175) Người tận lực rời được cõi này, sẽ thắng quân lính của Ma vương; như chim thiên nga với sức thân thông bay đường mặt trời.

(155) Những người, thời trẻ sống bất thiện và không lo kiếm tài sản, sẽ như chim cò già bên hồ nước bần với cá vài con.

(156) Những người, thời trẻ sống bất thiện và không lo kiếm tài sản, sẽ hối tiếc về những ngày đã qua.

(121) Chớ nghĩ rằng, “việc ác nhỏ không sao, sẽ không theo mình,” vì bình lớn đầy từ nhiều giọt nước, y hết kẻ ngu đầy đầy việc ác, dù gom từng chút vào.

(122) Chớ nghĩ rằng, “việc thiện nhỏ không sao, sẽ không theo mình,” vì bình lớn đầy từ nhiều giọt nước, do vậy người tinh tấn đầy các việc thiện, dù gom từng chút.

Muốn rời hồ lớn và bần để vượt dòng nước đại dương, người trí phải sửa soạn ghe thuyền để qua sông.

Qua sông là vào đất của giác ngộ, phạm hạnh; do vậy hãy để các tỳ khuru và những người nghe giáo pháp này tự làm sạch tham sân si, sửa soạn lên pháp thuyền.

(82) Người trí nghe chánh pháp, sẽ trở thành như hồ nước sâu, trong trẻo, tịch lặng, không gợn sóng.

Khi nơi nào cũng là nước, ai sẽ chạy tìm nước giếng? Lúc đó, nước giếng để làm gì? Hãy diệt tham dục ngay tận gốc.

(80) Người trị thủy dẫn nước, kẻ làm tên nắn tên, người thợ mộc uốn gỗ, bậc trí nhiếp tự thân.

Như bầu trời lia dính mắc, như xà cửa vững chắc, người trí không ưa sinh tử, nơi luân hồi như biển sóng.

Hết Phẩm 17, về Nước

---o0o---

PHẨM 18 - HOA

Ghi nhận: Nhiều bài kệ trong phẩm này gợi nhớ tới Kinh Kim Cang, với lời dạy hãy nhìn tất cả các pháp như bọt sóng, như huyễn. Riêng nhóm các bài kệ 20-26 với hình ảnh người giải thoát sẽ y hết như con rắn lột da, như trong Kinh Tập (Kinh Sn 1.1 - Uraga Sutta).

Có điểm cần suy nghĩ về với lời dạy các Tỳ khưu hãy xa lìa cả cái nhìn về Có và Không của bờ này và bờ bên kia – trong Kệ 22, bản Rockhill và bản Iyer viết: *casts off what is and what is not of the other shore* (xa lìa cả Sắc và Không của bờ bên kia); nhưng bản Sparham dịch: *go beyond and cast off what's not beyond* (vượt qua thêm nữa, và rời bỏ những gì chưa qua bờ) và ghi chú rằng “những gì chưa qua bờ” là các uẩn (và tâm chấp thủ có gì thực trong các uẩn).

Trong khi đó, nếu dịch theo Kinh Sn 1.1 sẽ trực tiếp hơn, với nghĩa: “xa lìa cả bờ này và bờ kia” (bản dịch Nyanaponika: *such a monk gives up the here and the beyond*; bản dịch Thanissaro: *sloughs off the near shore & far*). Ngắn gọn, đây cũng là ý bài Bát Nhã Tâm Kinh.

(44) Ai chinh phục đất này, Dạ ma, Thiên giới này? Ai khéo giảng Pháp cú, Như người khéo hái hoa?

(45) Hữu học chinh phục đất, Dạ ma, Thiên giới này. Hữu học giảng Pháp cú, Như người khéo hái hoa.

(283) Sợ hãi khởi lên từ rừng (vô minh); cắt cây rừng, nhớ búng cả gốc rễ, vị sa môn sẽ thấy Niết bàn.

(284) Nếu cắt hết cây rừng, chưa búng hết gốc rễ, tâm sẽ bị buộc ràng, như bê theo bên bò mẹ tìm sữa.

(285) Hãy lìa tâm ái ngã, như cắt hoa sen mùa thu; hãy tu pháp tịch tĩnh để tới Niết Bàn, như lời Phật dạy.

(51) Như hoa đẹp, có sắc nhưng không hương, là lời êm tai chỉ nói mà không làm (như người thuộc kinh mà không hành trì).

(49) Như ong đến với hoa, không hại sắc và hương, Che chở hoa, lấy nhụy. Bậc Thánh đi vào làng.

(50) Chớ nhìn lỗi người, chớ xem họ làm hay chưa. Nên nhìn tự chính mình, xem mình làm đúng hay sai.

(58) Không ô nhiễm dù trên đồng rác, hay trong ao dơ, hoa sen mọc lên, đẹp, thơm, trong sạch.

(59) Tương tự, học trò Đức Phật với trí tuệ chiếu sáng trong cõi người, nơi chúng sanh mù và bùn nhơ.

(53) Như từ một đồng hoa, nhiều tràng hoa được làm. Cũng vậy, thân sanh tử, phải làm nhiều việc lành.

(377) Tương tự cây vakula vào mùa hè rơi rụng các cánh hoa tàn, các Tỳ khuru hãy xa lìa tham, sân, si.

(47) Như người hoa, ý đắm say tham nhiễm, bị thần chết mang đi, như lạt trôi làng ngủ.

(48) Như người nhật hoa, ý đắm say tham nhiễm, các dục chưa thỏa mãn, đã bị chết chinh phục.

Như người nhật hoa, ý say đắm tham nhiễm, chưa được tài sản gì đủ để vui, đã bị thần chết lôi đi.

Như người nhật hoa, ý say đắm tham nhiễm, chưa đạt mục tiêu như ý, đã bị thần chết lôi đi.

Thấy thân này rộng như bình, thấy tất cả như huyễn, sẽ bẻ gãy tên hoa của ma, vượt tầm mắt thần chết.

(46) Thấy cõi này như bọt sóng, thấy tất cả như huyễn, sẽ bẻ gãy tên hoa của ma, vượt tầm mắt thần chết.

Thấy thân này như bọt sóng, thấy tất cả như huyễn, sẽ bẻ gãy tên hoa của ma, vượt tầm mắt thần chết.

Tỳ khuru biết hữu thể chỉ như huyễn, y hệt như hoa udumbara, xả ly cả hữu và vô của bờ kia, như rắn rời bỏ lớp da khô cũ.

Tỳ khuru dứt bỏ tham, như cắt rễ hoa trong hồ, xả ly cả hữu và vô của bờ kia, như rắn rời bỏ lớp da khô cũ.

Tỳ khuru dứt bỏ sân, như cắt rễ hoa trong hồ, xả ly cả hữu và vô của bờ kia, như rắn rời bỏ lớp da khô cũ.

Tỳ khuru dứt bỏ si, như cắt rễ hoa trong hồ, xả ly cả hữu và vô của bờ kia, như rắn rời bỏ lớp da khô cũ.

Tỳ khuru dứt ngã chấp, như cắt rễ hoa trong hồ, xả ly cả hữu và vô của bờ kia, như rắn rời bỏ lớp da khô cũ.

Tỳ khuru lìa dính mắc, như cắt rễ hoa trong hồ, xả ly cả hữu và vô của bờ kia, như rắn rời bỏ lớp da khô cũ.

Tỳ khuru lìa ái dục, như cắt rễ hoa trong hồ, xả ly cả hữu và vô của bờ kia, như rắn rời bỏ lớp da khô cũ.

Hết Phẩm 18, về Hoa

---o0o---

PHẨM 19 - NGỰA

Ghi nhận: Trong phẩm này, một số bài kệ lập lại cùng ý, chỉ khác vài chữ, nhằm nhấn mạnh lời dạy rằng người tu phải tự điều phục, không thể nhờ cỗ xe nào khác chở giùm tới Niết bàn. Đức Phật nơi đây sách tấn rằng hãy tự điều phục, là nói cần có tín, giới, định, nhẫn, hỷ, phòng hộ các căn. Nghĩa là, lấy chánh pháp tự điều phục chính mình. Kinh Hải Đảo Tự Thân (Kinh 639 Tập A Hàm) cũng ghi lời Đức Phật nói mỗi người phải tự nương tựa chính họ, tự nương tựa hải đảo chánh pháp chứ không nương tựa ai hết. Kinh MN 131 còn gọi đó là người biết sống một mình.

(144) Khi ngựa giỏi chạm roi, sẽ phóng chạy toàn lực; tương tự, người có tín, giới, định, không vướng gì đời thường, khéo giữ gìn các căn, kiên nhẫn và hoan hỷ, được phòng hộ đi tới, lia xa cõi này phía sau.

Khi ngựa giỏi chạm roi, sẽ phóng chạy toàn lực; tương tự, người có tín, giới, định, không vướng gì đời thường, có tri kiến và giới hạnh, được phòng hộ đi tới, đoạn tận vô lượng khổ.

(143) Như ngựa dạy đã thuần, người khéo biết tự chế, phòng hộ các căn, xa lìa sân hận, sẽ đoạn tận sâu khổ, sớm được chư thiên đón mừng.

Người thanh tịnh không giao du với kẻ phóng dật, người siêng phòng hộ không gần kẻ lười; như ngựa giỏi đi riêng, xa lìa đàn ngựa hoang.

Người tri túc và hiểu biết như ngựa giỏi dè chừng roi; người tịch lặng với trí tuệ, tự thanh tịnh mọi tội lỗi.

(321) Ngựa luyện, dự hội; Ngựa luyện, vua cưới; Người luyện, bậc tối thượng, chịu đựng mọi phỉ báng.

(322) Hơn cả loài voi lớn, hơn cả ngựa giỏi Sindhu, hơn cả loài la thuận – là người biết tự điều phục.

(323) Người biết tự điều phục sẽ đạt Niết bàn; không nhờ các phương tiện chuyên chở nào tới được.

Hơn cả loài voi lớn, hơn cả ngựa giỏi Sindhu, hơn cả loài la thuận – thực sự, là người tự điều phục chính họ.

Người tự điều phục có thể đoạn tận sâu khổ, nhưng các phương tiện khác không thể đưa tới như thế.

Hơn cả loài voi lớn, hơn cả ngựa giỏi Sindhu, hơn cả loài la thuận – là người tự điều phục chính họ.

Người tự điều phục có thể thoát được sinh tử, nhưng các phương tiện khác không thể đưa tới như thế.

Hơn cả loài voi lớn, hơn cả ngựa giỏi Sindhu, hơn cả loài la thuận – là người tự điều phục bản thân.

Người khéo tự điều phục sẽ qua bờ, rời trói buộc, nhưng các phương tiện khác không thể đưa tới như thế.

Người muốn điều phục như ngựa giỏi phải tự điều phục; khi đã tự điều phục, sẽ đoạn tận vô lượng khổ.

Tự mình là chủ của mình; tự mình là nơi y cứ của mình; do vậy, hãy tự điều phục như dạy ngựa giỏi.

Hết Phẩm 19, về Ngựa

---oOo---

PHẨM 20 - SÂN

Ghi nhận: Phẩm này nói về nguy hiểm của sân hận, và ca ngợi những ai lìa được tâm sân hận. Người biết ngăn chặn tâm sân được ví như người biết lái xe đi trên đường, còn người buông lung sân hận chỉ là người cầm cương ngựa nhưng không thực sự lái xe, vì lúc đó lái xe chính là cơn sân hận. Kinh nói, người ly sân là được thánh quả Bất Lai (A Na Hàm), sẽ rời cõi này để vào cõi ngũ tịnh cư thiên.

Trong phẩm này cũng nói về nhiều hạnh cần phải tu dưỡng, như ly sân, nói sự thật, kham nhẫn, bố thí...

(221) Khi đã rời sân giận, dứt ngã mạn, lìa mọi kiết sử trói buộc, không còn ưa thích gì danh và sắc, không còn dính mắc gì để người này rơi vào say đắm nữa.

Rời ngay khi tâm sân vừa khởi, rời ngay khi tâm tham vừa khởi, người tinh tấn lìa ngay tất cả si mê, sẽ nhận ra hạnh phúc khi thấy được sự thực.

Rời được tâm sân, giấc ngủ sẽ an bình; rời được tâm sân, sẽ dứt được sầu khổ. Tỳ khưu hãy phá hủy tâm sân, vốn là cội nguồn thuốc độc; người trí nói rằng, ai thắng được tâm sân sẽ không còn sầu khổ.

Không gì tốt hơn làm chủ tâm sân của mình. Đó là lời dạy quan trọng, vì khổ theo sân, như phỏng theo lửa.

Có tính sân, lại ưa tham, không tự chế, không lìa sắc dục, sống không biết đủ, sẽ không được ai tin cậy.

Sức mạnh những kẻ si mê thực sự không phải sức mạnh. Người không biết chánh pháp sẽ khó tới toàn hảo.

Người có sức mạnh nhưng kham nhẫn với người yếu, ta gọi đó là người kham nhẫn nhất trong cõi người, luôn luôn lắng nghe, tôn trọng kẻ yếu.

Người nào, chủ của nhiều người khác, nhưng kham nhẫn với người yếu, ta gọi đó là người kham nhẫn nhất trong cõi người, luôn luôn lắng nghe, tôn trọng kẻ yếu.

Người quyền thế, bất kể bị gây gỗ, vẫn giữ kham nhẫn, ta gọi đó là người kham nhẫn nhất trong cõi người, luôn luôn lắng nghe, tôn trọng kẻ yếu.

Biết đối thủ đang giận dữ, nhưng mình tự giữ được tâm tịch lặng, sẽ giữ cho bản thân mình và người khác xa khỏi nguy hiểm lớn.

Biết đối thủ đang giận dữ, nhưng mình tự giữ được tâm tịch lặng, sẽ làm lợi ích cho cả bản thân mình và người khác.

Hành xử như thế sẽ lợi ích cho mình và người khác, kẻ không biết chánh pháp sẽ nghĩ “Kẻ đó là ngu.”

Lời thượng nhân dạy là kham nhẫn vì sợ hậu quả xấu; bậc trí nói, kham nhẫn là hạnh đệ nhất, kham nhẫn đối với lạm dụng và khiêu khích, đối với lời nói sỉ nhục.

Kẻ ngu là người nổi giận và nghĩ là chiến thắng vì dùng lời nói thô bạo, sẽ luôn luôn thảm bại trước người có lời nói kham nhẫn.

(224) Hãy nói sự thật; chớ nên nổi giận; hãy bố thí cho người xin dù là một chút. Ai giữ ba hạnh này sẽ được vào cõi tịnh độ của chư thiên.

Người sân hận sẽ không thấy cảnh nào an lành; nếu người muốn lìa sinh tử, chớ nói lời giận dữ nào.

Người đã từng giận dữ, lại để giận dữ nữa, đó là tội lỗi; nhưng ai đã từng giận dữ, sau đó không còn nổi giận nữa, là người chiến thắng lớn.

(223) Hãy lấy không sân chinh phục sân hận, lấy thiện chinh phục bất thiện, lấy bố thí chinh phục lòng tham, lấy sự thật chinh phục sai trái.

Người được điều phục và sống đời ngay chính, làm sao có thể sân hận nữa? Người trí, với trí tuệ toàn hảo và đã giải thoát, không còn thấy sân hận nữa.

Bậc thượng nhân luôn luôn thân cận những người đã ly sân, lìa ác tâm; những ai còn giữ ác tâm và sân hận sẽ bị như núi đè nặng.

(222) Ai ghìm được cơn sân đang khởi dậy, như lái xe đứng trên đường, ta gọi là người đánh xe giỏi; trong khi đám đông bất thiện chỉ cầm cương hờ thôi.

Hết Phẩm 20, về Sân

---o0o---

PHẨM 21 - NHƯ LAI

Ghi nhận: Phẩm này ca ngợi chư Phật ba đời, trong các thời quá khứ, hiện tại và vị lai. Bài kệ số 10 nói rằng kẻ không tin lời Đức Phật dạy là kẻ ngu, rồi sẽ sầu khổ y như thương buôn lạc vào đất của các chúng sinh huyền thoại có tên chung là Rākshasīs, trong truyện cổ Ấn Độ chuyên tìm giết trẻ em sơ sinh. Bản dịch Rockhill ghi rằng các chúng sinh Rākshasīs được Đại sư Huyền Tráng khi Tây du thỉnh kinh có ghi lại, nhưng bản dịch Iyer chỉ dịch đơn giản là female demons (ma nữ), và bản dịch Sparham dịch là cannibals (các chúng sinh ăn thịt người); hiểu ngắn gọn, không tin (và không tu) lời Đức Phật dạy sẽ rơi vào lưới ma. Kế tiếp, bài kệ số 11 nói rằng người tin vào Phật pháp và có trí tuệ sẽ sang thế giới khác (giải thoát như thương

buôn được cứu khỏi hiểm nạn nhờ ngựa thần “*Might of a Cloud*” (dịch thoát ý: Phi Vân Mã) tới chở đi. Có thể đây cũng là cội nguồn hình ảnh “mây pháp” (pháp vân) từ hư không (tự tánh các pháp) hiện ra để cứu chúng sinh...

Trong thế giới này, ta đã biết tất cả, đã chinh phục tất cả, đã lìa tất cả pháp hữu vi. Ta đã xả ly tất cả, đã đoạn tận tham, đã giải thoát toàn triệt, đã đắc trí tuệ viên mãn. Không còn ai có thể dạy ta nữa.

Ta là Như Lai, là người thầy cao nhất. Ta đã hiểu biết hết tất cả, đã đạt sức mạnh cao nhất, đã đắc trí tuệ viên mãn từ do chính ta hiểu thấu. Ta là bậc tối thượng, không còn ai ngang bằng. Không còn ai có thể dạy ta nữa.

Ta là A La Hán của thế giới; trong cõi này, ta là tối thượng; trong cõi trời và người, ta đã chinh phục tất cả ma quân. Không ai khác như ta, không ai có thể là thầy ta; khắp cõi này, ta đã đắc trí tuệ viên mãn và là tối thắng. Ta đã thấy tịch diệt tất cả nhiễm ô; tương tự trước ta là tất cả cổ Phật, những bậc chiến thắng trong thời quá khứ. Ta đã vượt thắng tất cả tội lỗi; ta là một vị Phật.

Ta đã chinh phục tất cả các pháp bất thiện, ta là toàn trí, là bậc giác ngộ toàn triệt, đã vượt qua bờ tham ái. Ta đã đạt Niết bàn. Không còn ai có thể dạy ta nữa.

Ta đi tới thành Vārāṇasī để đánh lên Trống Pháp cho những người tới giờ vẫn chưa biết [pháp], để xoay Bánh Xe Pháp chưa từng ai chuyên trong thế giới này.

Các bậc Như Lai toàn trí đã lấy sự nghiệp hoàng pháp chinh phục cõi này; Những ai học được chánh pháp sẽ trở thành những vị tôn kính trong cõi này.

Các cõi trời và người đều vui mừng đối với những bậc Giác Ngộ Toàn Triệt, đã kết thúc chuỗi sinh tử luân hồi, an trú trong trí tuệ tối thượng, tinh tấn không rời thiền định, hỷ lạc trong bình an Niết bàn.

Tất cả Phật quá khứ, Phật tương lai, và vị Phật hiện tại dạy pháp cứu nhân loại thoát khổ. Để tôn kính Chánh pháp cho tất cả chúng sinh quá khứ, hiện tại và vị lai, đây là Đại chánh pháp của tất cả các bậc giác ngộ. Ai biết tự quan tâm trong cõi này, ai muốn đạt tới toàn thiện, hãy tôn kính chư Phật và Chánh pháp.

Kẻ ngu không tin lời Đức Phật dạy, rồi sẽ sầu khổ, như thương buôn lạc vào đất của các ma nữ Rākṣhasīs.

Người trí tuệ và tin vào Phật pháp sẽ tới bình an nơi thế giới khác, như các thương buôn được ngựa thần cõi mây tới cứu ra khỏi đất dữ.

Nhờ hiểu tận tường về an lạc và về giá trị của tịch lặng không dính mắc, và nhờ sống với hai phương diện đó, các vị Như Lai tối thượng giác ngộ toàn triệt, đẩy lui bóng tối, bước qua bờ bên kia và là bậc Thế Tôn.

Như Lai đã đạt trí tuệ viên mãn, giải thoát viên mãn, hết mọi nhiễm ô, từ bi muốn cứu tất cả chúng sinh rời nạn dữ, lìa sinh tử, chỉ chúng sinh vào đường an lạc.

14-15 Như người đã tới đỉnh núi, có thể nhìn thấy khắp cõi người; tương tự, những vị trí tuệ và xa lìa khổ có thể vượt trên cõi an lạc của chư thiên, từ đó nhìn xuống thấy phận người cứ mãi sống chết và sầu khổ, nên mở cửa [pháp] để cứu độ. Hỡi những ai nghe pháp, hãy tự giải thoát ra khỏi tất cả ngờ vực và bất tín.

Hết Phẩm 21, về Như Lai

---o0o---

PHẨM 22 - LẮNG NGHE

Ghi nhận: Nói “lắng nghe” nghĩa là nghe pháp. Hai bản Iyer và Rockhill dịch như là danh từ, nghĩa là “Thanh văn” (the Hearer) theo nghĩa đệ tử Đức Phật, nhưng bản Sparham dịch theo nghĩa động từ “Lắng nghe” (listening) là nghe với chú tâm. Dịch thoát ý là, “nghe và tu theo lời Phật dạy,” bởi vì ngay như thời xưa, nhiều người nghe Đức Phật thuyết pháp nhưng vẫn không lìa tà kiến.

Nghe còn có nghĩa là học, do vậy nghe nhiều có nghĩa là học nhiều, học cao.

Phẩm này có nhiều bài kệ nói rằng nghe (học) nhiều mà không giữ giới pháp là hỏng, trong khi nghe (học) ít mà giữ nghiêm túc giới pháp mới là bậc tôn quý nhất trong hàng Thanh văn.

Bản Rockhill trong bài kệ thứ 6 đã dịch chữ “nghe” bằng động từ “hearken” trong tiếng Anh cổ – nghĩa là nghe với chú tâm và vâng phục. Tức là, nghe cũng là một thiền pháp. Do vậy, bài kệ số 6 với ngôn phong như Thiên Đông Độ đã viết rằng, “*Người lắng nghe sẽ hiểu biết về Pháp, sẽ lìa tội lỗi, sẽ đạt được Niết bàn*” có nghĩa rằng, chính lắng nghe tự thân đã là một thiền pháp viên mãn; điểm này gợi nhớ tới Kinh Lăng Nghiêm, khi hàm nghĩa chính riêng hành vi lắng nghe đã hoàn tất Bát Chánh Đạo. Lắng nghe như thế là hoàn tất chỉ và quán, là cửa vào các pháp ấn vô thường, vô ngã.

Vì khi lắng nghe chăm chú, là giữ được trọn giới định huệ, nhận ra tất cả các pháp đã được xả ly, không pháp (lành/dữ, có/không) nào còn dính mắc trong lắng nghe, sẽ thấy xa lìa tâm quá khứ, sẽ thấy tâm vị lai không hiện hữu, và sẽ thấy tâm hiện tại bất khả đắc, trôi theo dòng chảy siết vô thường; tức khắc nơi lắng nghe là tâm không tham sân si, và lúc đó là Niết bàn. Đó chính là tâm bình thường, là Thiền Trúc Lâm, là đối cảnh vô tâm.

Bài kệ 18 nói rằng những người nghe nhiều và thuộc nhiều (học nhiều), và đồng thời hoàn tất các pháp định (bản Sparham viết: known from all samadhis; bản Rockhil và Iyer: acquired the essence of meditation) nhưng

khi có hành động phạm giới thì vốn tu học đều trở nên vô ích. Nghĩa là, kiến thức và định lực từ các tầng thiền sẽ vô ích, nếu không giữ được giới pháp (gợi nhớ Kinh AN 6.60, tôn giả Citta Hatthisàriputta tu chứng Tứ Thiền vẫn lui sụt: Vị ấy, với tâm bị tham ái tấn công, liền từ bỏ học pháp và hoàn tục...). Bởi vì tuệ mới dẫn tới giải thoát, chỉ tuệ mới nhận ra luật duyên khởi giữa các uẩn, và đó là nhận ra vô ngã, vô thường và là không.

Nhà sư Hoa Kỳ Ajahn Sumedho, tuy tu học từ truyền thống Theravada Thái Lan, về sau đã dạy Thiền pháp không khác Kinh Lăng Nghiêm, vì chăm chú nghe âm thanh của tịch lặng cũng chính là nhận ra vô thường, nhận ra bản tâm tịch lặng. Sách "*Sound of Silence*" của nhà sư Ajahn Sumedho, bản PDF, có thể đọc trên nhiều mạng.

Để lắng nghe chăm chú, để sống ngay chính, để xuất gia tìm an lạc, để sống hạnh xả ly không dính mắc, những vị như thế xứng đáng ca ngợi là bậc sa môn.

Người ngu, người không biết, sống như là sẽ không chết; trong khi người trí ngày đêm sống với chánh pháp.

3-4 Nếu một người vào một căn nhà bóng tối bao trùm, dù người này có mắt vẫn không thể thấy vật trong nhà; tương tự, một người dù thông minh và sinh trong dòng quý tộc, vẫn không thể có trí tuệ nếu không được nghe Pháp về thiện và bất thiện.

Y hết một người, có mắt và cầm cây đèn, thấy tất cả vật, là người đã nghe Pháp về thiện và bất thiện; người này sẽ đạt trí tuệ toàn hảo.

Người lắng nghe sẽ đạt trí kiến về Pháp; người lắng nghe sẽ xa lìa tội lỗi; người lắng nghe sẽ viễn ly tất cả những kẻ tội phạm; người lắng nghe sẽ đạt Niết bàn.

Người nghe nhiều nhưng không giữ giới pháp (moral laws/sila), là người coi thường giới pháp, không phải bậc tôn quý nhất trong những người lắng nghe.

Người nghe ít nhưng cẩn trọng giữ giới pháp, chính là người tôn kính giới pháp, là bậc tôn quý nhất trong những người lắng nghe.

Người nghe rất ít và người vi phạm giới pháp, vì thiếu lòng tôn kính pháp, đều không phải bậc tôn quý. 10 Người nghe pháp và người cẩn trọng giữ giới pháp, cả hai vì lòng tôn kính pháp, đều là bậc tôn quý.

Người nghe [học] nhiều và hiểu Chánh pháp, có trí tuệ và tâm định tĩnh, không ai trách được, cũng như vàng ngọc trong cõi Diêm Phù Đề.

Ai nói về ta, đánh giá ta theo hình tướng bề ngoài, người đó bị tham trói giữ và không thực sự biết ta.

Ai biết rõ về nội đức của ta (công hạnh, chánh pháp của vị Phật), nhưng chưa thấy ngoại hình (tướng tốt của Đức Phật), người đó hãy nên nói chân thực là nhận biết công hạnh tâm ta.

Ai đã thấy ngoại hình (tướng tốt của Đức Phật) nhưng chưa nhận biết về công hạnh ta (chánh pháp do Đức Phật dạy), người đó hãy nói chân thực là đã mới thấy hình tướng bên ngoài (Đức Phật) thôi.

Ai chưa biết về nội đức của ta (chánh pháp) và chưa thấy ngoại hình ta (tướng tốt), là người ngu trong cảnh u tối, người đó hãy nói lời chân thực như thế.

Ai hiểu rõ về nội đức của ta (chánh pháp) và đã thấy ngoại hình ta (tướng tốt), là người trí, biết đường giải thoát, người đó hãy nói lời chân thực như thế.

Dù tai nghe nhiều và mắt thấy nhiều, tất cả những ai chỉ nghe và thấy pháp lại không thực sự tin pháp (ý nói: học nhiều mà không tu là hỏng).

Dù một người đã học thuộc và nghiên ngẫm nhưng lời đã nghe, và đã hoàn tất các tầng thiền định, nếu vị này có hành vi sai trái, vốn học và hiểu kia sẽ vô ích.

Những người vui với chánh pháp do bậc thánh dạy, những người sống theo pháp trong cả hành vi và lời nói, những người sống vui bên các pháp hữu sống kham nhẫn, những người phòng hộ các căn, đều sẽ được quả lành từ việc nghe (học pháp) và hiểu pháp.

Hết Phẩm 22, về Lắng Nghe

---o0o---

PHẨM 23 - TỰ NGÃ

Ghi nhận: Đức Phật dạy rằng ưu tiên là mỗi người phải tự điều phục chính mình trước, và tự chiến thắng chính mình mới là chiến thắng tối thượng. Bài kệ số 9 trong phẩm này được ghi chú trong bản Rockhill duyên khởi từ một nhà sư nghe ít, học ít về pháp, nhưng ưa vào thành thị thuyết pháp; Đức Phật mới rầy nhà sư kia là hãy tự lo cứu mình trước, còn chuyện giáo hóa người khác để sau. Nghĩa là, phải tự lợi trước, còn lợi tha là chuyện sau.

Đức Phật trong phẩm này khuyên tấn phải tinh tấn, phải liên tục tự điều phục thân-khẩu-ý của chính mình, không nhờ vào ai khác mà được. Trong Kinh AN 3.51, khi hai vị Bà La Môn già, cùng 120 tuổi, tới gặp Đức Phật xin lời dạy để “được an lạc lâu dài,” Đức Phật cũng nói rằng hai vị tới gần cõi chết kia phải tự điều phục thân-khẩu-ý: “...*này các Bà-la-môn, thời chế ngự thân, chế ngự lời nói, chế ngự ý trong đời này, đối với kẻ đã đi đến cõi chết, phải là chỗ nương tựa, là hang trú ẩn, là hòn cù lao (hay ngọn đèn), là chỗ quy y và là đích xứ nó đến.*”

Hãy học những gì đã được giải thích rõ, hãy thân cận với người giới hạnh, hãy sống nơi cô tịch với chỉ một chiếc chiếu, và tâm người sẽ an ổn tịch lặng.

Người có chỉ một chiếc chiếu, chỉ một nơi trên mặt đất để an nghỉ, tinh tấn không lười biếng, vào độc cư trong rừng, sẽ học được cách tự điều phục.

(103) Chiến thắng một ngàn quân trong một ngàn trận chiến, không bằng người tự điều phục mình.

(104) Người liên tục tự điều phục mình là chiến thắng tối thượng, hơn cả thế gian không làm được.

(105) Vị Tỳ khuru đã chiến thắng với trí tuệ, sẽ không còn bị thất bại dù là trước Ma Vương, Phạm Thiên, một vị cõi thiên hay một vị cõi càn thất bà.

(158) Trước hết phải tự mình làm đúng chánh pháp, sau đó mới dạy người khác để làm như mình được. Nếu mình tự làm đúng chánh pháp, sau đó người trí và những người được người trí này giáo hóa sẽ được xa lìa khổ.

Trước tiên phải tự điều phục, sau mới giáo hóa người khác làm như mình là tự điều phục và sống tịch lặng, mới có thể dạy người khác sống hạnh phúc.

(159) Nếu muốn dạy người khác tự làm như mình, phải tự mình điều phục trước, vì điều phục tự ngã của mình là khó.

(166) Hãy tự lo cứu mình trước, hãy gác lại chuyện lợi tha; khi một người nhìn thấy chánh pháp lợi ích lớn cho mình, hãy lấy tự lợi làm quan tâm chính yếu.

Tự mình làm chủ chính mình; có thể có chủ nào khác nữa sao? Người trí tự làm chủ mình mới tìm thấy lợi ích lớn.

Tự mình làm chủ chính mình; có thể có chủ nào khác nữa sao? Người trí tự làm chủ mình mới tìm thấy chánh pháp.

Tự mình làm chủ chính mình; có thể có chủ nào khác nữa sao? Người trí tự làm chủ mình mới tìm thấy vinh quang.

Tự mình làm chủ chính mình; có thể có chủ nào khác nữa sao? Người trí tự làm chủ mình mới tìm thấy hạnh phúc.

Tự mình làm chủ chính mình; có thể có chủ nào khác nữa sao? Người trí tự làm chủ mình mới tìm thấy cực kỳ an lạc.

Tự mình làm chủ chính mình; có thể có chủ nào khác nữa sao? Người trí tự làm chủ mình mới tìm thấy niềm vui trên cõi trời lâu dài.

Tự mình làm chủ chính mình; có thể có chủ nào khác nữa sao? Người trí tự làm chủ mình chính là ngọn hải đăng cho thân nhân của họ.

Tự mình làm chủ chính mình; có thể có chủ nào khác nữa sao? Người trí tự làm chủ mình sẽ không thấy đau đớn trong cõi sâu khổ này.

Tự mình làm chủ chính mình; có thể có chủ nào khác nữa sao? Người trí tự làm chủ mình sẽ cắt đứt tất cả mọi dây trói buộc.

Tự mình làm chủ chính mình; có thể có chủ nào khác nữa sao? Người trí tự làm chủ mình sẽ rời bỏ được tất cả tái sanh nơi cõi dữ.

(160) Tự mình làm chủ chính mình; có thể có chủ nào khác nữa sao? Người trí tự làm chủ mình mới tìm thấy người thầy dạy trong chính tự tâm mình.

Tự mình làm chủ chính mình; có thể có chủ nào khác nữa sao? Người trí tự làm chủ mình mới tự thấy mình đang bước gần tới Niết bàn.

Hết Phẩm 23, về Tự Ngã

---o0o---

PHẨM 24 - SỐ LƯỢNG

Ghi nhận: Phần lớn các bài kệ trong phẩm này nói về Niết bàn. Bài kệ số 7 trong phẩm này nói rằng thà sống một ngày thấy diệt thọ tướng định còn hơn sống một trăm năm không thấy như thế. Ghi chú bản Sparham viết rằng thấy diệt thọ tướng định là phải vào Tứ Thiên, nhưng ghi chú bản Rockhill nói không phải thế, vì lời Đức Phật trong bài kệ chỉ muốn nói là sống tự giải thoát cả hai bờ cảm thọ (ưa/ghét, tham/sân) khi đối cảnh (bản Rockhill: free himself from the passions proceeding from the two regions of form), tức là đoạn tham với tuệ xả ly, lìa dính mắc, tức là đã giải thoát. Nghĩa là, mỗi dịch giả có cách hiểu khác nhau.

Bài kệ số 8 ghi là tịch diệt tội lỗi hay tịch diệt nhiễm ô, được Sparham chú giải là cảnh giới Niết bàn hữu dư. Nơi đây sẽ dịch là “tịch diệt nhiễm ô” tức là không nhiễm gì nữa. Bài kệ số 9 nói về cảnh giới “bất động” được Sparham chú giải là Niết bàn vô dư, nhưng Rockhill chú giải là “Niết bàn không sinh không diệt.”

(100) Thà nói một chữ có nghĩa lý, đưa người khác tới gần an lạc, hơn là tụng một trăm bài thơ vô nghĩa.

(102) Thà nói một chữ đúng chánh pháp, đưa người khác tới gần an lạc, hơn là tụng một trăm bài thơ không đúng chánh pháp.

(110) Sống một trăm năm vi phạm tất cả giới pháp, không bằng sống chỉ một ngày giữ gìn tất cả giới pháp.

(112) Sống một trăm năm trong lười biếng, không bằng sống chỉ một ngày nhiệt tâm thiền định.

(111) Sống một trăm năm với tâm bất định, không bằng sống chỉ một ngày với trí tuệ và tịch lặng.

(113) Sống một trăm năm không thấy pháp sanh diệt, không bằng sống chỉ một ngày thấy pháp sanh diệt.

Sống một trăm năm không thấy tướng thọ tịch lặng, không bằng sống một ngày thấy được tướng thọ tịch lặng.

Sống một trăm năm không thấy tịch diệt nhiễm ô, không bằng sống một ngày thấy được tịch diệt nhiễm ô.

(114) Sống một trăm năm không thấy tâm bất động (Niết bàn), không bằng sống một ngày thấy tâm bất động.

Sống một trăm năm không đắc trí tuệ giải thoát (khó tìm), không bằng sống một ngày nhận ra trí tuệ này.

Sống một trăm năm không thấy an lạc tối thắng, không bằng sống một ngày thấy được an lạc tối thắng.

Sống một trăm năm không thấy toàn hảo thánh quả, không bằng sống một ngày thấy toàn hảo thánh quả.

Sống một trăm năm không thấy tịch diệt hoàn toàn cái chết, không bằng sống một ngày thấy được tịch diệt hoàn toàn cái chết.

Sống một trăm năm không thấy bất tử tối thắng, không bằng sống một ngày thấy được bất tử tối thắng.

Sống một trăm năm không thấy ly tham ái toàn triệt, không bằng sống một ngày thấy ly tham ái toàn triệt.

Sống một trăm năm không thấy dứt tuyệt tham dục, không bằng sống một ngày dứt tuyệt tham dục.

(107) Sống một trăm năm tế tự thờ lửa trong rừng, không bằng một khoảnh khắc kính lễ người thiên định về tự ngã; khoảnh khắc kính lễ này công đức nhiều hơn cả trăm năm tế tự thờ lửa.

Người [khổ hạnh] tháng này qua tháng nọ, ăn thực phẩm với đầu lá cỏ kusha, không có công đức bằng một phần mười sáu của người tin vào Đức Phật.

(70) Người tháng này qua tháng nọ, ăn thực phẩm với đầu lá cỏ kusha, không có công đức bằng một phần mười sáu của người tin vào Chánh pháp.

Người tháng này qua tháng nọ, ăn thực phẩm với đầu lá cỏ kusha, không có công đức bằng một phần mười sáu của người tin vào Tăng già.

Người tháng này qua tháng nọ, ăn thực phẩm với đầu lá cỏ kusha, không có công đức bằng một phần mười sáu của người từ bi với tất cả chúng sanh.

Người tháng này qua tháng nọ, ăn thực phẩm với đầu lá cỏ kusha, không có công đức bằng một phần mười sáu của người từ bi với tất cả sanh vật.

Người tháng này qua tháng nọ, ăn thực phẩm với đầu lá cỏ kusha, không có công đức bằng một phần mười sáu của người từ bi với tất cả các sanh loài đang thờ.

Người thàng này qua thàng nọ, ăn thực phẩm với đầu lá cỏ kusha, không có công đức bằng một phần mười sáu của người bày tỏ lòng tử tế.
Người thàng này qua thàng nọ, ăn thực phẩm với đầu lá cỏ kusha, không có công đức bằng một phần mười sáu của người giảng rõ chánh pháp.

Trong một trăm năm cúng lễ một ngàn lần mỗi thàng, không có công đức bằng một phần mười sáu của người tin vào Đức Phật.

Trong một trăm năm cúng lễ một ngàn lần mỗi thàng, không có công đức bằng một phần mười sáu của người tin vào Chánh pháp.

Trong một trăm năm cúng lễ một ngàn lần mỗi thàng, không có công đức bằng một phần mười sáu của người tin vào Tăng già.

Trong một trăm năm cúng lễ một ngàn lần mỗi thàng, không có công đức bằng một phần mười sáu của người từ bi với tất cả chúng sanh.

Trong một trăm năm cúng lễ một ngàn lần mỗi thàng, không có công đức bằng một phần mười sáu của người từ bi với tất cả sanh vật.

Trong một trăm năm cúng lễ một ngàn lần mỗi thàng, không có công đức bằng một phần mười sáu của người từ bi với tất cả các sanh loài đang thờ.

Trong một trăm năm cúng lễ một ngàn lần mỗi thàng, không có công đức bằng một phần mười sáu của người bày tỏ lòng tử tế.

Trong một trăm năm cúng lễ một ngàn lần mỗi thàng, không có công đức bằng một phần mười sáu của người giảng rõ chánh pháp.

(108) Cúng tế nhiều vô lượng nơi cõi này để cầu phước cũng không bằng ¼ của hành vi kính lễ người có tâm tịch lặng và chính trực.

Hết Phẩm 24, về Số Lượng

---o0o---

CHƯƠNG BA

PHẨM 25 - BẠN

Ghi nhận: Bản chú giải của Rockhill ghi rằng ba bài kệ đầu tiên trong phẩm này là lời Đức Phật nói tại thành Xá Vệ khi thấy các vị Bà La Môn và cư sĩ kính lễ ngài Xá Lợi Phất trong khi bày tỏ coi thường Đề Bà Đạt Đa. Bản Rockhill cũng ghi chú rằng bài kệ số 4 cho biết lắng nghe pháp và tu học sẽ được tri kiến cao nhất.

Rockhill cũng chú giải rằng các bài kệ từ 9 tới 12 là lời Đức Phật dạy Vua A Xà Thế sau khi vua ân hận vì trước đó thân cận với Đề Bà Đạt Đa.

Bậc trí chớ làm bạn với người thiếu tín tâm, người tham, người gây chia rẽ, người phi báng kẻ khác; bậc trí chớ gần với người ác tâm.

Bậc trí nên làm bạn với người có tín tâm, nói dịu dàng, biết chú tâm, giữ giới hạnh, có trí tuệ; bậc trí nên làm bạn với bậc thượng nhân.

(78) Chớ gần kẻ tội lỗi, ác tâm; hãy gần người giới hạnh, chính trực. Như thế, sẽ sống ngay chính, không lỗi.

Hãy kết bạn với người nghe nhiều, nhớ nhiều, thường tự quán sát, có tín tâm và trí tuệ; người nghe theo những lời khéo giảng nơi đây [trong tăng đoàn], sẽ đạt được tri kiến tối thắng.

Gần với kẻ thấp kém sẽ bị ô nhiễm vì tội của họ; gần với những gì sụp đổ sẽ bị trì kéo xuống mặt đất; gần với bậc thượng nhân sẽ đưa mình tới chính trực. Do vậy, hãy gần những người sẽ đưa mình tới nơi tối thượng.

Gần người trí có giới hạnh, ly tham, có tri kiến cao nhất, dù mình vốn đã là tốt rồi cũng sẽ tới nơi cao hơn.

Gần người tội lỗi cũng như dùng lá cỏ kusha thơm, sạch để gói cá uơ; cỏ kusha rồi cũng sẽ hư thối.

Gần người giới hạnh cũng như dùng lá cây palasa để gói trầm hương; lá rồi cũng sẽ có mùi hương.

Người không ác khi gần kẻ ác, rồi sẽ thiên hướng về làm ác khi gặp nhiều việc ác; Thân với người không nên thân sẽ bị vướng tội lỗi qua tội lỗi của họ.

Như mũi tên nhúng thuốc độc, ngay cả nơi thuốc độc chưa chạm tới, mũi tên cũng là độc. Tương tự khi thân với người tội lỗi sẽ bị nhiễm bạo lực. Hãy xa bạn dữ.

Phải xem xét kỹ để chỉ thân cận bậc thượng nhân, cũng như phải xem xét kỹ một rễ trái cây.

Thân cận người chính trực, không thân cận người phi chính trực; như thế, Tỳ khưu sẽ dứt sầu khổ.

(64) Người ngu, đầu tròn đời, thân cận người có trí, không biết được Chánh pháp, như muông với vị canh.

(65) Người trí, đầu một khắc, thân cận người có trí, biết ngay chân diệu pháp, như lười với vị canh.

Người ngu, đầu tròn đời, thân cận người có trí, cũng như kẻ không mắt, sẽ không nhận ra chánh pháp.

Người trí, đầu một khắc, thân cận người có trí, nhờ có mắt sáng, sẽ nhận ra chánh pháp.

Người ngu, đầu tròn đời, thân cận người có trí, cũng sẽ không hiểu Chánh pháp Đức Phật dạy.

Người trí, đầu một khắc, thân cận người có trí, sẽ hiểu Chánh pháp Đức Phật dạy.

Một chữ có ý nghĩa cũng đủ cho người trí tuệ; toàn bộ lời Đức Phật dạy cũng không đủ cho kẻ ngu.

Người trí nghe một chữ, hiểu được cả trăm lời; người ngu nghe cả ngàn lời, cũng không hiểu một chữ.

Người trí không bận tâm với kẻ ngu, không bận với kẻ ngu; người ưa gần kẻ ngu sẽ bị lôi vào địa ngục.

(63) Người ngu nghĩ mình ngu, nhờ vậy thành có trí. Người ngu tưởng có trí, thật xứng gọi chí ngu.

Khi kẻ ngu khen ngợi, và khi người trí rầy mắng; lời rầy mắng của người trí là chính đáng, nhưng lời khen ngợi của kẻ ngu là không chính đáng.

(207) Sống chung với người ngu, lâu dài bị lo buồn. Khổ thay gần người ngu, như thường sống kẻ thù. Vui thay, gần người trí, như chung sống bà con.

(208) Bậc hiền sĩ, trí tuệ; Bậc nghe nhiều, trì giới; Bậc tự chế, Thánh nhân; Hãy gần gũi, thân cận, thiện nhân, trí giả ấy, như trăng theo đường sao.

Hết Phẩm 25, về Bạn

---o0o---

PHẨM 26 - NIẾT BÀN

Ghi nhận: Hình ảnh đường tới hạnh phúc là sinh vào cõi lành, đường tới địa ngục là sinh vào cõi dữ, nhưng ai hiểu được tội lỗi, tức là hiểu được vì sao có pháp nhiệm ô, sẽ sớm đạt Niết bàn, tức là không sinh vào cõi nào nữa.

Bản Rockhill chú giải rằng Đức Phật nói bài kệ số 12 sau khi ngài và một số vị tăng được một bác tài công mời lên thuyền qua sông Hằng; khi thuyền nghiêng, nước vào, bác tài công nói các thợ chèo tát bớt nước ra.

Bài kệ 13 nói về định luật duyên khởi, vì cái này có nên cái kia có, khi cái này không thì cái kia sẽ không.

Bài kệ 14 nói về Tứ Diệu Đế, pháp khó thấy này (Khổ, Tập, Diệt, Đạo) cội nguồn từ tham, nhưng căn thấy thực tánh của tham vốn là không, là rỗng rang; người sống với cái thấy pháp như thế là sẽ tới Niết bàn.

Bài kệ 16 nói rằng khi thấy sắc thọ tưởng hành thức tịch lặng, đó là đoạn tận sâu khổ.

Bài kệ 17 trong hai bản Rockhill và Iyer là bài kệ 18 trong bản Sparham, là tóm tắt bài **Kinh Bahiya** (*Khi thấy chỉ là thấy, khi nghe chỉ là nghe, khi nhận biết chỉ là nhận biết, và như thế là đoạn tận sâu khổ*). Bản Sparham ghi chú trong Note 189 rằng khi thấy nghe hay biết chỉ là thấy nghe hay biết, thì tâm hành sẽ không dính mắc, tức vô sở trụ, là tức khắc Niết bàn.

Bài kệ 19 và 20 nói tóm tắt về duyên khởi.

Các bài kệ 22-24 cho thấy tư tưởng Phật Tánh đã nằm sẵn trong nhiều giải thích của Đức Phật về Niết bàn. Các bài kệ nghe như cách kinh Đại Thừa giải thích về phiền não và Niết bàn không phải là hai, và không phải là một; y

hệt như bản thể sóng là nước, nhưng không thể gọi là một hay hai. Đức Phật nói trong các bài kệ này rằng pháp vô sinh diệt đã nằm sẵn trong sinh diệt, y hết như chất vàng là vô tướng, nhưng không hề khác và không phải là một với xuyên, thoa, vòng, nhẫn vàng...

Như thế, sẽ hiểu Kinh Lăng Nghiêm và Kinh Bahiya rằng giải thoát đã có sẵn trong thấy nghe hay biết. Và có thể hiểu vì sao các Thiên sư thường nói: có ai trói buộc người đâu. Nghĩa là, trong cái nghe, cái thấy là tức khắc lìa tham sân si, trong nguyên sơ là Niết bàn. Nghe tiếng chim kêu giữa trời, nghe tiếng hát la lý la giữa chợ... là nhận ra cái rỗng rang tánh không hiển lộ ở các pháp. Nhận ra cái vô sinh diệt đó, là ngay khi đó có đủ Bát chánh đạo, ly tham sân si, là Niết bàn ở đây và bây giờ.

Trong nhiều bài kệ ở phẩm này, Đức Phật nói Niết bàn là một nối kết giữa cái vô sinh diệt với cái sinh diệt, giữa cái bị tạo tác với các vô tác. Trong bài kệ 26, Đức Phật nói Niết bàn không ở trong Tứ Thiên (tuần tự, chỉ nói tới cảnh giới Phi Tướng Phi Phi Tướng) rồi trong bài kệ 27 nói Niết bàn cũng không phải là cái được tạo tác, không phải là cái được sinh ra (*it is not to be born: this then is the end of suffering*) – nghĩa là, nói như Thiên Tông rằng không nhận ra cái bản lai vô sinh thì hỏng.

Đôi chiếu, Đức Phật nói trong Kinh AN 9.34 là cần vượt qua định Phi Tướng Phi Phi Tướng để vào Diệt Thọ Tướng Định (cessation of perception & feeling) rồi từ đây dùng tuệ (tức, sau định là tuệ) quán sát sẽ dứt trần cấu, vào Niết bàn.

Đôi chiếu thêm, Đức Phật nói trong Kinh AN 9.36 rằng không cần Tứ Thiên, mà chỉ cần chúng Sơ thiên, từ đây chuyển sang quán vô thường để giải thoát, trích bản dịch của HT Thích Minh Châu.

(https://suttacentral.net/an9.36/vi/minh_chau):

“Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: “Y chỉ nơi Sơ Thiên, các lậu hoặc được diệt tận”... này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục... chúng đạt và an trú sơ Thiên. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã. Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: “Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn”. Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.”

Có nghĩa là, có nhiều đường tới Niết bàn.

Tỳ khuru tự chú tâm vào chính mình như con rùa tự co thân vào mu rùa, không để dính mắc gì, không để tổn thương ai, không để trở ngại gì lối đi tới Niết bàn.

(184) Nhẫn là khổ hạnh lớn nhất; Đức Phật nói nhẫn là Niết bàn lớn nhất. Vị sư nào gây hại người khác, làm tổn thương người khác, không phải bậc sa môn.

(133) Chớ nói lời ác, vì người sẽ đối đáp nghịch lại; lời tranh cãi mang khổ tới, vì người sẽ dùng lời đáp trả.

Người nói lời ác sẽ như đánh vào chuông đồng, sẽ sàu khổ lâu dài, lang thang từ sinh tới tuổi già.

(134) Người không nói ác như chuông đồng không ai chạm tới, không gây tranh cãi gì, sẽ đạt tới Niết bàn.

(204) Không bệnh là tài sản lớn nhất, biết đủ là tiền quý nhất, bạn chân thật là bạn tốt nhất, Niết bàn là hạnh phúc lớn nhất.

(203) Pháp hợp lại (hành) là khổ lớn nhất, đối là bệnh lớn nhất; hiểu thực là vậy, Niết bàn là an vui nhất.

Hãy cân nhắc về đường tới hạnh phúc và đường tới địa ngục; người hiểu được tội lỗi, sẽ sớm đạt Niết bàn.

Đường tới hạnh phúc có từ một duyên khởi; đường tới địa ngục có từ một duyên khởi; đường tới Niết bàn có từ một duyên khởi; tất cả đều có một duyên khởi.

Nai đi là vào rừng, chim bay lên bầu trời; người tận lực sống với chánh pháp sẽ tới Niết bàn của A la hán.

Người không tận lực, người kém trí và ít học, sẽ không thấy Niết bàn, nơi cắt đứt hết mọi trói buộc. 12 (369) Người lái làm nhẹ thuyền [mới đi xa được]; tát cạn tham và sân, người sẽ tới Niết bàn.

Nếu cái đã sanh chưa được sanh, cái được sanh sẽ là vô sanh; khi cái vô sanh không sanh ra các uẩn, sẽ thấy tịch diệt chính các pháp sanh khởi.

Người thấy được pháp khó thấy (khổ), và người nhận ra pháp an lạc, người hiểu sự thực và đạt tri kiến, người thấy được tánh không trong lòng tham và niềm vui thế gian, người như thế đoạn tận được sâu khổ.

Xa lìa tham ái và tham dục, ta như chiếc hồ khô, cạn nước; người như thế đoạn tận được sâu khổ.

Người có cảm thọ đã nguội lạnh, có tướng đã chìm xuống, có hành đã tịch lặng, có thức đã biến mất; người như thế đoạn tận được sâu khổ.

Khi thấy chỉ là thấy, khi nghe chỉ là nghe, khi nhận biết chỉ là nhận biết, khi ý thức chỉ là ý thức, lúc đó là đoạn tận sâu khổ. Khi chỉ muốn cái nên được tìm kiếm (để an nghỉ), người như thế đoạn tận được sâu khổ.

Người không tìm vui nơi thế gian, người giữ tâm bình an, người xa lìa tất cả tham đắm; người như thế đoạn tận được sâu khổ.

Từ vô minh sinh ra hành; từ hành sinh ra trói buộc; từ trói buộc sinh ra tất yếu tái sinh; từ đó sinh ra tới và đi; từ tới và đi sinh ra sâu khổ vì chết; từ sâu khổ sinh ra cuộc tái sinh mới; từ đó sinh ra già, bệnh và chết, buồn, khổ, bất toàn, từ đó là vô lượng sâu khổ.

Không vô minh, sẽ không có hành; không hành, sẽ không trói buộc; không trói buộc, sẽ không có gì để gỡ bỏ; không có gì để gỡ bỏ, sẽ không có tới và đi; không có tới và đi, sẽ không có sâu khổ vì chết; không sâu khổ vì chết, sẽ không tái sinh nữa; như thế là hết già, bệnh và chết, buồn, khổ, bất toàn, như thế đoạn tận vô lượng sâu khổ.

Tỳ khuru, có hiện hữu cái không được tạo tác, cái không được thấy, cái không được làm ra, cái ban sơ và cái không được sản xuất; tương tự, có cái được tạo tác, cái được thấy, cái được làm ra, cái hợp thể, và cái được sản xuất. Và có sự nối kết liên tục giữa hai cái trên.

Tỳ khuru, nếu không hề có cái không được tạo tác, cái không được thấy, cái không được làm ra, cái ban sơ và cái không được sản xuất, ta không có thể nói rằng kết quả sự nối kết của chúng từ nhân tới quả với cái được tạo tác, cái được thấy, cái được làm ra, cái hợp thể, và cái có thể được nhận thức chính là giải thoát tối hậu.

Tỳ khuru, chính bởi vì có hiện hữu thực của cái không được tạo tác, cái không được thấy, cái ban sơ và cái không được sản xuất, cho nên ta nói rằng kết quả của sự nối kết của chúng từ nhân tới quả với cái được tạo ra, cái được thấy, cái được hình thành, cái hợp thể, cái được nhận thức chính là giải thoát tối hậu.

Cái vô thường của cái được tạo ra, cái được thấy, cái được làm nên, cái được sản xuất, cái hợp thể, cái đau khổ lớn để già, chết, và vô minh, cái dẫn khởi từ thọ dụng thức ăn; tất cả các pháp đó đều sẽ bị hủy diệt, và khi không thấy say đắm trong các pháp đó thì chính đó là cốt tủy của giải thoát tối hậu. Khi đó sẽ không còn nghi ngờ và do dự; tất cả cội nguồn sâu khổ sẽ ngưng, và người sẽ thấy hạnh phúc trong bình an và hòa điệu giữa các uẩn.

Tỳ khuru, Niết bàn không ở trong đất, không ở trong nước, không ở trong lửa, không ở trong gió.

Niết bàn không ở trong cảnh giới Không Vô Biên Xứ, không trong Thức Vô Biên Xứ, không trong Vô Sở Hữu Xứ, không trong Phi Tưởng Phi Phi Tưởng; Niết bàn không ở trong thế giới này hay trong thế giới khác; Niết bàn không ở trong mặt trời hay mặt trăng. Ta nói, nghĩ như thế không phải là chính kiến.

Tỳ khuru, như ta nói, Niết bàn không có trong tới và đi, vì Niết bàn là cái không hiện hữu; ta cũng không nói rằng Niết bàn hiện hữu nơi có sự chết, vì Niết bàn là cái không được sinh ra. Nơi đây như thế là đoạn tận khổ.

Niết bàn không hiện hữu trong đất, nước, gió, lửa; trong Niết bàn, không thể thấy là màu trắng hay bất kỳ màu gì; trong Niết bàn, không có cả bóng tối; trong Niết bàn, mặt trăng không chiếu sáng, mặt trời cũng không chiếu ra các tia sáng.

Vị đó là một bậc Muni (thánh) và là một Bà La Môn, và là một bậc trí tuệ, đã giải thoát khỏi cảnh giới sắc và cảnh giới vô sắc, và đã xa lìa tất cả sâu khổ.

Vị đó đã tới tận cùng, đã dứt mọi sợ hãi, không còn ngã chấp và cũng không nhiễm ô tội lỗi nữa; đã bỏ sau lưng sâu khổ cõi hữu, vị đó có thân này là lần cuối.

Đây là an lạc tối thắng của những người đã tới bình an tận cùng, toàn hảo và tối thượng, đã hủy diệt tất cả các đặc tướng, sự toàn hảo của thanh tịnh, đã hủy diệt cái chết.

Bậc Muni đã xa lìa các uẩn để hiện hữu, để thích ưa hay không thích ưa. Vui trong tịch lặng tuyệt đối, vị này đã đập bể vỏ trứng của hiện hữu và rời thế giới này.

(354) Pháp thí, thắng mọi thí! Pháp vị, thắng mọi vị! Pháp hỷ, thắng mọi hỷ! Ái diệt, dứt mọi khổ!

Hết Phẩm 26, về Niết Bàn

---o0o---

PHẨM 27 - CÁI THẤY

Ghi nhận: Bài kệ số 6 nói rằng những người không nhận ra chân lý vô ngã (không có tôi, không có cái của tôi) sẽ nhầm rằng nhân loại là tự sanh ra, hoặc do một đấng nào sanh ra. Các bài kệ 10-13 nói rằng người khổ hạnh và người tham dục đều là hai cực đoan sẽ sinh tử luân hồi mãi, vì đều là chấp có thân (để khổ hạnh, hoặc để tham dục); người thấy vô ngã sẽ xa hai cực đoan đó, vì không thấy có thân nào cần để tra tấn, và không thấy có thân nào cần cho hưởng lạc. Có thể nhìn thế này: người tham dục là nhiều tâm tham, người khổ hạnh khát khe là dạng khác của tâm sân, trong khi người trí (lìa tâm si) sẽ thấy hai cực đoan kia là 2 dạng của tâm tham và tâm sân; cả hai dạng này đều tự chạy theo chính họ.

Hai bài kệ 14 và 15 nói lên như Kinh Kim Cương, rằng ai xem thân và thế giới như bọt nước, như ảo ảnh sẽ giải thoát.

Đức Phật nói bài kệ 26 là khi một vị tỳ khưu trở lại đời thường (tượng trưng cho rừng tham dục).

Bài kệ 27 nói lên hình ảnh người phụ nữ áo trắng không tội lỗi với tư chi đẹp đẽ là nói về giải thoát.

Bài kệ 33 nói về “thấy cái được thấy” là nhận ra cảnh qua mắt, nhưng “thấy cái không được thấy” là nhận ra cái lý vô ngã từ những cái được thấy, theo chú giải của Sparham.

Bài kệ 34-37 nói về cái thấy của mắt là cái được thấy, tức là hình thể, là sắc (form), nhưng cái thấy của mắt tuệ là “thấy cái không được thấy” – tức là “thấy cái vô tướng” (sees not form). Nghĩa là sắc tức thị không, không tức thị sắc. Pháp ấn vô ngã nhận ra từ mắt tuệ, không phải từ mắt thường.

(252) Dễ thấy lỗi người khác, hơn thấy lỗi của mình; dễ thấy lỗi người vì như sàng trấu trong gạo, trong khi lỗi mình khó thấy ra. Cũng như người cờ gian bạc lận, chỉ ra con xúc xắc của đối thủ và giấu con xúc xắc của mình, gây chú ý tới lỗi người khác, cứ liên tục nghĩ chuyện moi lỗi người; người như thế sẽ xa rời việc thấy chánh pháp, và càng tăng sâu khổ.

(244) Sống dễ dãi là kẻ huênh hoang, trộm cắp, trơ tráo, theo bản năng xấu như một con quạ, sống đầy tội lỗi và không biết xấu hổ.

(245) Sống gian nan là người luôn luôn tìm tới thanh tịnh, người này sống tự chế, trong sạch, biết đủ, không say mê.

(174) Thế giới này trong bóng tối; chỉ vài người có mắt tuệ, họ như chim thoát khỏi lưới, lên vui nơi cõi trời.

Người ngu bị trói trong thân, như quán người trong bóng đêm; họ thềm tài sản thế gian và mọi thứ tương tự.

Có người nghĩ rằng họ tự sanh ra, có người nghĩ họ do đấng nào đó sanh ra; người tin thật những điều không thật sẽ không thể thấy gì; cũng không thấy rằng họ không đồng thuận về điểm này, họ không thể thấy sâu

khổ. (ý nói: ai nghĩ rằng chúng sanh do tự sanh hay do tha sanh đều không nhận ra lý vô ngã).

Người ưa mê đắm cảm giác không thấy rằng khổ đau họ gặp sau này là do chính họ tự gây ra; họ cũng không hiểu người khác khi thọ khổ cũng do tự người khác tương tự gây ra.

Những người sống ích kỷ, ưa thói ích kỷ, bị giam trong vòng ích kỷ, cũng như những người có quan kiến tranh cãi (62 dị kiến) sẽ không thoát nổi sinh tử luân hồi.

Hãy biết rằng những kiếp quá khứ mình đã trải qua, và những kiếp tương lai mình sẽ tới, đều quán phủ trong tội lỗi; tất cả đều sẽ suy diệt. Có những người thực tập giới hạnh, giữ hành vi tốt, sống đời thánh hạnh; và cũng có những người cực đoan, tự sống khổ hạnh.

Và có một cực đoan khác, họ nói tham dục là thanh tịnh, nói người tham dục là người đạo đức, nói tham dục là để vui sướng, nói tham dục không có gì tội lỗi. Những người đó sẽ bị tham dục cuốn trôi. Những người ở hai cực đoan đó (khổ hạnh, tham dục) đều thường xuyên đi ra nhà mồ (luân hồi).

Hai cực đoan đó đều không thấy nguyên nhân khổ; trong khi người đầy tham dục, người lại chạy lòng vòng hoang mang. Những người có thể thấy rõ, sẽ nhận ra những người đó đầy lòng tham, và về cách họ chạy lòng vòng. Người có thể thấy sẽ nhận ra rằng nếu 2 nhóm người cực đoan kia có thể thấy, thì họ sẽ rời bỏ tham và ngưng chạy lòng vòng (theo chính họ); từ đó họ sẽ hết tham, và thấy không cần chạy lòng vòng (tự khổ hạnh). Những người không làm và không nghĩ như hai cực đoan đó sẽ không bị trói buộc, và sẽ đoạn tận sâu khổ.

(170) Ai nhìn thế giới này như bọt nước, xem thế giới này như ảo ảnh, sẽ không bị Thần Chết nhìn thấy.

Ai nhìn thân mình như bọt nước, xem thân mình như ảo ảnh, sẽ không bị Thần Chết nhìn thấy.

(171) Hãy luôn nhìn thân này như xe vua lộng lẫy; kẻ ngu say đắm thân này, người trí chẳng mê đắm chi.

Hãy luôn nhìn thân này như xe vua lộng lẫy; kẻ ngu bị nó lừa gạt, người trí không bị gạt lừa.

Hãy luôn nhìn thân này như xe vua lộng lẫy; kẻ ngu bị nó kéo xuống thấp, như voi già bị lún dưới bùn.

Hãy luôn nhìn thân này như bệnh và sẽ tan hoại, và như một người bị thương, đang biến đổi và vô thường.

Hãy nhìn thân này, trang sức với ngọc quý, dây chuyền và bông tai, như là bệnh và sẽ tan hoại, đang biến đổi và vô thường.

Kẻ ngu lo làm đẹp các lọn tóc, tô màu quanh mắt, và không lo tìm tới thế giới khác.

Kẻ ngu lấy màu son lên thân thể, lấy ngọc quý phủ lên tám thân tan hoại này, và không lo tìm tới thế giới khác.

Kẻ ngu lấy nước hoa xoa vào thân, sơn màu son lên bàn chân, và không lo tìm tới thế giới khác.

Người sống tận lực cho tham dục, và người không thấy tội lỗi trong tận lực đó, sẽ không thể với tận lực tham như thế mà vượt qua được dòng sông lớn và vô tận.

Người khởi sự xa lìa tham dục, và tận cùng buông bỏ hết, người nhìn thấy không “tôi” hay “của tôi” sẽ vượt qua dòng sinh tử luân hồi, và sẽ không còn tái sinh nữa.

(344) Người đã tự mình rời khỏi rừng (tham dục), sống không cần rừng, rời chạy lại về rừng, cho dù đã tự đưa mình giải thoát; hãy nhìn người đàn ông tội nghiệp kia, đã rời bỏ tự do để về với trời buộc.

Hãy nhìn người phụ nữ không tội lỗi kia, với tứ chi dịu dàng, như cỗ xe khéo làm tận cả các cãm xe, hãy nhìn cô đó trong trang phục trắng. Người hãy tự mình ra khỏi dòng sông trời buộc.

(188) Loài người sợ hoảng hốt, tìm nhiều chỗ quy y, hoặc rừng rậm, núi non, hoặc vườn cây, đền tháp.

(189) Quy y ấy không ổn, không quy y tối thượng. Quy y các chỗ ấy, không thoát mọi khổ đau.

(190) Ai quy y Đức Phật, Chánh pháp và chư tăng, ai dùng chánh tri kiến, thấy được bốn Thánh đế.

(191) Thấy khổ và khổ tập, thấy sự khổ vượt qua, thấy đường Thánh tám ngành, đưa đến khổ não tận.

(192) Thật quy y an ổn, thật quy y tối thượng, có quy y như vậy, mới thoát mọi khổ đau.

Người nhận ra những gì mắt thấy, cũng có thể nhận ra những gì mắt không thể thấy; người không nhận ra cái không được thấy sẽ không nhận ra những gì người này nên thấy; mắt thường và mắt tuệ trong bản chất dị biệt như ngày và đêm, không bao giờ xảy ra cùng lúc.

Với mắt thường, sẽ không thể nhận ra bằng mắt tuệ; nếu thấy [với tuệ nhãn], người này sẽ mắt cái được thấy về sắc; với cái thấy của mắt tuệ, người này nhận ra cái vô tướng; với mắt thường, sẽ không nhận ra cái gì hết.

Người không thấy gì, sẽ chỉ thấy sắc thôi; người thực sự thấy, sẽ thấy cái vô tướng (sees not form); như thế, người nào thấy vô tướng sẽ tự giải thoát ra khỏi cái thấy bình thường (tức là, được pháp nhãn).

Người thấy không khổ, sẽ xem xét như có ngã; nhưng người nhận ra khổ, thì sẽ nhận ra cái vô tướng.

Trong bóng đêm của liên tục tái sinh, người nào không nhận ra sâu khổ của các uẩn, là người chỉ có mắt thường, và không nhận ra cách để chấm dứt của sắc.

Hết Phẩm 27, về Cái Thấy

---o0o---

PHẨM 28 - ÁC

Ghi nhận: Bài kệ đầu của phẩm này y hết bài kệ 183 trong Pháp Cú Pali (HT Thích Minh Châu dịch: Không làm mọi điều ác. Thành tựu các hạnh lành, Tâm ý giữ trong sạch, Chính lời chư Phật dạy), chỉ chệch một chữ: thay vì “trong sạch” nơi Pháp Cú Tây Tạng cả 3 bản dịch Rockhill, Iyer, Sparham đều dịch là “completely pacify” – tức là, làm cho tâm bình lặng hoàn toàn.

Bài kệ số 6 nói rằng người trí khi tâm không còn nhiễm ô, sẽ rời bỏ cả thiện và ác, vì làm thiện sẽ tái sinh vào cõi trời sắc hoặc cõi trời vô sắc, trong khi làm ác sẽ tái sinh vào cõi dục giới này (theo chú giải của Sparham và Rockhill). Có nghĩa là, người trí sống với giới hạnh vô ngã để giải thoát, chớ không cầu phước báo nhân thiên (làm thiện với tâm còn chấp ngã).

Bài kệ 26 tới 29 nói về mười cảnh giới khổ, trong đó có địa ngục khổ vô tận (có thể đây là ý tưởng về sau chuyển thành hình ảnh văn học 10 tầng địa ngục).

Bài kệ 36 lập lại nguyên văn bài kệ 32. Vài trường hợp tương tự, hay chỉ khác một chữ, cũng xảy ra. Có thể vì đây là kinh tụng, cho nên sự lập lại được giữ lại.

(183) Không làm mọi điều ác. Thành tựu mọi hạnh lành, Giữ tâm bình lặng hoàn toàn -- là lời Đức Phật dạy.

Bố thí sẽ tăng phước, tâm bình lặng sẽ không gây kẻ thù: người giới hạnh lìa ác, dứt khổ, được Niết bàn.

Khi sống giữa những kẻ ngu, người trí vẫn giữ cách biệt; như ngỗng hóp sứa trên mặt nước, người trí tránh tất cả những kẻ làm ác.

Thấy tất cả pháp bất thiện trên thế giới, thấy phương tiện để đoạn tận bất thiện, người trí không vui với việc ác. Người ác không làm vui được người giới hạnh.

Người trí biết vị ngọt của sống đời cô tịch, vị ngọt của bình an toàn hảo; xa lìa bệnh, không nhiễm ác, người trí uống vị ngọt của niềm vui trong chánh pháp.

Tâm vị này đã xa lìa nhiễm ô, không bị phiền não nào nắm giữ nữa. Rời bỏ cả thiện và ác, người trí không còn sợ tái sanh đường dữ.

Xuất gia, nói lời từ ái, chỉ ra thế nào là tội lỗi, người trí dạy pháp tịch diệt; chúng sinh nên thân cận với những vị như thế. Người nào thân cận với những vị như thế, sẽ làm hạnh lành và không làm ác.

Người có tâm tịch lặng và rời mê đắm, nói lời chừng mực, và không kiêu mạn, sẽ buông sạch hết bất thiện pháp, như gió thổi hết lá trên cây.

(125) Khi kẻ ngu nổi giận đối với một người thanh tịnh, với người không còn nhiễm ô và sân hận, tội sẽ rơi ngược vào kẻ ngu như bụi ném ngược gió.

Làm việc thiện, người sẽ trở nên thiện; làm việc ác, người sẽ trở nên ác. Mình sẽ tự thấy kết quả mình trở thành, vì việc mình làm liên tục.

(165) Tự mình làm ác, là tự mình làm nhiễm ô. Tự mình không làm ác, là tự mình làm thanh tịnh. Thiện hay bất thiện là tự mình. Không ai thanh tịnh cho ai.

(161) Tội làm ra, sẽ gom nghiệp dữ, tới lúc đê bẹp người gây nghiệp, như kim cương xuyên vỡ đá quý.

Như lũ khách có thể thấy nguy hiểm để tránh; tương tự, người trí sẽ tránh làm việc ác trong cõi này.

(123) Như thương gia mang nhiều tài sản và ít bạn đường, sẽ tránh các lối đi nguy hiểm; như người muốn sống sẽ tránh thuốc độc, người trí tránh tội lỗi.

(124) Bàn tay không thương tích có thể cầm thuốc độc, vì thuốc độc không hại người không vết thương; tương tự, người không làm ác sẽ không gặp nghiệp ác tới.

(163) Hành vi hại người, và hành vi sai trái dễ làm; hành vi lợi người và đưa hạnh phúc tới, rất khó làm.

Dễ cho người công chính làm thiện, khó cho người công chính làm ác; dễ cho kẻ ác làm ác, khó cho bậc thánh làm ác.

(69) Người ngu nghĩ là ngọt, khi ác chưa chín muối; Ác nghiệp chín muối rồi, người ngu chịu khổ đau.

(119) Người ác thấy là hiền, khi ác chưa chín muối. Khi ác nghiệp chín muối, người ác mới thấy ác.

(120) Khi thiện chưa chín muối, thiện có vẻ như là ác. Khi thiện được chín muối, người hiền thấy là thiện.

(117) Nếu làm điều ác cả trăm lần, chớ tiếp tục làm thêm. Chớ ước muốn điều ác, chừa ác, tất chịu khổ.

(118) Nếu người làm điều thiện, nên tiếp tục làm thêm. Hãy ước muốn điều thiện, chừa thiện, được an lạc.

(116) Tâm của người vui với ác sẽ lười làm việc thiện; giữ tâm xa việc ác, hãy gấp hướng về việc thiện.

Dù làm một chút ác cũng lãnh quả xấu trong cõi này và cõi khác, sẽ thọ khổ lớn; y như thuốc độc đã vào thân mình.

Dù làm một chút thiện cũng nhận quả lành nơi cõi này và cõi khác, sẽ hạnh phúc và lợi tức lớn; y như hạt giống đã bắt rễ vững vàng.

(137) Ai hại người vô tội, ai giận người không biết giận, sẽ mau chóng vào một trong 10 cõi khổ địa ngục.

(138) Họ sẽ khổ vô cùng tận, hay bị cắt đứt tay chân, hay sẽ khổ vô tận, hay bị loạn ý tán tâm.

(139) Hay sẽ bị ly tán người thân, hay sẽ mất tài sản, hay sẽ gặp tai họa từ vua, hay gặp vô tận điều trái ý.

(140) Hay nhà cửa kẻ ác sẽ bị thiêu cháy, và khi kẻ ác lìa thân này sẽ đi thẳng vào địa ngục.

Kẻ ác không trốn được quả ác; dù làm ác từ rất lâu hay từ rất xa, dù làm ác nơi cô tịch, cũng không thoát được quả ác. Khi quả ác chín muồi, không chạy thoát nổi.

Người làm thiện sẽ không sợ hãi; dù làm thiện từ rất lâu hay từ rất xa, dù làm thiện nơi cô tịch, cũng được tâm không sợ hãi, và khi quả thiện chín, sẽ có tâm vô úy.

Kẻ làm ác sẽ thọ khổ; dù làm từ rất lâu hay từ rất xa, cũng sẽ thọ khổ.

Dù làm ác nơi cô tịch, cũng sẽ thọ khổ; và khi quả chín muồi, kẻ ác cũng sẽ thọ khổ.

(15) Khi thấy nghiệp ác tới, kẻ ác sẽ thọ khổ nơi cõi này và cả nơi cõi sau; kẻ ác thọ khổ ở cả hai cõi, y sẽ khóc và sẽ sầu khổ lớn lao.

Người làm thiện sẽ được hạnh phúc; dù làm thiện từ rất lâu và từ rất xa, cũng sẽ có quả hạnh phúc; dù làm thiện nơi cô tịch, cũng sẽ có quả hạnh phúc; và khi quả thiện chín muồi, người này sẽ an vui hạnh phúc.

(16) Khi thấy nghiệp lành tới, thiện nhân sẽ thọ vui nơi cõi này và cả nơi cõi sau; thiện nhân thọ vui ở cả hai cõi; khi quả lành mang vui tới, người này sẽ rất là vui.

Kẻ làm ác sẽ thọ khổ; dù làm từ rất lâu hay từ rất xa, cũng sẽ thọ khổ. Dù làm ác nơi cô tịch, cũng sẽ thọ khổ; và khi quả chín muồi, kẻ ác cũng sẽ thọ khổ.

(17) Khi thấy nghiệp ác tới, kẻ ác sẽ thọ khổ nơi cõi này và cả nơi cõi sau; kẻ ác thọ khổ ở cả hai cõi, y sẽ đau đớn và sẽ sầu khổ lớn lao.

Người làm thiện sẽ được hạnh phúc; dù làm thiện từ rất lâu và từ rất xa, cũng sẽ có quả hạnh phúc; dù làm thiện nơi cô tịch, cũng sẽ có quả hạnh phúc; và khi quả thiện chín muồi, người này sẽ an vui hạnh phúc.

(18) Khi thấy nghiệp lành tới, thiện nhân sẽ thọ vui nơi cõi này và cả nơi cõi sau; thiện nhân thọ vui ở cả hai cõi; khi quả lành mang vui tới, người này sẽ rất là vui.

Người đã làm ác và chưa làm thiện, người đã xa lìa chánh pháp, người không tín tâm -- người bất thiện như thế sẽ sống trong nỗi sợ chết, như ngồi trên thuyền lủng trôi trên sông lớn.

Người sống giới hạnh và người làm thiện, người sống theo pháp của bậc thánh, sẽ không bao giờ sợ chết, như ngồi trên thuyền vững chắc có thể tới bờ bên kia.

Hết Phẩm 28, về Ác

---o0o---

PHẨM 29 - NGÀY VÀ ĐÊM

Ghi nhận: Nhan đề của phẩm này được Rockhill và Iyer dịch là “Day and Night” (Ngày và Đêm), nhưng bản Sparham dịch là “Antitheses” (Phản Đề). Chú giải của Rockhill ghi rằng hai bài kệ đầu là khi Đức Phật nói về các bà la môn ngoại đạo như ánh sáng con đom đóm, trong khi Đức Phật như mặt trời.

Đức Phật nói hai bài kệ 11 và 12 với vua Prasenajit khi thấy vua vì ngộ nhận màu áo đã bày tỏ tôn kính nhiều du sĩ khổ hạnh là bậc A La Hán, rằng chớ nhìn bề ngoài.

Bản ghi chú Sparham ghi rằng Đức Phật nói bài kệ 22 và 23 để khen Tỳ khưu Ratna, đã giải thoát vì hủy diệt xong ngôi nhà (thân tâm), không còn niềm tin (không ưa thích sinh tử), không trả lại cái được làm (chúng vô tác, tức Niết bàn), ăn đồ mưa ra (tức, không còn tham), giết xong cha mẹ (mẹ là tham ái, cha là vô minh), đánh bại hai vua (tức, danh và sắc), chinh phục vương quốc (thân tâm), và đánh bại quân binh (các tâm sở).

Các bài kệ 24-25 theo hai bản Rockhill và Iyer là “Tất cả hành vi của người giải thoát mang ba đặc tính: Không, vô tướng, cô tịch,” bản Sparham dịch ý “cô tịch” là “không dính mắc.” Có thể hiểu là “vô sở trụ” bởi vì hình ảnh trong kệ này là dấu vết chim bay trên không, hiểu là tâm người giải thoát không dính vào sắc thanh hương vị xúc pháp nào.

Trong phẩm này, nhiều bài kệ được lập đi, lập lại, cho thấy phẩm này và có thể nhiều phẩm khác nằm trong kinh nhật tụng của chư tăng.

Các bài kệ 54-57, theo chú giải của Rockhill, do Đức Phật nói khi Vua Cuddbodana nhớ Đức Phật, muốn gặp lại, nên gửi một người mang tin tìm tới với lời dặn, phải đưa Đức Phật về cho vua bằng mọi giá, kể cả bạo lực.

Đức Phật nói bài kệ 59 (trong Pháp Cú Pali là Kệ 348) khi chàng trai Uggasena đang đứng trên đầu gậy cao để làm xiếc. Khi nghe dứt bài kệ, ngài Uggasena tức khắc đả quả A La Hán. Kinh Kim Cang cũng nói ý này. Riêng Thiền Tông thường dẫn ra bài kệ này để chỉ rằng Đức Phật đã dạy pháp Thiền Đốn Ngộ.

Độc giả có thể có kinh nghiệm này, thử nhìn vào tâm mình, không nghĩ tới những gì đã qua, không nghĩ tới tương lai, và ngay hiện tại tức khắc đó cũng không nghĩ ngợi vướng bận gì tới sắc-thanh-hương-vị-xúc-pháp, thì ngay khi quan sát đó chính là tâm đã lìa tham sân si, ngay hiện tại tức khắc đó cũng đã hoàn tất Bát Chánh Đạo (mắt thấy lìa ngã-pháp là chính kiến, tâm lìa tham sân si là chính tư duy, miệng không lời phải quấy là chính ngữ, giới hạnh thu thúc là chánh nghiệp, không hại chúng sinh là chính mạng, không lìa thiện pháp là chính tinh tấn, tâm không lìa tứ niệm xứ trong khoảnh khắc hiện tại là chính niệm, tâm không dao động là chính định)... Và đó là Thiền Đốn Ngộ, giây phút đó cũng là khi Bồ Đề Đạt Ma bảo Thần Quang đưa tâm ra cho ngài an tâm, thì Thần Quang nhìn vào tâm và không thấy tâm quá-hiện-vị-lai nào, thì Bồ Đề Đạt Ma nói là ngay khi đó đã an tâm rồi. Từ đó, Thần Quang được đổi tên là Huệ Khả. Từ khoảnh khắc đó, chỉ giữ tâm đó, gọi là trước ngộ, sau tu.

Khi mặt trời chưa mọc, đom đóm chiếu sáng; khi mặt trời mọc, đom đóm hết sáng và trở thành tối như cũ.

Khi Như Lai chưa xuất hiện, các nhà nguy biện chiếu sáng; khi đấng Giác Ngộ Hoàn Mãn xuất hiện nơi thế giới này, các thầy trò nguy biện hết chiếu sáng.

(11) Người xem vật rẻ tiền là quý giá, và người xem vật quý giá là rẻ tiền, toàn bộ hiểu biết của người này đã đảo ngược hoàn toàn – người này sẽ không tìm ra những gì quý giá.

(12) Người biết vật rẻ tiền là rẻ tiền, và người xem vật quý giá là quý giá, toàn bộ hiểu biết của người này là chính đáng -- người này sẽ tìm ra những gì quý giá.

Ai cứ mãi tăng thêm trói buộc xuyên qua ưa thích tà kiến, và cứ mãi nghe tà kiến, nhảy múa vòng quanh sinh tử luân hồi, sẽ rơi vào lửa như bướm đêm thiêu thân.

Ai trong cõi này có bất kỳ ngờ vực nào về nhân quả nơi cõi này hay cõi sau, nếu người này sống đời thánh hạnh, khi nghĩ tới ngờ vực, ngờ vực sẽ biến mất.

(9) Người có tâm như nước đục, và người mặc áo cà sa, sống không tự chế, sẽ không xứng đáng mặc cà sa.

(10) Người xa lìa tất cả nhiễm ô, luôn chú tâm vào giới hạnh, sống tự chế, sẽ xứng đáng mặc áo cà sa.

Ai mưu mô, lừa gạt, tham tài vật, bắt kẻ màu áo cà sa, bề ngoài và lời nói, sẽ không trở thành người tôn quý.

Cắt bỏ ba tâm mưu mô, lừa gạt, tham tài vật cũng như chặt ngọn cây tala – thông minh và sạch tội, người này được gọi là tốt nhất trong cõi người.

Người trong cõi này, có tính lừa gạt, ích kỷ, không chịu tự phòng hộ, giả vờ như khéo phòng hộ với bộ áo cà sa – chớ nên tin tưởng người như thế.

Trông dễ nhầm như màu đồng, như sắt được mạ vàng, là người có tâm địa như thuốc độc và có vẻ ngoài như bậc thánh, và người đi lòng vòng trong thế giới này với nhiều người theo đồng.

(325) Người ưa ngủ, ăn nhiều, nằm lăn lóc qua lại, chẳng khác heo no bụng, kẻ ngu nhập thai mãi.

Người nào luôn luôn biết suy nghĩ, biết ăn chừng mực, sẽ ít gặp khổ, giữ cách ăn chậm để tăng tuổi thọ.

(7) Ai ưa nhìn cảnh đẹp mắt, không hộ trì các căn, ăn uống thiếu tiết độ, biếng nhác, chẳng tinh cần.

Ma uy hiếp kẻ ấy, như cây yếu trước gió.

(8) Ai sống quán bất tịnh, khéo hộ trì các căn, ăn uống có tiết độ, có lòng tin, tinh cần. Ma không uy hiếp được, như núi đá trước gió.

(99) Khả ái thay núi rừng, chỗ người phạm không ưa, vị ly tham ưa thích, vì không tìm dục lạc.

(98) Làng mạc hay rừng núi, thung lũng hay đồi cao, La Hán trú chỗ nào, đất ấy thật khả ái.

(304) Người lành dầu ở xa, sáng tỏ như núi tuyết; Người ác dầu ở gần, như tên bắn đêm đen.

Ai thân với người trí, với bậc thánh có tâm trong sạch, sẽ có lợi ích lớn, và sẽ đắc trí tuệ thâm sâu.

(320) Hãy như voi giữa trận, hứng chịu cung tên bắn, hãy kham nhẫn hứng chịu mọi phỉ báng.

Người đã phá hủy nhà xong, không còn tin tưởng gì [vào sinh tử], không trả lại cái tạo tác [đã chứng vô tác, Niết bàn], phá hủy các cơ hội [tái sinh], và ăn đồ mưa [chứng vô tham]. Đó là bậc thánh.

Đã giết xong cha [vô minh] và mẹ [tham ái] và hai vị vua [danh, sắc], đã chinh phục trọn vương quốc với các thần dân [các tâm sở], người này sẽ thanh tịnh.

(92) Người đó rời xa sắc dục, ăn uống điều độ. Tất cả hành vi mang ba đặc tính: Không, vô tướng, vô sở trụ; lối đi khó nhận ra, như chim trên trời.

(93) Người đó rời xa sắc dục, ăn uống điều độ. Tất cả hành vi mang ba đặc tính: Không, vô tướng, vô sở trụ; dấu vết người này khó dò ra, như chim trên trời.

Người đó rời xa sắc dục, ăn uống điều độ. Tất cả hành vi mang ba đặc tính: Không, vô tướng, thiên định liên tục; lối đi người này khó thấy, như chim trên trời.

Người đó rời xa sắc dục, ăn uống điều độ. Tất cả hành vi mang ba đặc tính: Không, vô tướng, thiên định liên tục; dấu vết người này khó thấy, như chim trên trời.

Bài kệ 28, 29 lập lại hai bài kệ 24 và 25.

Người đó không bị giữ nơi bờ này, đã đoạn tận lậu hoặc. Tất cả hành vi mang ba đặc tính: Không, vô tướng, vô sở trụ; lối đi người này khó thấy, như chim trên trời.

Người đó không bị giữ nơi bờ này, đã đoạn tận lậu hoặc. Tất cả hành vi mang ba đặc tính: Không, vô tướng, vô sở trụ; dấu vết người này khó thấy, như chim trên trời.

Người đó không bị giữ nơi bờ này, đã đoạn tận lậu hoặc. Tất cả hành vi mang ba đặc tính: Không, vô tướng, thiên định liên tục; lối đi người này khó thấy, như chim trên trời.

Người đó không bị giữ nơi bờ này, đã đoạn tận lậu hoặc. Tất cả hành vi mang ba đặc tính: Không, vô tướng, thiên định liên tục; dấu vết người này khó thấy, như chim trên trời.

Bài kệ 34, 35 lập lại các bài kệ 32 và 33.

(85) Ít người giữa nhân loại, đến được bờ bên kia. Còn số người còn lại, xuôi ngược chạy bờ này.

(86) Những ai hành trì pháp, theo chánh pháp khéo dạy, sẽ tới bờ kia, qua biển sinh tử, lối đi khó vượt.

Người đó tự giải thoát nhờ chú tâm tinh thức, để lại quá khứ tất cả sầu khổ, tự mình rời trói buộc, sẽ không gặp phiền não nữa.

Người này vượt qua đường sợ hãi, xa lìa đường gặp ghênh bất thiện, rời tất cả trói buộc, hủy diệt thuốc độc của tham đắm.

(251) Lửa nào bằng lửa tham! Chấp nào bằng sân hận! Lưới nào bằng lưới si! Sông nào bằng sông ái!

Sa môn đã tới bờ kia sẽ y hết bầu trời không dấu chân. Kẻ ngu vui theo lầm việc cõi này, Như Lai không ưa thích gì nơi cõi này. Kẻ ngu bị dính mắc (nắm giữ) lối đi; người trí phá hủy tất cả dính mắc.

Người trí phá hủy tất cả dính mắc của cõi trời và cõi người; nhờ xa lìa tất cả dính mắc, người trí đoạn tận tất cả sầu khổ.

Từ dính mắc sẽ dẫn tới sinh hữu; lìa dính mắc sẽ không còn sinh hữu; người trí phải hiểu về đường dẫn tới sinh diệt và đường tới vô sinh diệt. Người trí hãy chọn con đường xa lìa dính mắc (vô sở trụ) để giải thoát.

Làm ác, sẽ gặp cảnh khổ, tương lai tái sinh cũng sẽ thọ khổ; làm thiện, sẽ gặp cảnh hạnh phúc, tương lai tái sinh cũng gặp cảnh hạnh phúc.

Chớ làm ác trong cả hai (kiếp này và kiếp sau) vì làm ác sẽ thọ khổ; hãy làm thiện để xa lìa sầu khổ.

Khi người trí và kẻ ngu ở chung và im lặng, sẽ không ai phân biệt được họ; họ chỉ được nhận ra qua lời nói, khi người trí dạy pháp về đường tới Niết bàn.

Giảng dạy chánh pháp là tiêu chuẩn của Như Lai, chánh pháp là dấu ấn của Như Lai; pháp của Như Lai đã được giải nghĩa sáng tỏ, hãy truyền xa hơn.

(227) Không nói, sẽ bị chê; nói nhiều, sẽ bị chê; nói chậm, sẽ bị chê; không ai trên đời không bị chê trách.

(228) Người chỉ thuận bị chê trách, người chỉ thuận được khen, chưa từng có như thế; trước giờ chưa từng có chuyện như thế, tương lai cũng không bao giờ có.

Người trong tâm không vướng gì về sinh hữu, người đã đoạn tận sâu khổ vì lìa dính mắc, người đã giải thoát khỏi sinh hữu, chúng sinh cõi trời và người không hiểu được mục đích người này.

(229, 230) Người này được các bậc thiện tri thức khen ngợi vì có tín tâm, giới hạnh và đại trí tuệ, không còn ai chê trách được người này nữa; người này y hết vàng trong cõi Diêm Phù Đề.

(81) Như núi và đá tảng không bị gió lay động, người trí không bị dao động dù được khen hay bị chê.

Người tinh tấn không để lại gốc rễ nào nơi mặt đất, không để lại một chiếc lá nhiễm ô nào trên bất kỳ cành nào, xa lìa mọi trói buộc, không ai chê trách được.

(179) Đức Phật là người chiến thắng, không bại, là người thế giới không thể so bằng, là người có oai lực vô cùng tận, là bậc tự giác, không ai hướng dẫn.

Đức Phật là người chiến thắng, không bại, là người thế giới không thể so bằng, là người có oai lực vô cùng tận, là bậc tự giác, không ai hướng dẫn.

(180) Đức Phật là người đã không còn chút mây may nào về tham, là người lĩnh vực hoạt động lan rộng tới vô tận, là bậc không ai hướng dẫn.

Đức Phật là người đã không còn chút mây may nào về tham, là người có oai lực lan rộng tới vô tận, là bậc không ai hướng dẫn.

Ngài là bậc chiếu sáng bởi tri kiến toàn hảo, người đã an trụ trong Không, người hiểu tất cả pháp, người giải thoát vì xa lìa tất cả mọi dính mắc, xa lìa tất cả sắc tướng (form) và xa lìa tất cả thức (consciousness), người đã vượt trên bốn cõi vô sắc, người đã đoạn tận sinh hữu.

(348) Hãy buông tất cả những gì quá khứ, buông tất cả những gì của tương lai, buông tất cả những gì của hiện tại, người sẽ quá tới bờ bên kia; khi tâm xa lìa tất cả, người sẽ không còn sinh và tử.

Hết Phẩm 29, về Ngày và Đêm

PHẨM 30 - AN LẠC

Ghi nhận: Bài kệ 10 và 11 được bản Rockhill ghi chú rằng có khi Bồ thí và gây chiến tranh ban đầu do cùng một nguyên nhân: muốn nổi tiếng và kiếm lợi. Bản Sparham ghi rằng hai bài kệ đó là từ chuyện một thương gia vào kho tìm vải để cúng dường chư tăng, khi gặp một tấm vải quá đẹp, thương gia này khởi tâm muốn giữ lại. Bài kệ 12 nói rằng Bồ thí mà trong tâm không dính mắc là tuyệt vời nhất.

Bài kệ 15, theo Sparham chú giải, nói rằng tuệ quán siêu thế (tức qua bờ) là nhận ra Tứ Diệu Đế, con đường diệt khổ.

Bài kệ 17, 18 nói rằng người trí vui với thiên định, tứ niệm xứ, thất giác chi, bát chánh đạo, khát thực, vượt tham và sợ hãi, sống trong vô tạo tác, thành tựu Niết bàn.

Bài kệ 21 được Sparham chú giải rằng hạnh phúc lớn nhất là khi nhìn các uẩn (thân/tâm) và không thấy gì là “tôi” nơi đó.

Bài kệ 29 được Rockhill và Iyer dịch là “khó gặp bậc thánh,” nhưng bản Sparham dịch là “khó gặp ngựa giỏi,” và ghi chú là người trí dù sinh trong vương tộc hay gia đình nô lệ, thân nhân cũng đều hưởng phước, an vui.

Bài kệ 34 nói rằng hạnh phúc là quẳng bỏ gánh nặng, chừa gánh nặng ám chỉ ngũ uẩn (thân/tâm).

Bài kệ 39 nói về người đã thấy tâm bất động, sẽ liả cả Có và Không, liả Hữu và Phi Hữu (who has left existence and not existence). Chúng ta nên nhìn như Thiên Tông, rằng cảnh giới thiên này có thể hình dung tâm mình như tấm gương: khi chim bay tới thì hiện ra ảnh, gọi là Có; khi chim bay mất thì ảnh vắng, gọi là Không; khi chim kêu, tâm hiện ra tiếng, gọi là Có; khi chim hết kêu thì bật hết tiếng, gọi là Không. Trong mọi trường hợp, gương tâm vẫn bất động, vẫn lặng lẽ, bất kể chim tới hay đi, kêu hay không. Nhận ra cái bất động và lặng lẽ đó của tâm, Thiên Tông gọi là nhận ra bản tâm, hay là ngộ. Từ sau khi nhận ra, chỉ cần sống liên tục với cái bất động và lặng lẽ đó.

Đức Phật nói bài kệ số 53 đề ca ngợi rằng bậc thánh sống không mừng rỡ, không trầm cảm, xa liả cả hai đầu vui/buồn (vui vì thấy có cái tôi vừa ý, buồn vì cái tôi bất như ý), vì an lạc thực sự có, nhưng không có cái ngũ uẩn tôi nào trong đó. Nghĩa là, tất cả những gì không bình thường đều sai. Chỉ có tâm bình thường, tịch lặng, không vướng cả hai đầu nhị biên mới hợp đạo.

Lời dạy hãy giữ tâm bình thường, xa liả thực/hư với chơn/vọng, được Thiên sư Tịnh Không đời nhà Lý ghi trong bài kệ: “Người trí không có chuyện ngộ đạo, Ngộ đạo tức là kẻ ngu thôi. Khách nằm thẳng duỗi chân, Nào biết chi về ngụy và chơn - Trí nhân vô ngộ đạo / Ngộ đạo tức ngu nhân / Thân cước cao ngọa khách / Hề thức ngụy kiêm chân.

(201) Thắng sinh ra thù oán, bại sẽ chịu khổ đau. Hãy buông bỏ cả thắng và bại, để sống tịch tịnh an lạc.

(291) Làm khổ cho người khác để kiếm lợi riêng mình, sẽ mang sầu khổ tới cho cả bạn và thù.

(131) Người tìm an vui, nhưng lại làm hại và đánh đập người khác cũng đang tìm an vui, sẽ không thấy hạnh phúc trong đời sau.

(132) Người tìm an vui, nhưng không hại và đánh đập người khác cũng đang tìm an vui, sẽ tìm thấy hạnh phúc trong đời sau.

(169) Hãy nghiêm giữ giới luật, chớ làm điều ác – người giữ giới hạnh sẽ có hạnh phúc đời này và đời sau.

Sống theo chánh pháp sẽ hạnh phúc; người giữ giới sẽ được chánh pháp canh giữ; sống theo chánh pháp sẽ không sanh vào đường ác, đó là lợi ích sống theo pháp.

Sống theo chánh pháp sẽ được pháp che chở, như trong mùa hè được dù lớn che; sống theo chánh pháp sẽ không sanh vào đường ác, đó là lợi ích sống theo pháp.

Người phóng dật không sống theo pháp, bất kể ai, đều sẽ tái sanh đường dữ; người không sống theo pháp chắc chắn sẽ bị diệt, y như thò tay chụp giữa thân rắn.

Phần thưởng của người thiện và người bất thiện khác nhau; người bất thiện sẽ vào địa ngục, người thiện sẽ thấy đường an lạc.

10, 11 Khi một người bố thí, và khi một người gây ra chiến tranh, nếu được biết rõ nguyên nhân ban đầu của hai hành vi như nhau, hãy cẩn trọng trong cả hai trường hợp và chớ dựa vào tâm bất thiện. Tương tự, một người đơn độc, có vũ trang, sẽ đánh thắng nhiều người không binh khí; do vậy một món quà nhỏ được bố thí với tâm từ bi sẽ mang quả báo hạnh phúc cho tận kiếp sau.

Người chiến thắng trong một trăm trận đánh, và người đánh bại tất cả kẻ thù, cũng không phải là người chinh phục vĩ đại. Ta nói, những kẻ đó cũng không vĩ đại bằng người bố thí với tâm không dính mắc.

Phần thưởng của giới hạnh là an lạc; người lấy đây làm mục tiêu sẽ nhanh chóng tìm thấy an nghỉ hoàn toàn và Niết bàn.

Không ai có thể làm hại những người sống giới hạnh. Chúng sinh từ cõi chư thiên và từ cõi Ma vương cũng không có thể hại người giới hạnh.

Người trí, tinh tấn với từ bi và trí tuệ, đoạn tận phiền não là nhờ tuệ quán siêu thế (qua bờ khổ).

Người tín tâm vui sống trong chánh pháp sẽ tìm thấy an lạc; người trí luôn luôn vui sống trong chánh pháp do bậc thánh truyền dạy.

17, 18 Tâm người trí vui trong thiên định, sống với vô tạo tác, vui với tứ niệm xứ, thất giác chi, tứ thiền, bát chánh đạo, mặc áo chánh pháp, sống khát thực.

Họ đi bình an ở núi và rừng, hạnh phúc trên đường tìm an lạc, bỏ sầu khổ lại để tìm Niết bàn. Họ bỏ sau lưng sân hận và sợ hãi, và vượt qua cõi sinh hữu này.

Hạnh phúc là nghe chánh pháp, nhận biết chánh pháp, và sống vui cô tịch; đối với tất cả chúng sinh trong cõi này, chân hạnh phúc là hiểu toàn triệt cảnh giới bát tử.

Hạnh phúc là ly tham, thoát khỏi mê đắm trong thế giới; hạnh phúc lớn nhất là không thấy niệm nào về “cái tôi” khởi lên.

(333) Hạnh phúc là người già sống giới hạnh, là người đời sống trong chánh tín, là người ưa thích ngôn ngữ trí tuệ, là người không làm ác.

(332) Hạnh phúc trong cõi này là người hiếu kính cha; hạnh phúc là người hiếu kính mẹ; hạnh phúc là người tôn kính các sa môn; hạnh phúc là người tôn kính các bậc hiền thánh.

(194) Vui thay, Phật ra đời! Vui thay, Pháp được giảng! Vui thay, Tăng hòa hợp! Hòa hợp tu, vui thay!

Hạnh phúc là gặp người giới hạnh; hạnh phúc là gặp người nghe pháp nhiều; hạnh phúc là gặp vị A La Hán sinh hữu đã tận.

Hạnh phúc là tới bờ sông bên kia; hạnh phúc là người thành tựu thanh tịnh; hạnh phúc là đắc trí tuệ; hạnh phúc là đoạn tận cái chấp về có “tôi.”

(206) Hạnh phúc là gặp bậc thánh nhân; hạnh phúc là thân cận người thiện; luôn luôn hạnh phúc là không gặp kẻ bất thiện.

(207) Sầu khổ lớn là sống chung với kẻ ngu, y như sống bên kẻ thù; sẽ ân hận lâu dài khi sống với kẻ ngu.

(193) Khó tìm bậc thánh nhân, không phải nơi nào cũng có. Hạnh phúc là gần người tinh tấn, như gặp bà con thân nhân; nơi nào người tinh tấn ra đời, người thân cận sẽ thấy hạnh phúc.

Bậc thánh đã lìa khổ, thấy an lạc toàn hảo; người đã ly tham, không còn hành nghiệp, giải thoát hoàn toàn.

Người lìa tất cả tham, đã làm sạch tất cả lậu hoặc, đã có bình an trong tâm, và trong bình an là hạnh phúc.

(290) Nhờ từ bỏ lạc nhỏ, thấy được lạc lớn hơn.

Bậc trí bỏ lạc nhỏ, thấy được lạc lớn hơn.

Niềm vui cõi người và niềm vui cõi trời không bằng tới 1/16 hạnh phúc từ đoạn tận tham ái.

Người trước giờ sầu khổ vì gánh nặng, hạnh phúc sẽ là quăng bỏ gánh nặng; người buông bỏ gánh nặng (ngũ uẩn) tương lai sẽ không mang gánh nặng nào nữa.

Người đã đoạn tận tất cả dính mắc, người đã rời bỏ tất cả những luyến ái, người đã hiểu hoàn toàn các uẩn [là vô ngã], sẽ không còn rơi vào tái sinh nữa.

Hạnh phúc là thân cận những người mang tới cho mình lợi ích lớn; hạnh phúc là sống giới hạnh trong các hoàn cảnh khác nhau; hạnh phúc là biết đủ với cả thiếu thốn; hạnh phúc là đoạn tận tất cả sầu khổ.

Sắt đã nung trên lửa, khi bị búa đập sẽ bị phá hủy; tương tự như thế, kẻ ngu cũng sẽ bị hủy diệt.

Người trí sau khi vượt qua dòng sông đục của tham ái, sẽ thấy cảnh giới bất động của Niết bàn, sẽ không còn gì ghì giữ người đã giải thoát hoàn toàn.

Người thấy tâm mình bất động, không còn gì làm dao động, người đã lìa cả Hữu và Vô, đã lìa sợ hãi, không còn sầu khổ, nhìn thấy hạnh phúc, ngay cả chư thiên cũng không hiểu niềm hạnh phúc này.

Hạnh phúc lớn không gì so sánh được là trong thế giới này được nghe pháp và hiểu pháp; trong khi người ta mê đắm thân, hãy nên thấy là thân dễ dàng bị hủy diệt.

Kệ 41 lập lại bài kệ 40.

Người đã hiểu rằng không có gì đáng ca ngợi nơi cõi người, sẽ hạnh phúc khi sanh đã tận; trong khi người ta mê đắm thân, hãy nên thấy là thân dễ dàng bị hủy diệt.

Hạnh phúc lớn là khi mình làm chủ chính mình, sầu khổ là khi phải lệ thuộc vào những gì khác; điều khó là khi rời bỏ dính mắc, và đoạn tận cội nguồn phiền não.

(199) Ah! Hãy sống đời cực kỳ hạnh phúc, sống không tham; giữa những người tham, sống không tham giữa những người tham.

(198) Ah! Hãy sống đời cực kỳ hạnh phúc, sống không bệnh; giữa những người khổ vì bệnh, sống không bệnh giữa những người bệnh.

Ah! Hãy sống đời cực kỳ hạnh phúc, sống không sân hận; giữa những người sân hận, sống không sân hận giữa những người sân hận.

Ah! Hãy sống đời cực kỳ hạnh phúc, sống không niệm thô ác; giữa những người niệm thô ác, sống không niệm thô ác giữa những người niệm thô ác.

Ah! Hãy sống đời cực kỳ hạnh phúc, sống không giận dữ; giữa những người giận dữ, sống không giận dữ giữa những người giận dữ.

Ah! Hãy sống đời cực kỳ hạnh phúc, cho dù thị trấn Mithila cháy, ta không có gì để cháy vì không có gì.

(200) Vui thay chúng ta sống. Không gì gọi là của ta. Ta sẽ hưởng hỷ lạc, như chư thiên Quang Âm. 51 Ah! Hãy sống đời cực kỳ hạnh phúc, không dựa vào các hư võ. Không có gì là của ta, ta sẽ hưởng hỷ lạc.

Khi hậu quả của tâm dính mắc hiển lộ, khổ hiện ra; người có tâm không dính mắc (tâm vô sở trụ), sẽ không có gì dẫn được tới khổ. Người đã dứt cả hai phía (tâm dính mắc và hậu quả tâm dính mắc) sẽ an lạc, sẽ không gặp sâu khổ dù sống ở rừng hay trong làng mạc.

Trong cõi này, bậc thánh không mừng rỡ hay ưu trầm với vui hay buồn; tinh tấn không dao động khi đối cảnh gợi tham, bậc thánh buông bỏ tất cả.

Hết Phẩm 30, về An Lạc

---oOo---

CHƯƠNG BỐN

PHẨM 31 - TÂM

Ghi nhận: Bài kệ số 2 ở phẩm này nói rằng khi giữ tâm tịch lặng để rời lưới ma, như cá giẫy giữa trên bờ -- trong đó “lưới ma” được bản Sparham chú giải là các cảm xúc bất thiện. Bài kệ số 4 nói rằng tâm không được thấy và không hề có thực tánh, là nói thức vốn có đặc tính tàng hình và biến đổi từng khoảnh khắc. Bài kệ 6 và 7 nói “ngôi nhà” là chỉ thân tâm ngũ uẩn. Bài kệ 9 nói người trí sống trong hang là nói thu về nội xứ, nói không nghĩ về thân là nói ưu tiên điều tâm. Bài kệ 29 nói về dòng sông gồm 36 cảm thọ bất thiện sẽ cuốn trôi người ưa ái dục.

Bài kệ số 55 trong khi hai bản dịch Rockhill và Iyer dịch là "flavour of perfect solitude" (hương vị cô tịch tuyệt hảo), bản Sparham dịch là "taste of detachment" (hương vị tâm vô sở trụ, hay hương vị của tâm xa lìa dính mắc).

Cả hai cách dịch đều thích nghi trong ngữ cảnh.

Nhiều bài kệ nơi đây nói rằng với người có tâm từ bi, sẽ không niệm sân nào khởi lên được, và do vậy là đắc quả thánh.

(35) Hãy giữ tâm bình an, tịch lặng. Tâm vốn khó nắm giữ, dễ lãng xăng, ưa theo dục tìm vui. Tâm bình an tịch lặng sẽ dẫn tới hạnh phúc.

(34) Trong khi tìm thoát lưới Ma, tâm giẫy giữa như cá bị ném lên bờ đất khô, xa khỏi hồ nước.

Như khi người bị che khuất ánh sáng mặt trời, tâm sẽ chạy lãng xăng; người trí biết cách điều tâm, như dùng móc sắt dạy voi.

Sẽ không khôn ngoan nếu làm gì bất lợi cho mình, dù chỉ một niệm; các người hãy liên tục phòng hộ tâm, vốn không thấy được và vốn không có thực tánh.

(326) Trước kia, tâm ta chạy theo ái, dục, lạc; bây giờ ta thuần phục, như cầm móc ghìm giữ voi điên.

(153) Kẻ làm ra ngôi nhà này, ta đã tìm tới giờ mới gặp, sau vô lượng kiếp tái sinh và qua vô lượng khổ đau trong sinh tử.

(154) Kẻ làm ra ngôi nhà này, ta đã thấy người rồi, đòan đông (vô minh) của người đã bị phá hủy, kèo cột (tham ái) đã bị gãy tan; sẽ không còn nhà nào cho ta nữa.

(33) Tâm lăng xăng, lay động hoài, khó kiểm soát; hãy tu tập, làm thẳng tâm như lấy lửa uốn thẳng mũi tên.

Người trí không nghĩ về thân, thu về sống trong hang (nội xứ), lang thang cô tịch, chiến thắng tâm lăng xăng sẽ giải thoát khỏi sợ hãi.

(42) Người có tâm nghiêng về ác sẽ tự mang sầu khổ tới; chớ lấy căm ghét đối trả căm ghét, chớ lấy thù nghịch đối trả thù nghịch.

(43) Người có tâm nghiêng về thiện sẽ tự mang hạnh phúc tới; hạnh phúc đó không ai mang tới cho mình, dù là từ ba, mẹ và người thân khác.

(13) Như ngôi nhà vụng lợp, mưa liền xâm nhập vào. Cũng vậy tâm không tu, tham dục vào tràn ngập.

Như ngôi nhà vụng lợp, mưa liền xâm nhập vào. Cũng vậy tâm không tu, mê đắm vào tràn ngập.

(14) Như ngôi nhà khéo lợp, mưa không xâm nhập vào. Cũng vậy tâm khéo tu, mê đắm tham dục không vào.

Như ngôi nhà vụng lợp, mưa tràn vào. Cũng vậy tâm không tu, tràn ngập bởi vô minh.

Như ngôi nhà khéo lợp, mưa không vào được.

Cũng vậy tâm khéo tu, vô minh bị ngăn chặn.

Như ngôi nhà vụng lợp, mưa tràn vào. Cũng vậy tâm không tu, tràn ngập bởi chấp ngã.

Như ngôi nhà khéo lợp, mưa không vào được.

Cũng vậy tâm khéo tu, chấp ngã bị ngăn chặn.

Như ngôi nhà vụng lợp, mưa tràn vào. Cũng vậy tâm không tu, tràn ngập bởi tham ái.

Như ngôi nhà khéo lợp, mưa không vào được.

Cũng vậy tâm khéo tu, tham ái bị ngăn chặn.

Như ngôi nhà vụng lợp, mưa tràn vào. Cũng vậy tâm không tu, tràn ngập bởi tham muốn.

Như ngôi nhà khéo lợp, mưa không vào được.

Cũng vậy tâm khéo tu, tham muốn bị ngăn chặn.

(1) Ý dẫn đầu các pháp, ý làm chủ, ý tạo; Nếu với ý ô nhiễm, nói lên hay hành động, khổ não bước theo sau, như xe, chân vật kéo.

(2) Ý dẫn đầu các pháp, ý làm chủ, ý tạo; Nếu với ý thanh tịnh, nói lên hay hành động, an lạc bước theo sau, như bóng, không rời hình.

Những người tâm bất thiện, ưa thích xung đột, dù cố gắng cũng không hiểu nổi chánh pháp khéo giảng này.

Những người dễ nổi sân, ưa tranh cãi, hay tín tâm không đủ, không hiểu nổi chánh pháp do Thế Tôn dạy.

Người có tâm thanh tịnh, lìa sân hận, đã rời tất cả ác tâm, có thể hiểu được chánh pháp khéo giảng.

Người tâm phóng dật sẽ không hiểu chánh pháp; người tín tâm dao động không thể có trí tuệ viên mãn.

(339) Người ưa theo ái dục bị giữ trong dòng sông gồm 36 cảm thọ bất thiện, sẽ bị cuốn trôi vì mê đắm.

Vui theo ái dục, nghiện ngập cảm thọ sẽ làm tâm sáng bị che mờ, như chim trên cây bị hái trái.

(371) Tỷ kheo, hãy tu thiền, chớ buông lung phóng dật, tâm chớ đắm say dục; Phóng dật, nuốt sắt nóng, bị đốt, chớ than khổ!

(280) Khi cần, không nỗ lực, tuy trẻ mạnh, nhưng lười; Chí nhu nhược, biếng nhác, với trí tuệ thụ động, sao tìm được chánh đạo?

Cho dù hiểu các tham ái vi tế và tầm quan trọng của ly tham, khi còn dao động trong nội tâm là chưa đủ trí tuệ để hiểu tận tường; tâm như thế vẫn còn bị lừa gạt, sẽ còn lang thang sinh tử luân hồi mãi thôi.

Người luyện được ký ức, tinh tấn, phân biệt, thấy rõ niệm trong tâm, sẽ rời được tất cả lỗi trong nội tâm.

(40) Nhìn thấy thân mình như bình rỗng, biết trú tâm như thành trì, lấy gươm trí tuệ chống Ma vương; chiến thắng, sống đời xuất gia.

Nhìn thấy thế giới như bình rỗng, biết trú tâm như thành trì, lấy gươm trí tuệ chống Ma vương; chiến thắng, sống đời xuất gia.

Nhìn thấy thân mình như chùm bọt nước, biết trú tâm như thành trì, lấy gươm trí tuệ chống Ma vương; chiến thắng, sống đời xuất gia.

Nhìn thấy thế giới này như chùm bọt nước, biết trú tâm như thành trì, lấy gươm trí tuệ chống Ma vương; chiến thắng, sống đời xuất gia.

(89) Những ai với chánh tâm, khéo tu tập thất giác chi, từ bỏ mọi ái nhiễm, hoan hỷ không chấp thủ. Không lậu hoặc, sáng chói, sống tịch tịnh (Niết bàn) ở đời.

Người quan sát tâm mình như con bò yak tự nhìn chòm đuôi nó, sống từ bi với tất cả các sinh vật, hạnh phúc cứ mãi tăng, không giảm.

Người có tâm định tĩnh, không sân, vui sống đơn độc như loài voi khổng tượng, loài voi có ngà rất quý.

Người có tâm không hại ai, từ tế và từ bi với tất cả các sinh vật, sẽ không bao giờ có sân khởi trong tâm.

Người không hề khởi niệm ác, từ tế và từ bi với tất cả các sinh vật, sẽ không bao giờ có sân khởi trong tâm.

Người không hề khởi niệm ác, tử tế với các sinh vật, từ bi với tất cả chúng sinh, sẽ không bao giờ có sân khởi trong tâm.

Lập lại bài kệ 44.

Người tử tế với tất cả các người quen, với tất cả bạn hữu, với tất cả tạo vật, và ban vui với lòng từ bi, sẽ tăng thêm hạnh phúc thọ nhận.

Nếu không hề khởi niệm bạo lực với các sinh vật, và chỉ hiển lộ tâm từ bi, người này đắc giới hạnh; nếu tâm hiển lộ lòng thương xót tới tất cả chúng sanh, người này sẽ đạt phước đức lớn như các bậc thánh.

Người có tâm hoan hỷ, tâm vô úy, sống theo giới pháp, sẽ đạt tới toàn hảo và hạnh phúc.

Giải thoát với tri kiến toàn hảo, người trí sẽ bình an và định tĩnh. Tâm hành của người này an nghỉ, thân hành và khẩu hành của người này tịch lặng.

Do vậy, nhờ chú tâm vào một điểm, người này sẽ đắc tri kiến toàn hảo về chánh pháp, chớ không phải vui vì ban nhạc có năm nhạc khí.

Người có tâm vui trong thiền định sẽ không tìm vui trong tham ái; người không còn chút phiền não nhỏ sẽ thấy giấc ngủ an lạc.

Người có tâm vui trong thiền định sẽ không tìm vui trong tham ái; người không còn chút phiền não nhỏ sẽ thấy được niềm vui lớn.

Người có tâm bất động, y hết đá tảng, giữa những mê đắm vẫn không khởi chút mê đắm, giữa những sân hận vẫn không khởi chút sân hận, với tâm như thế sẽ không gặp sầu khổ.

(185) Không nói ác, không làm hại, giữ gìn vững giới pháp, biết điều độ ăn uống, vào rừng sâu cư ngụ, sẽ thấy tâm an trong trí tuệ; đó là lời Đức Phật dạy.

Người khéo quan sát các chuyển biến của tâm, nắm được hương vị của tâm vô sở trụ, tinh thức tròn đầy với tâm định tĩnh, sẽ hưởng niềm vui vô ngã (hay: niềm vui không là gì cả - pleasure of being without anything).

Người chú tâm, vui trong bốn sự thực (Tứ Diệu Đế), luôn luôn giữ thân, khẩu, ý trong chánh pháp, rời bỏ sầu khổ, sẽ không còn gặp sầu khổ nào nữa.

Người không phòng hộ tâm, lại tin vào tà kiến, lười biếng, ưa ngủ, sẽ rơi vào thế lực Ma vương.

Người khéo phòng hộ tâm, sống theo chánh kiến, hiểu hoàn toàn về việc đang làm, hiểu hoàn toàn về sinh và diệt, tỳ khưu vượt thắng giấc ngủ và lười biếng, đã thấy con đường diệt khổ.

Người sống trong sạch sẽ được an lành; người có tâm được phòng hộ toàn hảo sẽ hạnh phúc; tất cả những ai chệch hướng theo bản năng thô bạo sẽ xuống địa ngục.

Người sống trong sạch sẽ được an lành; người có tâm được phòng hộ toàn hảo sẽ hạnh phúc; tất cả những ai chệch hướng theo bản năng thô bạo [tương lai] sẽ xuống cảnh giới loài thú.

Người sống trong sạch sẽ được an lành; người có tâm được phòng hộ toàn hảo sẽ hạnh phúc; tất cả những ai chệch hướng theo bản năng thô bạo [tương lai] sẽ xuống cảnh giới quỷ đói.

Người sống trong sạch sẽ được an lành; người có tâm phòng hộ toàn hảo sẽ hạnh phúc; tất cả ai phòng hộ giữa bản năng thô bạo sẽ tìm thấy vui trong cõi người.

Người sống trong sạch sẽ được an lành; người có tâm phòng hộ toàn hảo sẽ hạnh phúc; tất cả ai phòng hộ giữa bản năng thô bạo sẽ tìm thấy vui trên cõi trời.

Người sống trong sạch sẽ được an lành; người có tâm phòng hộ toàn hảo sẽ hạnh phúc; tất cả ai phòng hộ giữa bản năng thô bạo sẽ tìm thấy Niết bàn.

Hết Phẩm 31, về Tâm

---o0o---

PHẨM 32 - TỶ KHU

Ghi nhận: Nhiều bài kệ trong phẩm này gần y hết nhau, chỉ khác có một chữ, cho thấy phẩm này được ghi để đọc tụng, học thuộc, nghiên ngẫm. Chữ Bhixu (còn viết là: Bhikshu) nơi đây sẽ dịch là tỳ khưu vì cận âm, có khi giữ cách dịch là tỳ kheo trong văn phong của Hòa Thượng Thích Minh Châu. Bài kệ 19 nói rằng người sống thánh hạnh là đã xa lìa cả thiện và ác; ý này có nghĩa rằng vị tỳ khưu sống được rỗng rang không tịch trong các pháp, không vướng vào khái niệm trần gian về thiện và ác; sông theo giới bổn, làm thiện và giúp người nhưng vẫn thấy đó là rỗng lặng. Tức là, làm thiện mà không vướng vào thiện (để có quả lành cõi trời, người), và lìa ác mà không thấy lìa ác vì đã thấy tự tánh các pháp vốn là rỗng lặng.

Nhiều bài kệ nói rằng cần cả định và huệ, tức là tâm an tĩnh và tâm nhận biết thấu suốt (kệ 28: Không có định, sẽ không có huệ; không có huệ, sẽ không có định). Nghĩa là, định-huệ không rời nhau, dụ như mặt nước, hễ ngưng sóng và lắng bùn (định), mới thấy hiện ảnh mặt trăng (huệ).

Trong bài kệ 38 và 39, nhóm chữ "Śramanas and Brahmans" là chỉ các giáo sĩ ngoại đạo và các Bà La Môn.

Nhiều bài kệ nói rằng dính mắc vào sinh hữu (attachment to existence) là cội nguồn đau khổ. Nói dính mắc, là nói nắm giữ, chấp thủ, tâm có chỗ trụ. Như thế, lìa dính mắc là không nắm giữ, là tâm vô sở trụ, là không dính tâm

vào cái được thấy (tương tự, cái được nghe...). Ý chỉ vô sở trụ trong Kinh Kim Cang nơi đây được ghi trong nhiều bài kệ ở phẩm này.

Nhiều bài kệ, kể từ kệ 56 trở đi, y như lập lại Kinh Uruga Sutta (Sn 1.1, Kinh Con Rắn trong Kinh Tập), nhưng một câu lập đi lập lại trong các bài kệ qua cú pháp Anh văn trong bản Rockhill và Iyer khá mơ hồ (*sees that this world is like a mirage, casts off what is and is not of the other shore* = thấy rằng thế giới này như một quang năng, rời bỏ cái đang là [bờ kia] và cái không phải bờ kia), trong khi đó cú pháp rất minh bạch trong các bản dịch Sn 1.1 của Thanissaro (*knowing with regard to the world that "All this is unreal," sloughs off the near shore & far* = xem thế giới này như huyễn, giũ bỏ cả bờ này và bờ kia), của Nyanaponika (*knows about the world: "This is all unreal," — such a monk gives up the here and the beyond* = biết thế giới này đều như huyễn, vị sư như thế rời cả bờ này và bờ kia). Bởi vì, cả hai bờ được chúng ta nhìn và nói tới đều là phóng chiếu qua dàn máy chiếu phim thân-tâmngũ-uẩn, trong khi thực tướng là cái rỗng rang vắng lặng, xa lìa ngôn ngữ; Niết bàn vô trụ xứ thì không gọi là ở bờ nào cả.

(365) Tỳ khuru hài lòng với những gì mình được cúng dường, không bận tâm về những gì các vị khác được cúng dường; liên tục sống ly tham và quán chiếu, sẽ được chư thiên hoan hỷ bảo vệ.

Tỳ khuru hài lòng với những gì mình được cúng dường, không bận tâm về những gì các vị khác được cúng dường, được bảo vệ nhờ sống ly tham và quán chiếu, được chư thiên hoan hỷ bảo vệ; người như thế sẽ không tham gì tài sản, danh vọng, thế lực.

Vị tỳ khuru đã lìa tất cả tham, vắng bật say đắm dù được trao tặng các thứ trước mắt, tinh tấn sống với tâm phòng hộ và vô ngã, chớ nói hay thương lượng với người.

Bị kẻ ác mắng nặng lời, tỳ khuru không giận dữ trong mọi trường hợp, như voi bị tên bắn giữa trận tiền.

Bị kẻ ác mắng nặng lời, tỳ khuru bình đẳng an tịnh trong mọi trường hợp, như voi bị tên bắn giữa trận tiền.

Không làm bất cứ những gì cho lòng tham của mình, lo phòng hộ các căn, giải thoát hoàn toàn, không muốn một căn nhà, sống không thấy gì là mình, lìa tất cả tham, đơn độc sống cô tịch, như thế gọi là tỳ khuru.

(375) Đây Tỳ kheo có trí, tụ tập pháp căn bản, hộ căn, biết vừa đủ, giữ gìn căn bản giới, thường gần gũi bạn lành, sống thanh tịnh tinh cần.

(362) Người tự kiểm soát tay, kiểm soát chân, kiểm soát lời nói, kiểm soát các căn, tìm vui nơi cô tịch, sống biết đủ, ta gọi là tỳ khuru.

(364) Tỳ khuru hoàn toàn hỷ trong pháp, lạc trong pháp, thiên trên pháp, mang trong tâm là pháp, sẽ không bao giờ rời xa pháp.

(373) Bước vào ngôi nhà trống, Tỷ kheo tâm an tịnh, thọ hưởng vui siêu nhân, tịnh quán theo chánh pháp.

(374) Người luôn luôn chánh niệm, sự sanh diệt các uẩn, được hoan hỷ, hân hoan, chỉ bậc bất tử biết.

Như núi đá bất động trước gió, vị tỳ khuru đã đoạn tận tham ái sẽ trở thành bất động.

Như núi đá bất động trước gió, vị tỳ khuru đã đoạn tận vô minh sẽ trở thành bất động.

Như núi đá bất động trước gió, vị tỳ khuru đã đoạn tận ngã chấp sẽ trở thành bất động.

Như núi đá bất động trước gió, vị tỳ khuru đã đoạn tận ái dục sẽ trở thành bất động.

Như núi đá bất động trước gió, vị tỳ khuru đã đoạn tận tất cả những dính mắc sẽ trở thành bất động.

Không tích trữ tài vật, không xem cái gì là của mình, không phiền não về bất cứ gì, vị đó gọi là tỳ khuru.

Người chỉ đi khát thực, không gọi là tỳ khuru; người dính mắc vào pháp thế gian, không gọi là tỳ khuru.

Người đã rời bỏ cả thiện và ác, người sống đời thánh hạnh, người sống ngoài xã hội đời thường, vị đó gọi là tỳ khuru.

Vị tỳ khuru sống dịu dàng, trọn lòng tin lời Đức Phật dạy, thấy toàn hảo an tịnh, không bao giờ mệt mỏi.

Vị tỳ khuru sống dịu dàng, trọn lòng tin lời Đức Phật dạy, sẽ thấy toàn hảo an tịnh, giữ được an tịnh các uẩn thân tâm.

Vị tỳ khuru sống dịu dàng, trọn lòng tin lời Đức Phật dạy, sẽ thấy toàn hảo an tịnh, sẽ phá hủy được tất cả dính mắc.

Vị tỳ khuru sống dịu dàng, trọn lòng tin lời Đức Phật dạy, sẽ tự bước xa đường ác, như voi tự xa vũng lầy.

Vị tỳ khuru sống dịu dàng, trọn lòng tin lời Đức Phật dạy, sẽ giữ bỏ mọi ác pháp, như gió tước lá trên cây.

Vị tỳ khuru sống dịu dàng, trọn lòng tin lời Đức Phật dạy, gần Niết bàn tới nỗi khó thể rời xa khỏi.

Vị tỳ khuru sống dịu dàng, trọn lòng tin lời Đức Phật dạy, vượt thắng những gì quyến rũ và khả ái, xa lìa cả ưa và ghét, sống đầy hỷ lạc, sẽ đoạn tận sâu khổ.

Với thân, khẩu và ý lặng lẽ, bình an, xa lìa mọi chuyện thế gian, tỳ khuru sẽ an bình, Thế Tôn nói như thế.

(372) Không có định, sẽ không có huệ; không có huệ, sẽ không có định: có cả định, huệ, mới là tỳ khuru.

Người trí ra sức tinh tấn, tu cả định và huệ; đòi hỏi đầu tiên của tỳ khuru là phải có hai pháp này.

Sống biết đủ, phòng hộ các căn; xem xét kỹ các pháp cần để giải thoát, điều độ ẩm thực, ở nơi cô tịch, tu pháp định và hướng về trí tuệ -- đó là lời Đức Phật dạy.

(378) An tịnh cả thân, khẩu, ý; giới hạnh đầy đủ, tâm trong sạch, đó là bậc tỳ khuru.

Giới hạnh đầy đủ, an tịnh toàn hảo, quán chiếu bảy pháp Thất Giác Chi, đó là bậc tỳ khuru.

Sống trong sạch và trí tuệ, xa lìa pháp nhiễm ô, đoạn tận sâu khổ, đó là bậc tỳ khuru.

Bất kể sống giới đức hay khổ hạnh, bất kể đã học nhiều pháp và sống cô tịch, nếu chưa đoạn tận sâu khổ, và nếu bỏ cuộc vì thiếu tự tin trong pháp tu thiên định, người này không gọi là tỳ khuru.

Năm uẩn hình thành thân tâm “cái tôi” và là sâu khổ trong cõi này. Bậc thượng nhân hãy tinh tấn thành tựu giác ngộ toàn triệt, nơi đó là hạnh phúc. Kiếp này suy nghĩ như thế nào, kiếp sau sẽ tái sinh theo cách suy nghĩ đó; họ sẽ sinh lại trong thế giới này, họ ưa thích sinh hữu, họ vui sướng trong sinh hữu, họ mong muốn tài vật thế gian, họ lý luận về các thuyết sinh hữu, họ tìm vui ngay trong sinh hữu của họ.

Họ vui sướng nhưng thực sự là sâu khổ, họ hạnh phúc nhưng run rẩy vì sợ hãi; họ nên tự giải thoát ra khỏi cuộc sinh hữu này, nên tự ra sức sống đời thanh tịnh.

Các giáo sĩ và các bà la môn đều dạy rằng sinh hữu là dẫn tới sinh hữu; nhưng không một ai trong họ biết đường giải thoát ra khỏi sinh hữu, Thế Tôn nói như thế.

Các giáo sĩ và các bà la môn đều dạy rằng sinh hữu là dẫn tới sinh hữu; nhưng không một ai trong họ biết sự giải thoát thực sự ra khỏi sinh hữu ra sao, Thế Tôn nói như thế.

Sâu khổ là kết quả dính mắc (nắm giữ, chấp thủ) vào sinh hữu, và từ đau khổ dẫn tới thêm dính mắc: nếu tất cả dính mắc bị phá hủy, sẽ không còn sâu khổ nữa.

Nhìn từ trí tuệ toàn hảo sẽ thấy bất kỳ hình thức sinh hữu nào cũng đều là vô thường, sâu khổ, biến đổi – và do vậy, người trí sẽ rời bỏ lòng tham muốn sinh hữu, và sẽ tìm vui trên đường đoạn tận sinh hữu.

Vị tỳ khuru rời bỏ sâu khổ sẽ được an toàn, với tâm không dính mắc gì tới cõi khác (kiếp sau), sẽ đoạn tận được sâu khổ; chiến thắng xong Ma vương, rồi sẽ thấy đoạn tận sinh hữu, như thế là đoạn tận sâu khổ.

Vị tỳ khuru đã tự cắt lìa ra khỏi sinh hữu, với tâm an tĩnh, dứt bật say đắm, sẽ không còn phải tái sinh nữa, sẽ rời khỏi chu kỳ sinh tử luân hồi.

Vị tỳ khuru đã tự cắt lìa ra khỏi sinh hữu, với tâm an tĩnh, dứt bật say đắm, giải thoát ra khỏi trói buộc của Ma, sẽ rời khỏi chu kỳ sinh tử luân hồi.

Vị tỳ khuru đã tự cắt lìa ra khỏi sinh hữu, với tâm đã đoạn tận lậu hoặc, sẽ không còn phải tái sinh nữa, sẽ rời khỏi chu kỳ sinh tử luân hồi.

Vị tỳ khuru đã tự cắt lìa ra khỏi sinh hữu, với tâm đã đoạn tận lậu hoặc, giải thoát ra khỏi trói buộc của Ma, sẽ rời khỏi chu kỳ sinh tử luân hồi.

Vị tỳ khuru đã tự cắt lìa ra khỏi sinh hữu, đã cắt ra từng mảnh sự quyến luyến tái sinh, sẽ không còn phải tái sinh nữa, sẽ rời khỏi chu kỳ sinh tử luân hồi.

Vị tỳ khuru đã tự cắt lìa ra khỏi sinh hữu, đã cắt ra từng mảnh sự quyến luyến tái sinh, giải thoát ra khỏi trói buộc của Ma, sẽ rời khỏi chu kỳ sinh tử luân hồi.

Người đã vượt qua vũng lầy, và không còn bị gai nhọn trần gian đâm trúng nữa, đã tìm ra lối đi đoạn tận tham, thực sự đáng gọi là tỳ khuru.

Người đã vượt qua vũng lầy, và không còn bị gai nhọn trần gian đâm trúng nữa, đã tìm ra lối đi đoạn tận sân, thực sự đáng gọi là tỳ khuru.

Người đã vượt qua vũng lầy, và không còn bị gai nhọn trần gian đâm trúng nữa, đã tìm ra lối đi đoạn tận vô minh, thực sự đáng gọi là tỳ khuru.

Người đã vượt qua vũng lầy, và không còn bị gai nhọn trần gian đâm trúng nữa, đã tìm ra lối đi đoạn tận ngã chấp, thực sự đáng gọi là tỳ khuru.

Người đã vượt qua vũng lầy, và không còn bị gai nhọn trần gian đâm trúng nữa, đã tìm ra lối đi đoạn tận tất cả tham, thực sự đáng gọi là tỳ khuru.

Người đã vượt qua vũng lầy, và không còn bị gai nhọn trần gian đâm trúng nữa, đã tìm ra lối đi đoạn tận tất cả dính mắc nắm giữ, thực sự đáng gọi là tỳ khuru.

Người đã đoạn tận các hành vi chỉ trích, giết hại, gây tổn thương và các gai nhọn trần gian, người bất động y như ngọn núi, người không bị vui sướng nào làm động tâm, thực sự đáng gọi là tỳ khuru.

Vị tỳ khuru không chỉ trích hay phóng đại thù ghét, nhìn thấy thế giới này y hết một quáng nắng, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn.

Như vị lương y chữa nọc độc của rắn, vị tỳ khuru chiến thắng tham ái, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn.

Như vị lương y chữa nọc độc của rắn, vị tỳ khuru chiến thắng sân hận, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn.

Như vị lương y chữa nọc độc của rắn, vị tỳ khuru chiến thắng vô minh, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn.

Như vị lương y chữa nọc độc của rắn, vị tỳ khuru chiến thắng ngã chấp, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn.

Như vị lương y chữa nọc độc của rắn, vị tỳ khuru chiến thắng ái dục, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn.

Như vị lương y chữa nọc độc của rắn, vị tỳ khuru chiến thắng hôn ghét, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn.

Như vị lương y chữa nọc độc của rắn, vị tỳ khuru chiến thắng dính mắc chấp thủ, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn.

Vị tỳ khuru đã hủy sạch toàn bộ tham ái, như dòng lũ lớn làm tràn bờ sông mong manh, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn.

Vị tỳ khuru đã hủy sạch toàn bộ sân hận, như dòng lũ lớn làm tràn bờ sông mong manh, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn.

Vị tỳ khuru đã hủy sạch toàn bộ vô minh, như dòng lũ lớn làm tràn bờ sông mong manh, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn.

Vị tỳ khuru đã hủy sạch toàn bộ ngã chấp, như dòng lũ lớn làm tràn bờ sông mong manh, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn.

Vị tỳ khuru đã hủy sạch toàn bộ ái dục, như dòng lũ lớn làm tràn bờ sông mong manh, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn. 69 Vị tỳ khuru đã hủy sạch toàn bộ dính mắc, như dòng lũ lớn làm tràn bờ sông mong manh, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn.

Vị tỳ khuru xa lìa được tất cả tham, tự giải thoát ra khỏi lưới tham, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn.

Vị tỳ khuru rời bỏ tất cả các tâm mơ hồ, không còn vương gì nhiễm ô, tâm đã đoạn tận sâu khổ, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn.

Vị tỳ khuru đã trạch pháp minh bạch, thấy tỏ tường tất cả các pháp, tâm đã đoạn tận sâu khổ, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn.

Vị tỳ khuru đã búng gốc toàn bộ cánh rừng lậu hoặc nhiễm ô, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn.

Vị tỳ khuru đã búng gốc toàn bộ dịch bệnh của lậu hoặc nhiễm ô, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn.

Vị tỳ khuru đã búng gốc toàn bộ thiên hướng của lậu hoặc nhiễm ô, xa lìa cả bờ này và bờ kia, y hết con rắn giữ bỏ bộ da cũ và mòn.

Vị tỳ khuru sống theo chánh pháp, thiên định về Không, người có tâm liên tục an tịnh, đã rời bỏ sâu khổ phía sau và vui hỷ lạc.

Vị tỳ khuru, không nói chuyện gì về ưa hay ghét, tìm cư trú nơi cô tịch, sống trong thanh tịnh, đoạn tận toàn bộ những ưa thích sinh hữu cõi này và các thiên hướng bất thiện.

Hết Phẩm 32, về Tỳ Khuru

---o0o---

PHẨM 33 - BÀ LA MÔN

Ghi nhận: Chữ *Brāhmaṇa* tùy ngữ cảnh sẽ dịch là Phạm chí, hay Bà la môn, là người sống Phạm hạnh, tức đời thanh tịnh, dù là Phật tử hay ngoại đạo. Chữ *Śramaṇa* là tu sĩ, sẽ dịch là giáo sĩ nếu ngoại đạo, dịch là sa môn nếu trong tăng già.

Bài kệ 17 trong bản Rockhill ghi rằng kẻ sinh từ một bà mẹ giai cấp Bà la môn được gọi là Bhovadi, bản Iyer ghi là Bhavadi, bản Sparham ghi là "gọi tên theo những gì người ta nói"... đều không được Đức Phật gọi là Bà la môn. Tuy nhiên, người không sở hữu gì (đã sống với vắng lặng rỗng rang), và không nhận gì hết (không nắm giữ, không dính mắc) mới gọi là Bà la môn.

Bài kệ 26 và 27 nói thêm rằng người đã tịch lặng sẽ thấy xa cả "bờ này (khổ) và bờ kia (giải thoát)"... tương tự như nhiều kệ ở phẩm trước. Bài kệ 30 và 31 nói thêm ý "xa lìa cả thiện và ác" như phẩm trước đã nói trong nhiều bài kệ. Bài kệ 32 nói "xa lìa cả trước, sau và giữa" có ý rằng thời gian đã biến mất trong tâm người đã sống với không tịch.

Bài kệ 65 nói về người "without a body, who lives in a cave, who wanders about alone" (không còn thân, sống trong một hang, lang thang đơn độc) là nói về người sống được tánh không (emptiness), trong khi thế giới trở thành một cái hang do nội xứ phóng chiếu ra, và đơn độc là không có gì dính mắc.

Bài kệ 70 và 71 dùng lại ý "giết cha mẹ" là nói, giết cha vô minh và giết mẹ tham ái; nói giết hai vị vua là danh và sắc; nói chinh phục vương quốc (thân tâm) với thần dân (tâm sở).

(142) Ai sống tự trang sức, nhưng an tịnh, nhiếp phục, sống kiên trì phạm hạnh, không hại mọi sinh linh, vị ấy là phạm chí, hay sa môn, khát sĩ.

(141) Không phải sống lỏa thể, bện tóc, tro trét mình, tuyệt thực, lăn trên đất, sống nhớp, siêng ngồi xồm, làm con người được thanh tịnh, nếu không trừ nghi hoặc.

Tu sĩ và Bà la môn nào còn tham, sẽ không đoạn tận được lậu hoặc, và sẽ chịu khổ tái sinh.

Tu sĩ và Bà la môn nào còn tham, sẽ không đoạn tận được thọ (sensation, vedanā), và sẽ chịu khổ tái sinh.

Tu sĩ và Bà la môn nào còn tham, và hễ ai còn thấy có gì để dính mắc (tâm còn chỗ trụ), sẽ chịu khổ tái sinh.

Tu sĩ và Bà la môn nào còn tham, họ vẫn còn là kẻ ngu, bất trí, và sẽ chịu khổ tái sinh.

Tu sĩ và Bà la môn nào còn tham, họ sẽ không tìm được an lạc Niết bàn, và sẽ chịu khổ tái sinh.

(394) Kẻ ngu, có ích gì bện tóc với da dê, nội tâm toàn phiền não, ngoài mặt đánh bóng suông.

(393) Trở thành Bà la môn không phải vì đầu bện tóc, không vì sinh trong gia đình hay giai cấp nào; Ai thật chân, chánh, tịnh, mới gọi Bà la môn.

Trở thành Bà la môn không phải vì đầu bện tóc, không vì sinh trong gia đình hay giai cấp; Ai buông bỏ hết tất cả lậu hoặc ô nhiễm, ta gọi là Bà la môn.

Trở thành Sa môn không phải vì đầu cạo trọc, trở thành Bà la môn không vì tụng chữ "Om!" Ai biết giới hạnh là gì, và sống thanh tịnh, mới là Bà la môn.

Trở thành Sa môn không phải vì đầu cạo trọc, trở thành Bà la môn không vì tụng chữ "Om!" Ai buông bỏ hết tất cả lậu hoặc ô nhiễm, mới là Sa môn, là Bà la môn.

Trở thành thanh tịnh không phải vì tắm gội, như những kẻ thể tục trong thế giới này; Ai buông bỏ hết tất cả lậu hoặc ô nhiễm, mới là Sa môn, là Bà la môn.

Người đã xa lìa tất cả lậu hoặc, người liên tục tự quán chiếu, người đã giác ngộ hoàn toàn về hủy diệt mọi dính mắc, vị đó là Bà la môn trong ba cõi.

Vị Bà la môn đã xa lìa tất cả lậu hoặc, sống không giả hình, sống đời thanh tịnh, đã đạt toàn hảo như ghi trong các bộ Vedas; vị này sống đời thánh hạnh, và khi nói lên, lời vị này là thánh ngữ.

Người sống chân thật, sống vô ngã, sống ly tham, sống không mong đợi gì, đã chiến thắng sân hận, vị đó đang trên đường tới Niết bàn; vị đó là một Bà la môn, một Sa môn, một Tỳ khưu.

(396) Người sinh từ một bà mẹ [quý tộc], nếu có tài sản lớn, có thể được gọi là người dòng Phạm chí, nhưng ta không gọi đó là Bà la môn; người không sở hữu gì (sống với vắng lặng rỗng rang), và không nhận gì hết (không nắm giữ, không dính mắc), ta gọi là Bà la môn.

(391) Với người thân khẩu ý, không làm các ác hạnh, ba nghiệp được phòng hộ, ta gọi Bà la môn.

Người không nặng lời, chỉ nói sự thật và từ ái, sống xa lìa lậu hoặc ô nhiễm, ta gọi là Bà la môn.

(399) Người nhẫn chịu roi đánh, trói buộc, bạo hành, với tâm luôn kham nhẫn, với sức mạnh như chủ đón khách, ta gọi là Bà la môn.

(400) Người đã hết sân, giữ giới hạnh, dịu dàng, đã lìa tham ái, thân này là thân cuối, ta gọi là Bà la môn.

(404) Không liên hệ cả hai, xuất gia và thế tục, sống độc thân, ít dục, ta gọi là Bà la môn.

Người không tìm vui gì cho tương lai, không buồn về những gì để lại trong quá khứ, người xa lìa sắc dục, đã chiến thắng Ma vương, ta gọi là Bà la môn.

Người không tìm vui gì cho tương lai, không buồn về những gì để lại trong quá khứ, người thanh tịnh, ly tham, không sầu khổ, ta gọi là Bà la môn.

Người không để chút tham nhỏ nào khởi lên, sống vắng lặng, tận lực hướng về Niết bàn, đã đoạn tận lậu hoặc, đã sạch khỏi ô nhiễm, ta gọi là Bà la môn.

(385) Người đã thấy không có cả bờ này và bờ kia, đã đoạn tận tất cả duyên khởi, ta gọi là Bà la môn.

Người đã thấy không có cả bờ này và bờ kia, đã đoạn tận ưa thích về ba cõi, ta gọi là Bà la môn.

(409) Người không lấy gì nơi thế giới này, dù dài hay ngắn, mỏng hay dày, tốt hay xấu, ta gọi là Bà la môn.

Người có trí tuệ, đoạn tận sầu khổ, sống ly tham, giải thoát khỏi tất cả mọi thứ, ta gọi là Bà la môn.

Người đã buông bỏ cả thiện và ác, đã trao tặng bố thí mọi thứ, sống ly tham, an tịnh, ta gọi là Bà la môn.

Người bỏ sau lưng tất cả ưa thích về thiện và ác, đã bỏ sau lưng tất cả những ưa thích, đã giải thoát hoàn toàn, ta gọi là Bà la môn.

Người thấy không còn phía sau, phía trước và chặng giữa (3 thời: quá khứ, vị lai, hiện tại), đã sống ly tham, lìa trói buộc, ta gọi là Bà la môn.

Người, như nước trên lá sen, như hạt cải đầu lá sậy, không dính gì vào ác, ta gọi là Bà la môn.

(401) Người, như nước trên lá sen, như hạt cải đầu lá sậy, không dính gì vào ái dục, ta gọi là Bà la môn.

Người, như nước trên lá sen, như hạt cải đầu lá sậy, đã rời niềm vui sinh hữu, ta gọi là Bà la môn.

Người, như mặt trăng, ly sắc dục, thanh tịnh, hoàn toàn trong trẻo, đoạn tận lậu hoặc, ta gọi là Bà la môn.

(413) Người, như mặt trăng, ly sắc dục, thanh tịnh, hoàn toàn trong trẻo, đã rời niềm vui sinh hữu, ta gọi là Bà la môn.

Người đã đoạn tận lậu hoặc, như bầu trời xa vũng lầy và như mặt trăng xa bụi, ta gọi là Bà la môn. 39 Người đã xa lìa tham, như bầu trời lìa vũng lầy và như mặt trăng lìa bụi, ta gọi là Bà la môn.

Người đã lìa tất cả niềm vui sinh hữu, như bầu trời lìa vũng lầy và như mặt trăng lìa bụi, ta gọi là Bà la môn.

Người cư trú cô tịch, ly tham, thiên định, dứt lậu hoặc, làm xong những việc cần làm, sống nhu hòa, thân này là thân cuối, ta gọi là Bà la môn.

(403) Người tri kiến sâu thẳm, tâm ngay chính, biết các đường ngay chính và sai trái, đã tìm thấy an lạc lớn nhất (đường tới Niết bàn), ta gọi là Bà la môn.

Những người, bất kể họ là ai, người sống khát thực, không có gì là của riêng họ, sống bất hại, tinh tấn, sống đời thánh hạnh, trí tuệ tuyệt hảo, dạy pháp duyên khởi, ta gọi là Bà la môn.

(415) Người ly tham, sống vô gia cư trên đường xin vào tăng thân, đã đoạn tận tham, ta gọi là Bà la môn.

Người không hại bất kỳ sinh vật nào, không giết hay không góp phần giết, ta gọi là Bà la môn.

Người bao dung với cả những người không bao dung, người kham nhẫn chịu đựng hình phạt, người từ bi với tất cả chúng sinh, ta gọi là Bà la môn.

(407) Như hạt cải nơi đầu lá sậy, người xa lìa tham ái, sân hận và ngã chấp, ta gọi là Bà la môn.

Người đã vượt thành trì ái luyến và dòng sông luân hồi, đã bước trên đường tới Niết bàn, cũng không bận tâm về chuyện đi sang bờ kia, người đã rời bỏ dính mắc, ta gọi là Bà la môn.

(410) Người không tham gì trong thế giới này hay thế giới sau, người đã đoạn tận tất cả ưa thích về sinh hữu, ta gọi là Bà la môn.

Người không còn say đắm gì cho thế giới này hay thế giới sau, người đã hết say đắm, đã hoàn toàn rời bỏ [say đắm đó], ta gọi là Bà la môn.

Người đã lìa những gì là vui và không vui, đã trở thành nguội lạnh (sống biết đủ), đã đoạn tận lậu hoặc, đã vượt thắng toàn bộ thế giới, tinh tấn, ta gọi là Bà la môn.

(417) Người lìa trói buộc cõi người, lìa trói buộc cõi trời, lìa tất cả dính mắc trói buộc, ta gọi là Bà la môn.

(420) Với ai, mà loài trời, người, cùng với Càn thất bà, không biết chỗ thọ sanh, lậu tận bậc La hán, ta gọi là Bà la môn.

Với người đã biết và hiểu tất cả pháp, người đã thấy những phân xa nhất của tri kiến, ta gọi là Bà la môn.

(423) Với người biết được kiếp trước, thấy được cõi trời và địa ngục, người tịch tịnh đã tìm ra đường đoạn tận sinh hữu, người toàn hảo tri kiến, biết đoạn tận sáu khổ, ta gọi là Bà la môn.

Người có tâm giải thoát hoàn toàn, trí tuệ, lìa tất cả tham, đắc tam minh, ta gọi là Bà la môn.

(419) Người hiểu sự sinh, biến đổi, sự tử của tất cả chúng sinh, người có mắt nhìn xuyên suốt tất cả, đã giác ngộ hoàn toàn (Đức Phật), ta gọi là Bà la môn.

Người đã lìa tất cả những dính mắc, người không còn sầu khổ, không còn hỷ lạc, người sống quán chiếu và giảng pháp cho người khác, ta gọi là Bà la môn.

(422) Bạc trâu chúa, thù thắng; Bạc anh hùng, đại sĩ; Bạc chiến thắng, không nhiễm; Bạc tẩy sạch, giác ngộ; ta gọi là Bà la môn.

Người đã rời sinh hữu, đã chiến thắng tất cả, đã vượt qua sông, đã xa lìa thế giới này, đã buông bỏ hết tất cả, và đã tới bờ bên kia; ta gọi là Bà la môn.

Người không còn chút niệm nào bất thiện, người không còn nói kém suy xét, người sống với tâm xa lìa tham; ta gọi là Bà la môn.

Người mặc y phục từ đồng vải giẻ rách, người học cách sống biết đủ, người không còn tham, người sống gần cội cây; ta gọi là Bà la môn.

Người đã rời bỏ tất cả sầu khổ, đã an tịnh, đã tự thiên định về Bát chánh đạo; ta gọi là Bà la môn.

Người đã rời bỏ tất cả (thế gian), người giác ngộ, xa lìa nghi và sầu khổ, đã thấy cảnh giới toàn hảo bất tử (Niết bàn); ta gọi là Bà la môn.

Người không còn thấy có thân, sống trong một cái hang, lang thang đơn độc, kiểm soát được dòng tâm trôi chảy vốn khó kiểm soát; ta gọi là Bà la môn.

Người hiểu được [cảnh giới] vô sắc vốn không thể được nhìn thấy, cái vô cùng tận vốn không thể được nhìn thấy, cái cực vi, cái căn bản, người luôn luôn quán chiếu, người đã đoạn tận tất cả dính mắc, người đã giác ngộ toàn hảo (Đức Phật); ta gọi là Bà la môn.

Người đã cắt dây buộc, người đã rời bỏ tất cả sầu khổ, người đã thực sự giác ngộ; ta gọi là Bà la môn.

Người đã diệt lòng tham tài vật cõi này, đã diệt tâm bất thiện, đã hủy các trói buộc của con mắt thịt, đã nhổ hẳn gốc rễ tham; ta gọi là Bà la môn.

Người với nhiệt tâm đã cắt đứt dòng sông, người đã vượt thắng tất cả tham, người biết đoạn tận các uẩn, không đoạn tận lậu hoặc; ta gọi là Bà la môn.

(294) Người đã giết cha [vô minh], giết mẹ [tham ái], giết hai vua [danh, sắc], chinh phục vương quốc [thân tâm] với các thần dân [tâm sở], ly ô nhiễm, là Bà la môn.

(295) Người đã giết cha và mẹ, đã giết hai vua, đã giết con cọp bất thiện, ly ô nhiễm, là Bà la môn.

(389) Chớ bao giờ đánh một vị Bà la môn, chớ bao giờ xua đuổi một vị Bà la môn; Đánh Bà la môn là kẻ ngu, đuổi Bà la môn là kẻ ác (ngu, ác sẽ tái sinh cảnh dữ).

Người hiểu thấu các pháp, nên được vinh danh và ngưỡng mộ bởi cả trẻ và già, vì Bà la môn giữ lửa thánh.

Người hiểu thấu các pháp, nên được vinh danh và kính trọng bởi cả những người trong giới trẻ và già, vì Bà la môn giữ lửa thánh.

(392) Người hiểu thấu chánh pháp do Đức Phật dạy nên được vinh danh và ngưỡng mộ, như Bà la môn giữ lửa thánh.

Người hiểu thấu chánh pháp do Đức Phật dạy nên được vinh danh và tôn kính, như Bà la môn giữ lửa thánh.

Khi Bà la môn đã tới bờ bên kia sinh hữu, vị này đứng đơn độc, bỏ lại sau lưng tất cả nỗi sợ ma, sợ quỷ.

Khi Bà la môn đã tới bờ bên kia sinh hữu, vị này lúc đó thấy rõ ràng, và tất cả tướng (perceptions) và thọ (sensations) đều biến mất trước mắt.

Khi Bà la môn đã tới bờ bên kia sinh hữu, vị này lúc đó thấy rõ ràng, và tất cả các nhân duyên biến mất.

Khi Bà la môn đã tới bờ bên kia sinh hữu, vị này lúc đó thấy rõ ràng, và tất cả các dính mắc biến mất.

Khi Bà la môn đã tới bờ bên kia sinh hữu, vị này lúc đó để lại phía sau là sinh, già và chết.

(387, phần 1) Mặt trời chiếu sáng ban ngày, mặt trăng chiếu sáng ban đêm, áo giáp quân vương chiếu sáng giữa quân binh, Bà la môn chiếu sáng trong thiên định.

(387, phần 2) Mặt trời chiếu sáng ban ngày, mặt trăng chiếu sáng ban đêm; Đức Phật chiếu sáng liên tục, ngày và đêm.

Các vị Bà la môn đã buông bỏ hết tất cả những gì bất như ý; tương tự, tâm ta đã rời tất cả những tham muốn, ta đã thực sự đoạn tận tất cả chuyện thế gian.

Khi vị Bà la môn tinh tấn, thiên định, thấu hiểu các pháp và nguyên nhân (12 nhân duyên), và khi nhận biết này rõ ràng hoàn toàn, vị này liả tất cả các ngờ vực.

Khi vị Bà la môn tinh tấn, thiên định, thấu hiểu sâu khổ và nguyên nhân (12 nhân duyên), và khi nhận biết này rõ ràng hoàn toàn, vị này liả tất cả các ngờ vực.

Khi vị Bà la môn tinh tấn, thiên định, khám phá ra sự hủy diệt cảm thọ, và khi nhận biết này rõ ràng hoàn toàn, vị này liả tất cả các ngờ vực.

Khi vị Bà la môn tinh tấn, thiên định, khám phá ra sự tịch diệt tất cả các nhân duyên, và khi nhận biết này rõ ràng hoàn toàn, vị này liả tất cả các ngờ vực.

Khi vị Bà la môn tinh tấn, thiền định, khám phá ra sự tịch diệt các lậu hoặc ô nhiễm, và khi nhận biết này rõ ràng hoàn toàn, vị này liả tất cả các ngò vực.

Khi đối với vị Bà la môn tinh tấn, thiền định, tất cả những lời dạy này trở thành nhận biết rõ ràng toàn triệt, vị này đứng chói sáng khắp thế giới, như mặt trời chiếu sáng bầu trời.

Khi đối với vị Bà la môn tinh tấn, thiền định, nhờ tri kiến đã giải thoát xa khỏi tất cả dính mắc, tất cả những lời dạy này trở thành nhận biết rõ ràng toàn triệt, vị này đứng xua tan hết quân Ma.

Hết Phẩm 33, về Bà La Môn

---o0o---

Kinh Pháp Cú Tây Tạng

Tôn giả Pháp Cứu (Dharmatrāta) tuyển soạn

Nguyên Giác dịch và ghi nhận, theo 3 bản sách giấy:

-- *Udanavarga: A Collection of Verses from the Buddhist Canon* (1883).

Dịch giả: William Woodville Rockhill (1854-1914).

-- *The Tibetan Dhammapada* (ấn bản 1983).

Dịch giả: Gareth Sparham.

-- *The Dhammapada with the Udanavarga* (1986).

Dịch Giả: Raghavan Iyer (1930-1995).

---o0o---

VỀ TÁC GIẢ

Nguyên Giác, pháp danh, Cư sĩ Phật giáo, sinh năm 1952 tại Việt Nam. Hiện đang định cư tại bang California, Hoa Kỳ. Đã từng cộng tác với nhiều báo, như Tập san Nghiên cứu Triết học (Đại học Văn Khoa, Sài Gòn), Tự Thức, Văn, Văn Học, Hợp Lưu, Tạp chí Thơ, Việt Báo, Tạp chí Giao Điểm, Giác Ngộ và nhiều báo khác.

Các sách đã xuất bản:

Cậu bé và hoa mai (tập truyện ngắn)

Thiếu nữ trong ngôi nhà bệnh (tập truyện ngắn)

Vài chú giải về thiền đốn ngộ

Thiền tập (biên dịch)

Ba thiền sư (dịch từ nguyên tác của John Stevens)

Trần Nhân Tông, Đức Vua Sáng Tổ Một Dòng Thiền (song ngữ)

The Wisdom Within, Teachings and Poetry of the Vietnamese

Zen Master Tue Trung Thuong Sy (song ngữ)

Teachings From Ancient Vietnamese Zen Masters (song ngữ)

Thiền tập trong đời thường
Thiền Tông Qua Bờ Kia
Kính Nhật Tụng Sơ Thời

---o0o---

HẾT